

TIẾNG ĐÀN ĐÁ
TRÊN ĐỈNH SƠN TRÀ
tập truyện ngắn

NGUYỄN AN BÌNH

TIẾNG ĐÀN ĐÁ
TRÊN ĐỈNH SƠN TRÀ

tập truyện ngắn

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
2020

TỦ SÁCH TÌNH THƠ 13

Như những khúc tình ca gam thứ điệu dàng

*Nhà văn Hoài Hương

Có thể chính từ việc cùng quê miền Tây Đô Cần Thơ “gạo trắng nước trong” mà tôi có duyên gặp và làm quen với nhà thơ Nguyễn An Bình. Rồi cũng từ sự tò mò về một người thơ miền Tây Nam bộ, tôi đọc tiểu sử văn học của ông mà ngưỡng mộ, hơn nửa thế kỷ với bề dày và độ chín trong văn đàn đã lan rộng trong nước và hải ngoại, hiện tại là 17 tập thơ - văn - ca khúc phổ thơ đã được xuất bản, từng có rất nhiều tác phẩm thơ được chọn đăng trên các tạp chí Văn, Văn học, Tuổi Ngọc... trước năm 1975, và nhiều trang văn học của truyền thông Việt Nam sau năm 1975...

Đến khi tôi được ông tặng cho 5 cuốn ca khúc phổ thơ của ông với gần 500 bài: “Tình thom màu giấy mới”, “Qua miền đất nhớ”, “Về phương

Nam tìm một cánh cò”, “Lời hẹn cỏ may”, “Dấu chim bay”, và khi tôi viết những dòng này, về cuốn sách mới nhất của ông trong năm 2020, tập truyện ngắn **“Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà”**, còn biết thêm số ca khúc phổ thơ ông đã lên con số gần 700 bài, thì trong tôi không chỉ là ngưỡng mộ mà sự khâm phục sức lao động nghệ thuật của một người thơ tài hoa... Vâng! Cho phép tôi được gọi ông là “người thơ”.

Đọc thơ ông, luôn cảm giác trong thơ có nhạc, với những ngôn từ ngọt ngào thấm đẫm tình quê hương đất nước, có lẽ thế mà các nhạc sĩ đã đồng điệu mà phổ nhạc vào lời thơ, làm nên những ca khúc mượt mà, tha thiết, mang đậm hồn Việt. Và khi ông gửi tôi tập bản thảo **“Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà”**, tôi đã mang tâm cảm thơ, đọc 15 câu chuyện ngắn của ông: *Chuyện tình trên Phá Tam Giang, Chuột và người, Nguồn cội, Bến sông quê, Tình yêu màu hoa anh đào, Xóm trọ, Sông Ba mùa lũ, Trên đôi sương, Mùa chim đông độc, Sông ngoài kia vẫn chảy, Chuyện của hai người, Bên dòng Potomac, Tấm thẻ bài, Còn xanh bóng núi, Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà*, như đọc những câu chuyện thơ đầy nhạc cảm, những khúc tình ca gam thứ dịu dàng man mác, dù trong các câu chuyện đó, có vui có buồn, có

voi đầy tình người, có đấng đót xót xa, có thên thang nổi nhỏ, có điệu vọi tình quê, có thao thiết yêu thương, có chên chao xứ người, có mộng mơ lãng đãng, có liêu trai sương khói, có mơ hồ vênh vào kiếp người...

Vượt qua cảm xúc những câu chuyện đời, chuyện tình làm ám ảnh khôn nguôi về kiếp người, sao có phận khổ đến tận cam lai, hay long đong lận đận liên miên đến thế, hoặc về số phận những cuộc tình có khổ trước vui sau, sướng đó lại khổ ngay đó, hợp tan như mây khói gió đùa, phải vượt ngàn trùng xa cách đầy trắc trở rồi mới lại trùng phùng hạnh phúc... Đọc tập truyện "**Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà**" lại là khám phá thú vị bao nét văn hóa tinh tế, cung cấp thêm chút ít kiến thức về các miền đất Việt hay ở những phương trời xứ bạn.

Đọc *Chuyện tình trên Phố Tam Giang*, có thêm hiểu biết thế nào là "thả lừ", "mò trìa" để bắt tôm cua cá, "nò sáo" nuôi trồng thủy hải sản... Hay trong *Bến sông quê*, có thể biết thêm ít bài bản Đòn ca tài tử Nam bộ với các bản cổ như: "khốc hoàng thiên", "trăng thu dạ khúc", "tam xuân", "phụng hoàng", "kim tiên bản", "vọng kim lang", "văn thiên tường", "phi vân điệp khúc"... , các điệu lý: "lý giao duyên", "lý con sáo", "lý cái mơn"...

Đọc *Sông Ba mùa lũ*, là có thể hình dung con sông “bắt nguồn từ ngọn núi Ngọc Rô tuốt trên vùng đất đỏ ba-zan Tây Nguyên, chảy qua mấy tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai rồi xuôi về Phú Yên theo cửa Đà Diễn ra biển khơi. Hàng nghìn năm nay đã chuyên chở biết bao phù sa màu mỡ tưới cho cánh đồng lúa Phú Yên để nó trở thành vựa lúa lớn nhất miền Trung này...”.

Và một cảnh tượng tuyệt mỹ trong khu rừng rậm nhiệt đới có thể làm ngây ngất bạn đọc dù chỉ là ngôn từ: “Một đàn bướm đủ màu sắc, anh nhận ra có nhiều loài bướm đẹp đặc trưng của Sơn Trà như bướm phượng đuôi kiếm, bướm phượng đốm vàng, bướm phượng đen đuôi vàng... bay hàng đàn theo bước chân anh như tiễn anh xuống núi giống như ngày xưa các nàng tiên nữ tiễn đưa Lưu Thần và Nguyễn Triệu về trần gian vậy...” - **Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà**

Trong câu chuyện *Sông ngoài kia vẫn chảy*, ngoài việc cung cấp cho bạn đọc “quy trình” làm chiếc ghe xuồng: “Làm ghe xuồng - Để hoàn thành một chiếc xuồng đạt yêu cầu, phải qua nhiều công đoạn vất vả từ việc lựa ván, bỏ mực, rọc dụn, tô vỏ, ráp cong, dẫn... trong các khâu đó khâu ráp cong là khâu quan trọng nhất quyết định đến chất lượng của sản phẩm” ..., thì cách tả dọc ngang đòi thương hồ ở miền Tây Nam bộ, qua câu văn mà thấy cả miền

sông nước với những cái tên đầy ẩn tượng, hình dung ra một miền nước châu thổ sông Mekong thi vị và kỳ bí để khám phá trong một chuyến du lịch nào đó trong tương lai: “Ráng chiều, Ngàn lại lang thang trên sông nước cùng chiếc ghe hàng bông của dì Tư, khi thì qua Cái Sâu, Mái Dầm, Phú Hữu khi thì ngược lên Vàm Xáng, Phong Điền, Cầu Nhiễm, Ba Xe, có lúc lại trẩy lên Ô Môn, Thới Lai Cờ Đỏ, nơi nào có khách thì thuyền cứ đi, nơi nào có bến thì thuyền neo đậu lại...”.

Đặc biệt là trong câu chuyện *Tình yêu màu hoa anh đào*, thật thú vị khi tác giả cung cấp cho bạn đọc ít kiến thức về hoa anh đào ở Nhật mà không phải ai cũng có thể nhận biết, nếu như không phải một người có sự quan sát tỉ mỉ và tìm hiểu cẩn kẽ: “Ở Nhật có mấy trăm loài hoa anh đào khác nhau như Nhiễm Tỉnh Cát Dã Anh (Somei Yoshino Zakura) hoa có màu hồng nhạt hay trắng. Vẻ ngoài của chúng đặc biệt đẹp nhờ vào lá cây không trồi ra cho tới mùa cao điểm hoa nở. Hoa có sắc hồng chuyển dần sang trắng, các biểu tượng hoa sakura đều bắt đầu từ loài này. Còn có Sơn Anh (Yama Zakura) cũng màu hồng nhạt, hoa năm cánh nhưng nhỏ hơn, Chi Thùy Anh (Shidare Zakura), hoa màu hồng có những nhánh rũ xuống, rồi Hàn Anh (Kanzakura) là loại hoa anh đào nở sớm, Hà Tân Anh (Kawazu Zakura). Hàn Phi

Anh hoa có màu đỏ đậm giống như cái chuông... Hàn Phi Anh có thể nở nở từ tháng 1..., có loại nở rất muộn như Nhất Diệp Anh (Ichiyō Zakura) nở vào cuối tháng tư một bông có khoảng 20 cánh, rồi Uất Kim (Ukon) hoa có màu vàng nhạt, Anh Đào Hoa Cúc (Kikuzakura) có khoảng 100 cánh trong một bông, đặc biệt là Anh Đào Mùa Thu (Jugatsuzakura) thời gian nở từ tháng mười đến tháng một và mùa xuân, là một trong những loài hoa nở vào mùa thu và mùa đông..."

Khi nói về một con sông ở thủ đô nước Mỹ, tác giả tả ngọn nguồn sông, để qua đó cho bạn đọc có thể hình dung dòng chảy như đang được "xem" thực địa: "...sông Potomac bốn mùa trong xanh hiền hòa, nó là một trong những con sông dài nhất nước Mỹ, Potomac khởi nguồn từ tiểu bang West Virginia và lần lượt chảy qua các tiểu bang Maryland, Virginia và Washington DC. Đoạn sông chảy qua Virginia là dài nhất, bởi khi vào tới tiểu bang Virginia dòng sông uốn khúc nhiều lần khi nối với các phụ lưu nhỏ và mỗi lần tiếp nhận thêm một phụ lưu, dòng sông lớn hơn cho tới khi chạm mặt với thủ đô Washington DC thì dòng Potomac đã trở thành mênh mông khi xuôi về phía nam đổ vào vịnh Chesapeake rồi hòa vào Đại Tây Dương... - Bên dòng Potomac

15 câu chuyện trong "**Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà**" của người thơ Nguyễn An Bình có thể

nói là 15 cung bậc của tình yêu, mà ở đó, chữ “tình” giống như chủ thể để biến tấu những gam màu sắc cuộc đời hoặc đắng ngọt, day dứt, chùng chình đến thương những mảnh đời bất hạnh, hoặc hạnh phúc được sẻ chia, hạnh phúc khi đoàn tụ, hạnh phúc tìm được nhau để có nhau, hạnh phúc khi biết về nguồn cội...

Những câu chuyện tình yêu trai gái tình tiết không tạo sốc, không có những tình huống gay cấn, nhưng luôn làm xốn xang trái tim bạn đọc bởi cái thương khó, chông chênh. Không thể không thương cặp đôi trai gái người mất mẹ kẻ mồ côi cha, cùng có hiếu với người còn lại, cùng chịu thương chịu khó, cùng sốt chia cho nhau vui buồn, tựa vào nhau, để rồi gắn bó với nhau ăn đời ở kiếp hạnh phúc như trong *Chuyện tình trên Phố Tam Giang*. Cũng như cảm thông và cầu mong cho nhân vật Ngân trong *Sông ngoài kia vẫn chảy* tìm được niềm vui với mối tình thanh mai trúc mã, đi theo tiếng gọi trái tim, vừa là trả ân tình cho những người đã cứu mang cuộc đời, vừa là theo tiếng gọi của dòng sông, của kiếp thương hồ gắn bó từ trong máu thịt... Và có chút ngậm ngùi đồng thuận với tác giả về một tình yêu bị phản bội, bị xem thường như trò lừa dối để mang lợi cho mình trong câu chuyện tình buồn *Chuyện hai người*.

Trong tập truyện ngắn này có hai câu chuyện tình dễ thương vừa mộng vừa thực, vừa lãng mạn vừa sương khói liêu trai, đều cùng đề cập đến cái đẹp, một cái đẹp nghệ thuật do con người tạo tác, một vẻ đẹp của thiên nhiên của môi trường, đều có một chàng trai đi tìm một người con gái... *Trên đôi song*, như câu chuyện “châu về hợp phố”, một bản tình ca ngọt ngào với giai điệu ban đầu có chút trắc trở, để rồi cái kết đẹp như thơ, chàng họa sĩ đã gặp lại người con gái – nguyên mẫu trong bức tranh của mình trong một hoàn cảnh khá cảm thương - nàng bị tai nạn và mất trí nhớ, và rồi tình yêu chân thành từ trái tim cộng vẻ đẹp bất tử của nghệ thuật đã làm nên điều kỳ diệu. Còn câu chuyện thứ hai, cũng là câu chuyện kết của tập truyện **Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà**, một câu chuyện tình liêu trai kỳ ảo giữa một nghệ sĩ nhiếp ảnh, không phải với hồ tinh mà với một linh trướng của rừng Sơn Trà, vọc Chà vá chân nâu đầy mê hoặc trong vẻ đẹp hoang dã cũng như chất kỳ ảo của tiếng đàn đá âm thanh của đại ngàn. Một câu chuyện mà qua đó còn chứa nhiều thông điệp về bảo vệ giữ gìn môi trường thiên nhiên, đừng vì lợi nhuận đồng tiền mà phá hủy vẻ đẹp và những bảo vật thiên nhiên ban tặng cho con người.

Và tiếp nối theo mạch bảo vệ thiên nhiên, câu chuyện *Sông Ba mùa lũ* là một gam buồn cảnh báo những hiểm họa khôn lường do con người nấn sỏi đá đổi dòng những con sông trời cho, để khi thì đồng khô ruộng hạn nứt nẻ, khi thì ngập úng lũ lụt mênh mang..

Có một câu chuyện trong tập truyện này khá sốc, nó gần như mang màu sắc lạ, và thật sự đọc xong vẫn ám ảnh đến rùng mình nổi gai người. Câu chuyện *Chuột và người*, miêu tả cảnh bắt chuột cống hàng đêm của một tay “săn chuột” bán cho các nhà hàng đặc sản có thể thu nhập tiền triệu mỗi đêm. Một con người tử tế đàng hoàng, rồi sa cơ, rồi biến mình thành một loài “chuột” làm cái nghề kinh khủng... Một câu chuyện không chỉ buồn mà còn chuyển khá nhiều những nghĩ suy về cuộc sống, con người, trách nhiệm, sự dối gian, thú ăn chơi bất chấp...

Quê hương trong thơ của người thơ Nguyễn An Bình như một chủ thể thống nhất trong các tác phẩm thơ của ông, thì ở trong tập truyện ngắn này, ông cũng không bỏ qua “sở trường” của mình để viết hai câu chuyện đầy xúc động: *Nguồn cội* - nói về những em bé trong chiến dịch “Operation Babylift” của Mỹ di tản trẻ mồ côi ra nước ngoài trước ngày 30/4/1975, tìm về nguồn

cội quê hương của mình; Truyện thứ hai là *Mùa chim đồng độc* - Một câu chuyện tình yêu được viết qua những ký ức hoài niệm đẹp về loài chim đồng độc ở quê nhà, loài chim cần cù chịu khó làm tổ đẻ trứng nuôi con mỗi mùa, để rồi sau đó lại cặp kè nhau tung cánh bay đi về một miền xa tiếp tục sinh sống và trưởng thành...

Tình người trong tập truyện "**Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà**" là những câu chuyện cảm động và có thể nói gây xúc động tận tâm can bạn đọc. Một *Xóm trọ* toàn những dân nghèo thêngh nghèo thang ở tứ xứ tụ lại, làm nghề cũng đa nghệ, tính cách thành phần tuổi tác cũng đầy phức tạp, nhưng được cô chủ trọ có tình, không quá ngặt nghèo lấy tiền trọ, cảm thông với sự khó của mọi người mà tỏ ra hào phóng, khoáng đạt, lại luôn tìm cách động viên để người ở trọ có thêm động lực mà sống trong lạc quan. *Còn xanh bóng núi*, câu chuyện buồn the thắt của người đàn ông cựu chiến binh chiến trường K, bị vợ ruồng rẫy, rồi con chết vì bệnh, bên cạnh đó là câu chuyện một cô sinh viên bị lừa rồi mang bầu, sinh con và bỏ con... Người đàn ông sau đó dang tay mở trái tim dốc công nhận nuôi bày trẻ bị mẹ bỏ hay mồ côi như niềm vui cuộc đời. Cô gái sau khi tốt nghiệp có công ăn việc làm đàng

hoàng, chuộc lỗi xưa bằng cách luôn góp tiền bạc giúp đỡ người đàn ông nuôi bầy trẻ, rồi biết con mình trong số trẻ nít đó... Và cái kết có hậu cho những người hảo tâm nhân hậu, họ đã cùng nắm tay chăm sóc bầy trẻ.

“**Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà**” có ba câu chuyện về người Việt xa xứ: *Tình yêu màu hoa anh đào; Bên dòng Potomac, Tấm thẻ bài*. Cảm giác như gam màu lạnh trong chuyện với những số phận xa xứ nhiều tâm sự, ngổn ngang những mảnh đời, vất vả trong mưu sinh..., nhưng câu chuyện lại thật ấm áp. Ấm từ màu hồng hoa anh đào Nhật Bản để sưởi những trái tim lao động Việt, ấm từ ngọn gió trên dòng Potomac vô tình hay hữu ý đã gắn kết hai con người tưởng như đã không còn có thể gặp lại nhau, ấm từ giai điệu ca khúc Somewhere my love trong phim Doctor Zhivago để gắn cuộc tình với cô gái tên Hà...

Tập truyện ngắn “**Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà**” của nhà thơ Nguyễn An Bình khá chân phương trong ngôn ngữ, nhiều phương ngôn mang phong cách Nam Bộ, giống như một cách kể rí rả câu chuyện, không ồn ào, không náo nhiệt, như những khúc tình ca gam thứ giai điệu dịu dàng len lỏi, thấm dần vào tâm hồn bạn đọc,

gây cảm xúc nhớ nhớ thương thương, chút hoài cảm mơ màng... Đặc biệt, có lẽ là người thơ viết văn, nên trong nhiều đoạn truyện chất thơ rất nhiều.

Một tập truyện đọc để cảm để rồi khó quên.

Tôi nhớ nhà thơ Nguyễn An Bình đã từng nói:
Làm thơ viết văn là một cái nghiệp mà tôi tự tìm đến một cách hân hoan và tự nguyện, mãi mãi đi trên con đường đó dù biết nhiều gập ghềnh chông gai lẫn những cạm bẫy nhưng con đường đó lại chứa đầy hạnh phúc và niềm hoan lạc không bến bờ.

Chúc phúc con đường văn nghiệp của ông sẽ được nhiều hoan lạc.

TP. Hồ Chí Minh

Ngày 6.6.2020

Chuyện tình trên phá Tam Giang

Du tắt máy cho thuyền của mình tiến từ từ vào khoảng nước trống dành cho chỗ họp chợ mỗi ngày, rồi dùng mái chèo bơi nhẹ vào khu chợ nổi. Đã gần 4 giờ sáng một vùng đầm phá Tam Giang còn chìm trong bóng đêm bỗng sáng dần lên từ những ánh đèn pin nhấp nháy khắp nơi. Những ngọn đèn từ tám hướng đổ về theo sự di chuyển của hàng trăm chiếc thuyền lớn nhỏ rải rác khắp nơi. Rồi những chiếc thuyền ấy tiến đến gần nhau khiến ánh đèn như chụm lại, tạo nên một điểm sáng lớn giữa bốn bề mênh mông sông nước. Đó là cảnh họp chợ đầu ngày trên chợ nổi thôn Mỹ Thạnh khi chúng ta quan sát từ trong bờ. Trên đầm phá, tiếng mái chèo khua nước, tiếng gọi bạn í ới, tiếng chào hỏi, tiếng cười đùa râm ran của các ngư dân tạo nên không khí rộn ràng khi gặp nhau. Cũng không ai biết cái chợ nổi Mỹ Thạnh

có từ bao giờ, Du cũng vậy, anh chỉ biết từ nhỏ đã theo ba mẹ đi bán tôm cá đánh bắt được trên đầm phá là đã biết nó rồi. Ngày trước nó chỉ là nơi họp chợ của dân trong làng trong việc mua bán trao đổi thủy hải sản mà thôi. Bây giờ cái chợ nổi này là nơi họp chợ của cả một vùng đầm phá vì sự lâu đời và vì vị trí, sự di chuyển thuận tiện của nó. Khi bóng đêm còn chưa tan hết, chợ đã bắt đầu đón nhận những ghe thuyền của người dân sống bằng nghề sông nước sau một đêm đánh bắt vất vả đổ về đây và thương lái cũng chờ đón sẵn để thu mua. Cuộc mua bán diễn ra nhanh chóng khoảng một hai giờ rồi tan. Người bán muốn bán nhanh để về nhà thu xếp sửa sang ngư cụ, lo toan công việc gia đình và ngủ một giấc đã thèm để chuẩn bị cho buổi đánh bắt ngày hôm sau, còn người mua hay thương lái cũng muốn mua nhanh để kịp phiên chợ sáng của chợ huyện hay chợ lớn thành phố, nếu họp chợ quá lâu, tôm cá sẽ không còn tươi ngon nữa hoặc lỡ cả một phiên chợ không bán được. Cả một khoảng sông nước sáng lên từ những ánh đèn pin như thế xen lẫn trong tiếng ồn ào làm cho chợ nổi càng lúc càng thêm đông đúc, náo nhiệt.

Tuy gọi là chợ nhưng đa số ai đến họp chợ mua bán ở đây đa số đều biết mặt nhau, biết cả tên

họ, quê quán tuổi tác của nhau khác với những phiên chợ trên bờ. Ngoài việc mua bán tôm cá thủy hải sản cũng là dịp mọi người thăm hỏi sức khỏe công việc, thông tin cho nhau những tin tức mà họ nghe được chẳng hạn cái chết thương tâm của hai đứa con ông An đuối nước khi đi bắt nước, đám ma của ông Lê được nhiều quan chức đến điếu vì con ông đang có chức quyền cao ở tỉnh... Chính vì thế buổi họp chợ ngoài việc mua bán, trao đổi còn là niềm vui của những người quen biết được gặp nhau.

Cô Nụ một thương lái quen cho chiếc xuồng nhỏ của mình cập mạn thuyền của Du cười bỗ bã:

- Thế nào chú Du, đêm qua đánh bắt được nhiều chứ, có gì bán cho tôi nào?

Du cười nhẹ:

- Ít thôi cô ạ nhưng bù lại có mấy con cua nên cũng tạm tạm cho một đêm vất vả.

- Chú đưa đây tôi cân cho nhé.

Nói xong cô Nụ nhanh nhẹn đỡ lấy cái xô đựng thủy sản từ tay Du, phân loại và lấy cân cân lấy, lẩm nhẩm tính toán rồi móc tiền trả cho Du, sau đó dùng mái chèo bơi đi tìm mối hàng khác. Du hỏi với theo:

- Cô Nụ ơi, có thấy thuyền của Duyên đến họp chợ chưa cô nhỉ?

Vừa bơi thuyền cô Nụ vừa trả lời:

- Chưa thấy bóng dáng cô ấy đâu, chắc một lát nữa đến thôi mà, chú chờ đi, chưa gì đã nhớ rồi à?

Du còn nghe tiếng cười có vẻ bông đùa của người đàn bà bay trong gió lạnh đầu ngày. Kệ cô ta đi, có gì mà mình phải mắc mớ giấu giếm nhỉ? Trai gái lớn lên yêu nhau là chuyện thường tình mà. Du cười một mình và cảm thấy vui vẻ hạnh phúc. Anh và Duyên từ nhỏ lớn lên sống cùng thôn, tuy nhà một đứa ở đầu thôn còn một đứa ở gần cuối thôn, cả hai cùng học chung lớp từ tiểu học, lên cấp 2, chưa hết cấp 3 phải bỏ học vì hoàn cảnh. Mỗi ngày đi học cùng về chung một đường, ngày mưa cũng như ngày nắng nên tình cảm cũng tự nhiên mà đến vậy thôi. Hoàn cảnh mỗi đứa nghỉ học có hơi khác nhau. Năm Du học lớp 10, một hôm ba Du đi giăng lưới ở phá về đột ngột cảm lạnh rồi mất, Du phải nghỉ học thay ba kiếm sống nuôi gia đình trên phá, còn Duyên học xong lớp 11, mẹ cô bỗng dưng bệnh qua đời, ông già buồn tình bỏ bờ xuống nước, suốt ngày ở trên chõ lấy công việc đánh bắt, chăm nom **nò** sáo nuôi thủy sản để làm vui. Thương ông già cô đơn, một mình thui thủi sống đơn độc giữa bốn bề sóng nước mênh mông, bệnh tật thất thường ai lo? Duyên đành nghỉ học theo ba ra chõ để

sống. Thời gian hai đứa từ đó gặp nhau cũng ít ỏi đi, thường ở phiên chợ sớm này thôi nên mặc dù mua bán đã xong Du cũng nấn ná chò thuyền của Duyên đến họp chợ.

Du chèo thuyền len lỏi vào khu chợ nổi tìm Duyên. Duyên đã thấy thuyền Du từ xa nhưng còn bận xem cân hàng lấy tiền đã, hơn nữa vội gì lên tiếng người ta để ý chớ. Duyên biết khi cân tôm cá xong thế nào Du cũng chèo đi tìm nàng. Du cho thuyền cập mạn song song với thuyền của Duyên hỏi:

- Cân xong chưa Duyên?

Duyên nhìn anh nói nhẹ:

- Gần xong rồi anh. Anh chò em một chút nhé.

- Ủ! Thì chò.

Cả hai cho thuyền thông thả rời khu chợ, Du cầm một chiếc hộp nhỏ đưa sang cho Duyên nói gọn lỏn:

- Tặng em.

Duyên dừng tay chèo đón lấy:

- Gì vậy anh?

- Đoán đi.

- Không đoán cũng biết. Cái kẹp tóc đúng không?

Du chung hửng ngạc nhiên:

- Sao đoán hay vậy.

Duyên cười:

- Ông này mau quên quá.

- Quên sao?

- Chẳng phải mấy hôm trước anh nói trên nhà chõ gió thổi nhiều lắm, làm tóc Duyên rối hết rồi nhìn coi hông đẹp để anh mua cái kẹp tóc cho Duyên.

- Ừ nhỉ. Anh mau quên thật. Còn gói thuốc bánh này em đưa cho ba nhé.

Duyên nhìn Du cười cà ròn:

- Cho người ta nói lại đó. Ba của ai nè.

- Thì ba của Duyên.

- Nhưng ai gọi là ba, bộ muốn gọi là được sao hè?

- Thì ba của Duyên cũng là... ba của anh mà.

Nói chi ngộ rứa.

- Cưới con người ta hồi nào mà gọi là ba?

- Trước sau gì cũng gọi là ba. Gọi trước cho quen miệng không được sao?

- Anh khôn thí mờ. Mà anh mua thuốc cho ba hoài, ống hút càng nhiều càng ho thêm có ích chi mô?

- Người già quen tật khó bỏ được mà, em hiểu cho ba đi. Hơn nữa ở chõ bốn bề lộng gió, đêm hôm canh giữ nò, lạnh người hút cho ấm.

Đến một chỗ rẽ, họ chia tay. Duyên cho thuyền ra phá về chõ, còn Du hướng lên bờ để lo cho một

ngày mới đang chờ đợi phía trước. Lòng họ cảm thấy ấm áp một chút vì được gặp nhau dù chỉ là giây phút ngắn ngủi.

Từ ngày ba mất, Du phải bỏ học, thay ba kiếm sống trên phá để lo cho mẹ và đưa em gái đang tuổi ăn tuổi mặc, con bé lại sắp thi tốt nghiệp nên cũng cần được chăm sóc nhiều hơn. Mẹ đôi khi trái gió trở trời lại lăn ra bệnh, tất cả gánh nặng cơm áo Du đều phải cáng đáng lo toan nhưng anh không phiền hà về chuyện đó. Cũng như bao dân vạ chài khác, sáng sớm Du đã dong thuyền ra phá để thả lừ bủa lưới, buổi trưa khoảng 2 giờ lúc này nước cao, con nước đứng, tôm cá đi ăn nhiều là có thể kéo lừ thu hoạch. Sau đó lại chọn hướng gió thả lừ tiếp, mỗi tay lừ dài khoảng 10m, dân chài nào cũng có vài chục hoặc hàng trăm tay lừ như thế. Đợt thả lừ này chờ nửa đêm là kéo lên thu hoạch và đem ra chợ sớm để bán. Thuở ba Du còn sống, tôm cá còn nhiều giăng lưới thả lừ không đi xa mấy, đánh bắt tôm cá cũng đủ cái ăn cái mặc hằng ngày, tuy không khá giả hơn ai nhưng không phải lo toan nhiều về cuộc sống. Nay tôm cá ngày một ít đi, người ta lại đánh bắt nhiều, có kẻ lại dùng xung điện, lưới cào để tận diệt, tôm cá nào sinh sôi nảy nở cho kịp để thỏa mãn lòng tham của con người kia chứ, nên muốn

đánh bắt được nhiều tôm cá thuyền càng lúc càng phải đi xa bờ hơn nữa.

Hoàn cảnh của gia đình Du đã khổ mà nhiều gia đình trên đầm phá cũng khổ không kém. Có người nghèo đến nỗi không sắm được chiếc thuyền để bủa lưới thả lừ, ngày ngày chỉ biết mò tria, suốt ngày ngâm mình trong dòng nước lạnh lẽo để bắt tria cũng chỉ đủ miếng cơm hằng ngày. Đó là chưa nói đến chuyện thời tiết bất thường sóng to gió lớn, mấy hôm vừa rồi xảy ra một tai nạn rất thương tâm làm chết cả gia đình. Anh Hải ở thôn bên đang kéo lừ bồng con dông từ đầu ập đến, sóng duềnh cao làm thuyền lật, anh cố gắng kéo vợ con lên bờ, đuối nước cả gia đình cùng chết, đau đớn hơn thuyền của người mẹ anh kéo lưới gần đó nghe tiếng người đàn bà kêu cứu nhưng sóng lớn quá không thể nào đến được, chùng biết ra người bị nạn là gia đình con trai mình bà đã khóc hết nước mắt. Cũng có người may mắn thoát chết, đó là vợ chồng anh Phiên ở Điền Hải. Đêm đó thuyền thả lưới gặp sóng to, gió thổi mạnh làm chiếc thuyền dạt ra cửa biển. Hai vợ chồng cố gắng chèo chống đỡ đến kiệt sức cho đến khi thuyền sắp chìm. Họ đánh liều bỏ thuyền cột phao vào người rồi để mặc cho người trôi theo dòng nước. Cũng may sóng đẩy họ tấp

vào đê chắn sóng và vợ chồng được một chiếc tàu cá gần đó cứu sống. Biết được điều đó, Du cũng không thấy buồn cho hoàn cảnh của mình.

Một buổi sáng, thuyền chú Ba Địa – bạn của ông Bảy, ba Duyên cập vào nhà chồ, chú cột dây, gọi ông Bảy ơi ới rồi phụ cùng ông Bảy đem lên nhà chồ mấy can nước, một số vật dụng cần thiết mà ông Bảy nhờ mua như mắm, muối, xà bông, bột ngọt... mấy thứ bếp núc chỉ có trên bờ. Từ ngày vợ mất, ông Bảy buồn tình ra chồ sống, ít khi lên bờ. Mấy thứ lật vật thường hay nhờ chú Ba Địa lên bờ mua hộ vì chú về nhà trên bờ thường xuyên. Ông Bảy gọi Duyên đem bình rượu thuốc mà ông ngâm để dành khi có bạn đến chơi, Duyên lúi húi ra sau nướng miếng khô cá cho hai ông nhắm rượu. Nhìn theo Duyên, chú Ba Địa hỏi ông Bảy:

- Con nhỏ năm nay bao nhiêu rồi anh?

Ông Bảy nhìn ông bạn già của mình:

- Chậc. Ông hỏi tui mới nhớ. Con nhỏ năm nay đã hai hai còn gì. Mới đây mau quá. Mạ nó mất đã năm năm rồi, lúc đó nó mới mười bảy tuổi. Tui bỏ ra đây sống một mình, nó thương tui bỏ học ra đây sống cùng tui cho tới bây giờ.

- Con gái lớn rồi phải lo dựng vợ gả chồng cho nó đi chớ. Ông không nghe người ta nói có để con gái trong nhà như hủ mắm treo đầu giường sao?

Ông Bảy vắn vẹo:

- Ông này nói lạ, con mình mình biết chứ. Nó đâu phải như con gái người ta lo ăn diện đâu mà ông lo.

- Tui nghe nói nó với thằng Du con bà Năm Nghĩa quen nhau lâu rồi đó.

- Chuyện này tui biết. Hai đứa nó sống cùng thôn, từ nhỏ tới lớn học chung lớp chung trường mà. Tính tình thằng Du cũng là đứa hiền hậu, tui cũng ưng, mà nói thật lòng hoàn cảnh của nó nghèo quá tui không đành cho con Duyên chịu khổ.

- Ủ! Bạn già với nhau thì tui nói vậy, thằng Du tui cũng chịu chứ con của bà Thu ở nhà hàng bên Cồn Tộc hay thằng con của thằng cha Nhung trường công an xã là tui không ưng cái bụng đâu đó.

- Chuyện của gia đình tui mà ông khéo lo. Thôi vô một ly cho ấm bụng cái đã.

Duyên ở bên trong đang trở miếng khô cá, nghe hết. Cô tủm tỉm cười. Cô biết ông Bảy thương cô nên nói vậy thôi. Ngọn lửa trên bếp bập bùng làm hồng thêm đôi má người thiếu nữ, chợt cô giật mình khi nghe tiếng cha gọi:

- Duyên ơi, đang nướng cá à. Có mùi khét rồi đấy. Cái con này...

Khi chú Ba Địa về rồi, ông Bảy ngồi trầm ngâm một mình, lặng im không nói năng nhưng

trong bụng ông nghĩ lung lắm: Duyên năm nay cũng đã hai hai rồi chứ còn nhỏ nhít gì nữa đâu, ở cái xứ đầm phá này ngày xưa ở cái tuổi ni đã là đàn bà một nách mấy con rồi chứ có phải sống độc thân như vậy đâu. Từ ngày vợ mất ông cảm thấy hụt hẫng trong lòng, bỏ ra chồ ở, vui cùng sông nước. Con bé thương cha cũng ra chồ để săn sóc ông, bỏ cả ước mơ làm cô giáo của mình. Ông biết thế nên ông thương con bé lắm chứ. Ông cũng biết tình cảm của con gái ông với thằng Du ở đầu thôn, hai đứa học chung quen nhau từ thời để chòm, tám còn ở trường làm gì ông không biết, tánh tình cũng hiền hậu, ăn ở tử tế với xóm giềng mọi người ai cũng thương, ông không có gì chê trách nếu Du làm rể ông, nhưng ngặt nỗi thằng này gia đình nghèo quá, một mình gồng gánh hết mọi việc, mẹ già ốm yếu ho hen, còn đứa em gái còn đang học hành, gả con gái cho nó liệu con mình có chịu khổ nỗi hay không? Hay vài ba bữa lại cắn đấn bỏ nhau thì khổ đời con gái ông tội nghiệp. Mà có phải con Duyên không ai để ý đến đâu. Bà Thu chủ nhà hàng ở Cồn Tộc, có của ăn của để lại là mối quen biết làm ăn, chuyên thu mua tôm cá nò sáo của gia đình ông nhiều lần ướm hỏi Duyên cho con trai bà, mới hôm qua đây thôi chứ có xa xôi gì đâu khi lão đem tôm cá

cho nhà hàng bà còn dạm hỏi, nhắc lại nếu ưng con bà thì sau đám cưới bà ta giao lại nhà hàng này cho vợ chồng nó, bà rút về Huế lo mấy cửa hàng hải sản ngoài đó. Lão có lạ gì thằng Quân con bà Thu đâu, nó ỷ gia đình giàu có khá giả, không chịu lo học hành. Học chưa hết lớp mười hai đã bỏ ngang, tối ngày đàn đúm ăn nhậu, phá trời không mời thiên lôi, tuy chưa có tai tiếng gì nhưng ông không ưa cái ngữ thanh niên ấy, Ông nhớ hôm Duyên đi cùng ông đến nhà hàng để cân cá, nó nhìn con Duyên chằm chằm như muốn ăn tươi nuốt sống con bé, Duyên không thích cái nhìn như muốn lột da lột thịt nó nên nó đứng tránh xa ra dù thằng Quân cố tình xấp lại gần bắt chuyện, chót nhã. Lão biết hết chớ, nhưng lão tảng lờ thản nhiên làm như không biết. Mấy lần sau Duyên ghét không đi theo ba nữa, thằng Quân thấy lạ lân la hỏi ông:

- Úa! Hôm nay cô Duyên không đi với bác sao?

Ông âm ừ cho qua chuyện:

- Nó bận rồi.

Thằng Quân nhìn ông như dò hỏi:

- Chắc má con có thừa chuyện hỏi cưới Duyên cho con với bác rồi chứ?

Ông trả lời gọn lỏn:

- Có.

Thằng Quân háo hức:

- Con thật lòng thương Duyên. Rồi bác nghĩ sao?

- Nghĩ sao là nghĩ sao?

- Bác ủng hộ chứ?

- Cậu này hỏi lạ? Chuyện ăn ở một đời của nó sao lại hỏi tui, sao cậu không hỏi con Duyên? Nó ưng đâu tui gả đó.

- Bác nói là Duyên ưng ngay mà.

- Tui là cha nó nhưng chuyện vợ chồng là tự nó quyết định cậu ơi, tui không can dự vào.

Ông Bảy biết về làm dâu nhà bà Thu thì Duyên có sung sướng đấy, không phải lo cái ăn cái mặc, lại được làm chủ cả người ta, thậm chí muốn gì có nấy, không còn phải ngày đêm sống trên nhà chồ nhỏ bé chật chội, hằng ngày đối mặt với sóng nước mênh mông, vắng người hiu quạnh, nhưng biết sống có lâu bền không khi có thằng chồng phá gia chi tử, tối ngày chỉ lo nhậu nhẹt đàn đúm hát xướng. Lại nữa, còn lão Nhung, trưởng công an xã, mượn có đi tuần tra bọn ngư tặc lộng hành thường hay ăn trộm tôm cá của bà con trên đầm phá ghé nhà chồ của ông thường xuyên, mỗi lần có chút rượu vào là lời ra hỏi cưới con Duyên cho thằng con trai thứ của ông. Lão Nhung tâng bốc thằng con trai thứ lão thấu trời xanh: nào là đẹp

trai có phong độ như tài tử ci-nê-ma, nào là sui gia với chả tôm cá trong nò sáo của lão không thẳng ăn trộm nào dám sờ mó tới, ông cứ yên tâm ngủ thẳng cẳng... Ai mà không biết tánh khí thẳng con trai lão Nhung: vợ chồng lão chiêu chuộng con quá mức nên thẳng nhỏ có thềm học hành gì đâu, ham đua đòi ăn diện, mai xe này một xe nọ, học chưa xong một cái nghề nào để nuôi thân thì lấy gì để nuôi vợ con. Lão chỉ ừ hử cho qua chuyện vì thẳng thừng từ chối thì xem ra mịch lòng, hơn nữa lão cũng không nỡ xa con, nó luôn biết ý cha không bao giờ làm ông buồn lòng, nếu ông muốn đấm nào chắc nó sẽ nghe theo dù nó không muốn. Thôi thì cứ thư thả đã. Hôm lão Nhung rề rà câu chuyện cười hỏi, cũng có mặt chú Ba Địa nhà chồ gần đó, chú nói kháy một câu:

- Vậy chớ hôm nọ hồ của nhà ai bị bọn trộm khoắng gần sạch hết mấy trăm ký cua vậy ta?

Lão Nhung chung hứng cái mặt quạu quọ:

- Tui mà bắt được bọn ăn trộm cua trong hồ của tui là tui xử liền. Cái thứ không biết kiêng nể ai cả. Chú đừng tưởng tui bỏ qua chuyện đó nghe, tui đang tìm kiếm thủ phạm đó. Còn cái nò sáo của chú đó, khéo mà trông chừng, kéo nó ra tay thì đừng trách tui không nói trước à nghe.

Rồi chả đứng lên, phúi đít cái phạch, quày quả bước xuống thuyền nổ máy đi mất. Hai ông già còn ở lại đưa mắt nhìn nhau phá lên cười.

Du cho thuyền ra phá từ lúc nắng chiều đã nhạt. Anh thong thả neo thuyền chỗ anh đánh dấu thả lừ buổi trưa. Giờ này còn sớm, anh nhìn những sợi nắng còn sót lại trong một ngày sắp tàn rải trên đầm phá một màu đỏ ửng lấp lánh, chợt thấy lòng quạnh hiu. Anh trông về phía xa, chỗ nhà chồ của Duyên mà thấy nhớ và thương cô tha thiết, không biết cô giờ này đang làm gì có nhớ anh không? Tội nghiệp cô, sống thui thui trên cái nhà chồ nhỏ bé kia, làm bạn với sóng nước mênh mông bên ông già trầm lặng ít nói, luôn đau đáu nhớ thương người vợ đã mất chắc cô cũng buồn lắm. Chẳng có ai làm bạn để chia sẻ nỗi vui buồn hằng ngày. Anh muốn giúp cô thoát khỏi nỗi hiu quạnh cô độc kia nhưng anh biết phải làm gì bây giờ, hoàn cảnh của anh chắc cô cũng hiểu, chờ đợi có lẽ là một sự bất công đối với cô, con gái có thì, anh nằm xuống khoang thuyền, lấy bao thuốc rút ra một điếu gắn lên môi, đốt lửa rồi chợt thở dài buồn hiu.

Đêm đã dần khuya, sóng tí tách vỗ vào mạn thuyền lắc lư, trời bắt đầu trở gió, từ xa vài tia chớp ngoằn ngoèo rạch những vết chân chim

lên bầu trời tối sẫm, Du thăm nghĩ có lẽ khuya nay trời mưa. Anh hy vọng kéo lờ xong trời hãy mưa. Gió bắt đầu thổi, mưa bắt đầu trút nước, sóng lô nhô từng đợt sóng mạnh. Cái lạnh như len vào từng thớ thịt của anh. Anh lặng lẽ cầm cúi kéo lờ, trút cá dính trong lồng vào xô. Bỗng anh nghe trong tiếng gió, có tiếng ai kêu cứu. Anh ngừng tay lắng nghe. Đúng rồi có tiếng người kêu cứu, hình như xuất phát từ nhà chèo của Duyên thì phải. Đúng là tiếng Duyên rồi. Chuyện gì thế. Anh vội buông lờ xuống nước nổ máy. Con thuyền chồm lên sóng, băng băng hướng về phía nhà chèo. Trong giây phút này sau Du cảm thấy con thuyền đi sao chậm thế. Tiếng kêu cứu càng lúc càng rõ hơn, đúng là tiếng Duyên:

- Cứu, cứu với. Ai cứu với.

Thuyền anh lướt tới ánh lửa trên nhà chèo mỗi lúc một gần. Trên nhà chèo Duyên đã thấy dáng thuyền của anh. Cô bụm tay nói to giọng như bị tiếng mưa át đi:

- Anh Du ơi cứu ba em với. Bọn trộm cá, bọn trộm cá...

Tiếng cô như nấc nghẹn lại. Du nhìn về phía nò sáo thấy hai chiếc thuyền đang nhấp nhô trên sóng, tiếng ông Bảy hét lên dữ dội:

- Lũ ăn cướp. Bọn bay là một lũ ăn cướp.

Ông đưa chiếc chèo giờ cao đánh vào lũ trộm cá. Một thằng đưa tay đỡ lấy mái chèo của ông giật mạnh làm ông lúi húi ngã sấp, thuyền chao đảo rồi lật úp. Du giận dữ hét lên một tiếng thật lớn tăng tốc cho thuyền mình đâm thẳng vào mạn thuyền của bọn trộm cá. Chiếc thuyền dạt qua một bên, chao đảo chòng chành như sắp lật. Hoảng hốt, hai tên trộm nổ máy cho thuyền chạy ra xa trốn mất. Du vội vàng đỡ lấy ông Bảy, người bấy giờ đã mềm nhũn bất động:

- Bác Bảy ơi, bác có sao không? Con là Du đây bác Bảy ơi.

Trên chò Duyên cũng sợ hãi không kém:

- Anh Du ơi! Ba em có sao không?

Du lính quýnh:

- Anh cũng không biết nữa. Phải đưa bác đi cấp cứu thôi.

Du đón vội Duyên xuống thuyền rồi nhắm hướng bờ mà lướt tới.

*

Mấy hôm nay nằm trong trạm xá làm ông Bảy cảm thấy khó chịu, buồn bực không yên. Một phần ông thấy mình bất lực trong việc bảo vệ tài sản, ai đòi có trộm đến nhà chẳng những không bắt được chúng mà còn bị bọn chúng đánh cho bất tỉnh. Một phần mắc cỡ với Du, thấy mình có

lỗi với nó quá. Đáng lý ra mình nên tin tưởng nó, giao con Duyên cho nó sớm hơn nếu lỡ ông có mệnh hệ nào con nhỏ biết nương tựa vào ai. Nếu không nhờ có Du đêm ấy không biết ông có còn sống không? Âu là trời muốn thử lòng ông đây mà. Hàng xóm đến thăm, ai cũng mừng cho ông tai qua nạn khỏi. Thằng cha Nhung cũng có mặt giọng cảm râm:

- Đã trộm cá còn đánh người, tội nặng đây. Phen này tui quyết bắt cho được bọn ác ôn đó, mấy ông chống mắt mà xem. Tui đã nói với ông rồi, làm sui gia với tui là bọn chúng không dám đụng tới nò sáo của ông mà.

Thằng cha Nhung đi rồi, chú Ba Địa xí một tiếng rõ to:

- Chả là cái gì mà bọn trộm sợ chứ. Tối ngày chỉ lo tìm cách gài độ ăn nhậu là hay nhất.

Ông Bảy không nói gì, liếc nhìn ra ngoài sân thấy Du và Duyên đang ngồi trên băng đá trò chuyện với nhau, mặt mày đura nào đura nấy hình như tươi rở. Chắc tui nó mừng ông sắp xuất viện về nhà đây mà. Mấy bữa nay cực cho tui nó quá. Mấy ngày ông nằm đây, Duyên phải chầu chực lo com nước thuốc thang cho ông, chuyện nò sáo ông giao cho ông bạn già là chú ba Địa coi giùm, còn thằng Du nó cũng lảng xảng chạy tới chạy lui

lo lắng cho ông như chính cha ruột của nó không bằng. Tới bây giờ ông mới cảm thấy mình già rồi, cần có một người đàn ông khỏe mạnh trong nhà để con gái của ông có nơi nương tựa gởi gắm. Ông tính qua tết thông thả sẽ làm đám cưới cho hai đứa rồi giao hẳn nó sáo, hồ nuôi tôm cho bọn chúng làm ăn. Ông sẽ lên bờ sống. Trong thâm tâm ông cảm thấy mình có lỗi với vợ quá. Ai đòi thương vợ mà lại bỏ tuốt ra ngoài chồ sống mấy năm nay để bà nằm hiu quạnh một mình giữa những người xa lạ, thương vợ gì kỳ vậy ta?

Mấy hôm sau trước khi ra chồ trở lại, ông Bảy ra phần mộ của bà, bày mâm quả, đốt nhang khấn nguyện:

- Bà nó ơi, có sống khôn thác thiêng về đây chứng giám cho lòng thành của tui đối với bà. Qua tết tui sẽ làm đám cưới cho con Duyên và thằng Du. Chắc bà biết thằng Du con chị Năm Nghĩa ở đâu thôn của mình chớ. Nó là thằng tốt đáng tin cậy. Tui giao con Duyên cho nó, giao hết tài sản trên đằm cho tui nó. Tui lên bờ sống với bà. Bà chờ tui với nghe bà ơi.

Khói hương từ những cây nhang bốc lên, thoang thoang bay trong gió sao nghe thấy có mùi thơm lạ. Bỗng nhiên ông cảm thấy lòng mình thanh thản vô cùng.

Chuột và Người

Từ ngày ông y tá già về hưu dọn về ở cái xóm Gà thì đã thấy lão Thìn thợ săn chuột có số má trong làng nghề này từ lâu. Lão Thìn tham gia vào đội quân săn chuột cống thành phố và trở thành một cao thủ từ lúc nào không ai biết, chỉ biết lão sống chung với loài gặm nhấm hôi hám mang đầy mầm bệnh như những người bạn gắn bó thân thiết làm cho người ta tưởng tượng nếu một ngày nào đó không có sự hiện diện, tiếng kêu la náo loạn và mùi hôi hám đến nỗi thân thuộc không rút ra được chắc lão sẽ chết mất. Trong ngôi nhà của lão suốt ngày luôn nghe tiếng kêu chít chít, tiếng cắn xé nhau của lũ chuột bị nhốt trong lồng chò đến giờ được hóa kiếp siêu sanh về miền cực lạc trở thành những món mồi nhậu hấp dẫn cung phụng cho đám thượng đế phàm ăn tục uống mỗi chiều, và nhất là mùi tanh đến tởm lợm của loại động vật suốt ngày sống chui rúc trong cống rãnh, kiếm ăn ở những

đống rác dơ bẩn hôi hám nơi người ta mỗi ngày vứt đi những thứ không cần thiết trong sinh hoạt hằng ngày, từ những vật dụng đã hư hỏng, những thùng giấy lon bia đến những món đồ ăn dư thừa ôi thiu đang phân hủy lên mùi, nhất là mùi hôi ấy bốc lên từ đám bầy nhầy mà vợ chồng lão thu dọn sơ sài không hết từ những con chuột đã thành phẩm sắp đem đi giao cho khách hàng là chủ những quán nhậu bình dân hay nhà hàng lên đòi trá hình ở khắp nơi trong thành phố, cũng may nhà lão ở cuối xóm gà lại cách khu dân cư một khoảng sân trống, dù vậy mỗi lần có cơn gió mạnh thổi qua cũng làm dân cư xóm gà phải bịt mũi, vả lại mỗi ngày dân xóm gà đã lục đục bỏ đi từ sớm tỏa đi khắp nơi tìm sự mưu sinh đến tối mịt mới về nên cũng chẳng ai quan tâm lắm đến cái nghề của lão. Ở cái xóm gà, dân tứ xứ tụ tập về đây, làm đủ mọi nghề thượng vàng hạ cám, từ lao động chân tay đến công chức nơi công sở, từ mấy bà mua gánh bán bung đến những cô cậu sinh viên tỉnh xa lên thành phố học, không đủ tiền mượn những chỗ tươm tất an toàn hơn và cũng có đủ các thành phần trong xã hội, lưu manh có, lương thiện có nhưng hình như có một qui luật bất thành văn: làm cái gì thì làm nhưng đừng đem chuyện chém giết, lừa đảo, giựt dộc

chửi chớ mắng mèò gây xáo trộn âm ĩ đêm khuya ở cái xóm này là được, chuyện nhà ai nấy lo, ông y tá già thấy mình dọn về sống ở cái xóm này những ngày còn lại như vậy là tốt lắm rồi.

Cuộc đời của ông y tá già cũng không lấy gì làm vui vẻ, vợ mất hơn mười năm trước, có hai thằng con trai đều có gia đình, cuộc sống không mấy khá giả. Ông về hưu, hai thằng con đùn đẩy với nhau về việc chăm sóc bố, lại nghe lời vợ đòi ông bán nhà chia. Ông buồn lắm. Ủ bán thì bán, ông bán nhà chia cho mỗi đứa một phần rồi mua ngôi nhà cấp bốn ở xóm gà để sống. Có lẽ ở xóm gà ông và lão Thìn gặp mặt nhau nhiều nhất vì mỗi sáng đều có mặt ở quán cóc cà phê đầu hẻm của chị Tư Liễu làm chủ. Có lần ngồi nhâm nhi bên ly cà phê buổi sáng, dân cư tản đi hết rồi chỉ còn lại lão Thìn và ông y tá già độc thân, lão cao hứng kể cho ông y tá già, lão đến với cái nghề bắt đắ dĩ này trong một dịp hết sức tình cờ, nhưng cái nghề nghiệp không giống ai đó mang lại cho lão một cuộc sống dễ chịu đến mức bất ngờ, lão không còn phải chạy vạy lo kiếm ăn từng bữa, không còn chịu đựng cái nhìn dè bieu của đám cư dân xóm gà vì sự say xỉn, cãi vã với bà vợ lắm chuyện thường làm mất trật tự trong xóm.

Lão Thìn vốn là thợ hồ cha truyền con nối đã ba đời, đời cha lão là lính công binh trong chế độ trước, khi tan hàng nhảy ra làm thợ, đến đời lão theo cha đi khắp công trình xây dựng từ năm 15 tuổi, đến thằng con lão – thằng Tí – cũng thế. Suốt cả thời tuổi trẻ lão đi theo chủ thầu xây dựng hết công trình này đến công trình khác, một thời lão được chủ thầu cưng hết mức vì siêng năng, đường bay hồ khéo léo tài hoa chuẩn xác của lão, cho đến một ngày nọ khi đứng trên giàn giáo cao để tô tường, không biết làm thế nào mà lão lại hụt chân (chắc do dư chấn của cuộc nhậu quá độ đêm qua chẳng), lão té từ trên cao xuống nhưng may mắn cho lão té nhằm nơi đất mềm nên thương tích không nặng lắm, tuy vậy lão cũng phải nằm nhà hơn nửa tháng, từ đó lão lại sợ độ cao nên không dám nhận đứng xây trên giàn cao nữa, lão đành chấp nhận làm phụ hồ và làm những chuyện vặt vãnh dưới đất, chủ thầu cũng không còn coi trọng lão, mấy thằng thợ hồ xưa kia gọi lão một anh ba hai cũng anh ba bây giờ cũng ra mặt coi thường lão. Lão buồn tình nên thường hay mượn rượu để làm vui, cho đến một ngày, trong một lần nhậu say với mấy chiến hữu thời làm thợ hồ cho một công ty xây dựng, lão oắt cần câu không nhớ đường về, lão tạt

ngang qua cái chợ chồm hồm bên đường ngã lẩn trên sàn sạp thịt bỏ trống gần đó ngáy ầm ĩ. Quá nửa khuya lão giật mình thức giấc vì cái chân bị mấy con chuột bâu vào cắn xé, chắc nó tưởng lão là miếng thịt béo bở, lão lồm rồm văng tục mấy tiếng, co hai cái chân đá vụt vào khoảng trống trước mặt rồi lẩn qua một bên tiếp tục ngáy. Lại bị cắn, lão bực mình ngồi phắt dậy nhìn dáo dác chung quanh rồi chửi đồng:

- Mẹ cha bay, tao mà bắt được chúng mày là cho vào lò nướng trụi cả đám cho mà biết.

Đang lồm bồm chửi rửa, mắt nhướng tới nhướng lui chưa tỉnh ngủ, chợt lão thấy có ánh đèn pin nhấp nháy ở đằng xa từ mấy miệng cống, tiếng chó sủa, rồi tiếng mấy con chuột kêu chí chóc nghe hoảng loạn lắm, lão bèn bỏ chân xuống sạp thịt, sờ soạng tìm chiếc dép đã mòn gót văng không biết nơi đâu khi lão ngã vật xuống sạp thịt ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Lão lồm mò bước tới theo ánh đèn pin lấp loáng trước mặt, thấy một người đàn ông đang lúi húi quay tới quay lui, lão lè nè hỏi:

- Đêm hôm khuya lơ khuya lắc làm gì ầm ĩ không cho ai ngủ đó anh bạn?

Người đàn ông đeo đèn pin trên trán ngược lên nhìn lão, ánh đèn pin sáng quắc chiếu thẳng

vào mặt khiến lão nhăn mặt, lấy tay che mắt lại cho khỏi bị chói, miệng muốn văng tục nhưng kịp dừng lại trước cổ họng, gã đàn ông nói nhát gừng:

- Bắt chuột. Bộ không thấy sao còn hỏi?

Lão Thìn méo miệng cười giả lả:

- Thấy rồi, hỏi cho biết vậy mà.

Gã săn chuột nhìn lão có vẻ nghi kỵ:

- Còn ông làm cái quái quỷ gì ở cái chợ không người đêm hôm khuya khoắt vậy?

Lão Thìn giơ hai tay lên trời phân bua:

- Ồi chời! hôm qua nhậu xỉn quá không nhớ đường về, ngủ đái ở đây vậy mà.

Lão dừng lại mấy giây hỏi gã săn chuột:

- Mà nè ông anh, bộ không có nghề ngỗng gì sao mà lại làm cái nghề tối tăm hôi hám này thế.

Gã thợ săn bỗng sừng cồ:

- Ai bảo với ông cái nghề hôi hám bẩn thỉu hử? Này nhé tôi hỏi ông, một ngày ông làm công cho thiên hạ, bị họ sai bảo mắng mỏ, họ trả công cho ông bao nhiêu tiền, ông có kiếm được bạc triệu bằng cái nghề ông cho là hôi hám dơ bẩn này không? Còn thằng này một đêm chịu khó có vài tiếng đồng hồ, sáng ra là có bạc triệu trong tay, tha hồ ăn nhậu đầy nhé, thì hôi hám chút đỉnh nào có sá gì, chẳng lẽ tôi bắt chước ông say xỉn bạ đâu ngủ đó à?

Câu nói của thằng thợ săn làm lão tỉnh ngủ hẳn. Ủ nhỉ, lão chợt nhớ ra rằng không biết từ lúc nào, món thịt chuột trở thành món ăn khoái khẩu của nhiều thượng đế khi được đặt lên bàn nhậu, nó không còn là món ăn dân dã chỉ có ở chốn nông thôn, mà nó vươn ra ngoài thành thị, từ những quán nhậu bình dân trên lề đường vỉa hè mà trở thành món đặc sản trong nhiều nhà hàng sang trọng với nhiều món ăn được chế biến khác nhau. Thịt chuột đồng làm sao cung ứng đủ cho tầng lớp thích ăn nhậu kia chứ, nên cái nghề săn chuột cống trở thành cái nghề kiếm cơm đổi đời của những con người nghèo khổ bần cùng của chốn thành thị đầy bon chen vật chất.

Kiểm tiền triệu mỗi ngày ai mà không thích nhỉ, sao hồi nào tới giờ mình không nghĩ đến điều này kia chứ? Nghĩ đến việc có tiền triệu rủng rỉnh trong túi mỗi ngày làm cho mặt lão bùng bùng lên vì niềm phấn khích, các cơ mặt giật giật liên hồi, trông gương mặt lão lúc này thật dễ sợ, may mà gã săn chuột mãi lo sẫm soi kiếm lũ chuột hoang nếu không chắc cũng phát hoảng. Ôi chao! Lão nhớ lại từ khi bị tai nạn lao động đến nay, lão không thể làm việc nặng nhọc được nữa nên lão thầu không còn coi trọng lão, ai cũng có thể sai bảo lão, tiền công thì rẻ mạt,

tiền bạc không đủ chi tiêu, thiếu trước hụt sau, vợ con cần nhằn, lão đâm ra chán đời nghiện ngập, lão nghĩ coi bộ cái nghề này có lẽ phù hợp với mình đây.

Lão hạ giọng cầu khẩn:

- Nay ông anh chỉ cho mình với nhé, một châu nhậ được không?

Gã thợ săn nhếch mép hỏi kháy lão:

- Sao ông nói cái nghề này hơi hám lắm mà bây giờ lại muốn học là sao? Ông muốn giòn hót với tôi đó hả? Nghề này chỉ dành cho những kẻ bần cùng như tui tui mà thôi nghe chưa.

Lão Thìn gãi tai nhăn nhó:

- Cho tôi xin lỗi nghe, hồi nãy tôi lỡ lời thôi mà. Tôi cũng sống vất vưởng nghèo rớt mồng tơi chớ có sung sướng gì đâu ông anh ơi.

Tần ngần một chút lão hạ giọng nói tiếp:

- Một châu nhậ được không?

- Nhậ nhệ gì, tui không ưa cái khoản đó, muốn học thì đi theo tui, một hai buổi là rành việc, nhìn người ta làm gì thì bắt chước, nghề này có khi khô gì mà học, ăn thua mình lẹ mắt nhanh tay, chỉ có khác một chỗ người ta lấy ngày để mưu sinh còn mình ngược lại lấy đêm làm ngày để kiếm cơm, lâu dài đeo đuổi nghề này mới là chuyện khó đó. Nhưng tui nói trước, cái

nghe này tổn thọ lắm à nghe, thức đêm thức hôm lại còn rượu chè be bét như ông anh liệu có kham nổi không?

- Ông anh yên tâm, tui đã làm việc gì là làm tới cùng, tui từng làm những việc nặng nhọc hơn thế này nữa, xá gì...

Lão Thìn bỏ lửng câu nói vì không biết diễn đạt thế nào sợ tay thợ săn hiểu lầm nổi quạu thì xôi hỏng bỏng không, nhưng tay thợ săn hình như không để ý đến điều này mà nói qua chuyện khác:

- Có điều này tôi nhắc ông nên nhớ, học xong đừng lừa thầy phản bạn là được, địa bàn của ai người nấy giữ không được xâm canh đó nghe. Qui luật bất thành văn đó. Biết chưa?

Lão Thìn âm ừ:

- Ủ! Tui biết điều đó mà ông anh.

Bảo bối của tay thợ săn cũng đơn giản: Ngoài cái đèn pin gắn trên đầu, cây chia hai đầu nhọn hoắt gắn trên một thanh tre dài khoảng một mét rưỡi, thêm cái vợt rộng, túi lưới, còn cái lồng sắt to hai tầng dùng để nhốt chuột đã được ghịt chặt trên chiếc xe máy cà tàng. Lão đi theo hẩn. Gã săn chuột lắng tai nghe, ánh mắt ngó nghiêng quan sát, đi dần về phía có tiếng động ở phía sau một sạp hàng, ánh đèn pin liên tục quét vào những

ngóc ngách tối tăm ẩm thấp, khi phát hiện ra con chuột, lập tức ánh đèn chiếu thẳng vào con chuột và nhanh như chớp, tay thợ săn dùng mũi lao có đầu chia nhọn đâm chuột. Một tiếng kêu ét vang lên, hẳn ta dùng một tay còn lại lần theo cây lao tóm lấy cái đuôi con chuột quay tít làm con chuột cứng đờ rồi ung dung bỏ nó vào lồng sắt. Gã thợ săn tiếp tục đi dọc theo lẽ đường đến gần một cái cống, có mấy con chuột đang kiếm ăn gần đó nghe động chui tọt xuống đó, tức thì hẳn căng cái lưới ngay đầu miệng cống rồi vòng ra phía sau dùng cây gậy ngắn gõ dồn dập lên thành cống, âm thanh dội vào lòng cống liên tục làm cho lũ chuột nấp ở bên dưới hoảng sợ vội phóng vọt lên, lão Thìn thấy có ít nhất cũng 5 con sa vào túi lưới của hẳn. Chiếc túi lúc nhúc mấy con chuột cống đen sì, béo nung núc, chân vướng vào lưới, cả đàn không thể chạy, chỉ giãy giụa một lúc rồi nằm im thín thít. Hẳn dùng chiếc kim tự chế, đó là một mẫu sắt uốn tròn gắn trên đầu cây gậy gỗ lừa thế bẻ răng nanh từng con rồi thảy tọt từng con vào lồng sắt hai tầng kia. Lão Thìn tỏ vẻ ngạc nhiên: ông anh bẻ răng chúng làm gì cho phí sức, vớt mẹ chúng vào lồng có hơn không. Tên thợ săn cười giảng giải cho lão hiểu: Việc bẻ răng nanh là rất cần thiết, mất răng nanh bọn chúng không

cắn được nhưng vẫn sống. Chuột phải sống thì thịt mới ngon. Còn chết trước khi làm thì coi như vứt, mất hết độ tươi, giòn thơm, còn có mùi hôi. Cái tội gặm nhấm này răng nanh của nó cứng như thép, suốt ngày chỉ biết lục lọi phá phách không thôi, nhốt chung một chỗ không bẻ răng chúng cắn nhau loạn xạ, bị thương hay chết làm sao bán được tiền, không khéo nó quay ra cắn mình, vết thương làm độc thì chết hiểu không ông anh? Lão Thìn gật gù tỏ ra hiểu biết và theo tay thợ săn gần tới sáng mới chia tay. Đó là buổi học nghề đầu tiên và duy nhất của lão. Cũng chỉ một đêm hôm đó mà lão trở thành kẻ bắt chuột lành nghề cho tới bây giờ.

Ngoài các đồ nghề tự chế để bắt chuột, thợ săn đặc lực giúp lão săn lùng lũ chuột là con chó mực, không một con chuột nào có thể thoát khỏi đôi chân và cái miệng đầy răng như một gọng kìm của con mực. Để bắt được chuột thợ săn phải biết huấn luyện, mỗi tay thợ săn đều có bí quyết riêng của mình để dạy chó săn chuột, nhưng thợ săn chung có mấy điểm quan trọng cần chú ý sau: chó săn phải biết nghe và hiểu được những mệnh lệnh của chủ, khả năng đánh mùi, đuổi bắt, đánh chặn và nhất là khả năng tấn công, kỹ thuật tránh đòn trước đòn cản trả của những con chuột cống

rất lớn hung dữ, răng nanh chúng rất sắc và độc, khi bị tấn công chúng thường chống trả rất quyết liệt dữ dội. Nhưng với con mực, lão không cần chỉ bảo nó một điều gì nhưng việc đánh hơi, đuổi bắt chuột ngay từ đầu nó đã tỏ ra là một cao thủ, ngay cả việc vờ, ngoạm, lắc khống chế lũ chuột nó cũng tỏ ra rất tinh ranh khéo léo bằng kỹ thuật “ngoạm ngang lưng”, chuột khi bị ngoạm ngang lưng và lắc mạnh thì mất đi khả năng kháng cự, tạm thời không chết để mặc cho con chó săn mang chiến lợi phẩm về cho chủ. Địa điểm hai thầy trò bắt được nhiều chuột nhất là những nơi ẩm ướt, hôi hám bẩn thỉu nhất như chợ búa, nơi ban ngày hàng cá hàng thịt ngò là nơi có nhiều chuột nhất, cống rãnh, bãi rác thậm chí thầy trò còn vào cả bãi rác của bệnh viện để bắt chuột. Mỗi ngày với số chuột cống bắt được, sau khi làm thịt cũng không dưới 10 đến 12 ký, giá thị trường bây giờ cũng từ 100 đến 120 ngàn thì bỏ túi trôm trôm trên một triệu, hỏi vậy ai mà không khoái.

Chính vì thế, từ ngày lão chuyển qua cái nghề săn chuột, có đồng ra đồng vô thì vợ lão không còn cần nhằn cử như nữa mà trở thành người cộng sự đắc lực cho chồng từ việc gội nước sôi, chặt đầu lột da moi lòng làm sạch để giao cho khách hàng, có lần mụ đem giao hàng cho mấy

tay chủ quán, bọn họ đùa cợt đại loại như: Này bà Thìn, chuột đồng ở đâu mà chồng bà bắt nhiều vậy? lũ chuột đẻ làm sao cho kịp để vợ chồng bà bắt hè? Hoặc là: Chuột đồng hay chuột cống đây bà nội, sao con nào con nấy múp míp mập mạp thế kia. Mụ cũng không vừa, trả lời ngang phè: Biết rồi mà còn hỏi, chuột đồng hay chuột thành phố có gì khác nhau đâu nào, cũng là thịt chuột, cũng cho vô bụng đầy thôi. Mấy ông thấy đấy, thượng đế đến quán mấy ông thưởng thức có chết thằng tây nào đâu mà bảo bị bệnh dịch này dịch nọ. Chẳng phải ăn thịt chuột còn ngon và an toàn hơn thịt gà, thịt lợn thịt bò thôi sao, nuôi mấy con gà con lợn người ta bỏ thêm chất tăng trọng với chất kích thích tăng trưởng độc hại vô cùng, còn thịt chuột làm gì có ai chui xuống cống để bón chất tăng trọng cho chuột, tôi nói vậy mấy ông thấy có đúng không nào?

Vợ chồng lão làm gì không biết bọn chủ quán nói này nói nọ để kì kèo yêu sách giá cả thôi mà, còn đối với dân nhậu thì họ chém thẳng tay. Lão Thìn không lạ gì các món ăn mà mấy quán nhậu chế biến từ chuột mà ông cung cấp như: Chuột quay lu, nướng chao, nấu giả cầy, áp chảo, xào lăn, khìa nước dừa, xào lá cách, chiên nước mắm. rang muối, nấu đông, hấp lá chanh khi mang ra

cho khách dưới những cái tên rất mỹ miều Hồng Kông bên hông Chợ Lớn, thậm chí còn cải đổi gốc gác của cái món chuột bình dân thành món ăn cao cấp như đà điểu, kăng gu gu gì đó thì có trời mà biết. Thầy kệ, thằng nào ngu ráng chịu, không mắc mớ gì đến lão như thịt cừu, bò nai gì đó lão không cần quan tâm, miễn là trong túi lão luôn có tiền là được. Có tiền muốn mua sắm cái này cái nọ đều có, có tiền lối xóm không còn cạnh khóe nói này nói kia thì không tốt hơn sao.

Nhưng có một người không thích lão làm cái nghề mà theo hẳn ta đó là cái nghề ôn dịch là thằng Tí con lão, đi làm về cái mặt lâm lì cau có, quạu quọ. Một hôm không chịu nổi nữa, nó nhìn ông già tía to tiếng:

- Nè ông già, ông nghĩ sao mà làm cái nghề sát nhọn ác đức vậy chó.

Lão Thìn vừa nâng ly rượu đế lên chưa kịp chiêu vào miệng, chung hứng nhìn thằng con trai như chưa hiểu nó muốn nói gì. Lão dần mạnh ly rượu xuống bàn sảng giọng:

- Mà nói gì vậy thằng kia, tao làm nghề gì mà mày nói sát nhọn ác đức chó?

- Thì cái nghề săn chuột cống bán cho mấy quán nhậu chứ nghề gì? Ông biết mấy con chuột cống hôi hám, sống chui rúc trong đường mương

cống rãnh, ăn những đồ hư thối người ta vứt đi, mang biết bao mầm bệnh ông biết không, người ta ăn vô sinh ra nhiều bệnh tật, thậm chí ung thư, dính vô căn bệnh đó là tán gia bại sản như chơi, làm chuyện gì cũng để đức lại cho con cháu đó, ông biết không?

Mụ vợ lão Thìn nghe thẳng con quý tử nói trọn tròn đôi mắt rít qua kẽ răng:

- Ổi giò, mày nói chuyện nhon đức hồi nào vậy? Khỏi thẳng làm nghề như ông già mày có sao đâu, người ta ăn thịt chuột cống hà rầm mỗi ngày có chết thẳng tây nào đâu, mày chỉ vẽ chuyện.

Thằng Tí cũng không vừa:

- Bà già biết gì mà xía vô. Bà sinh tui ra mà không biết tui tuổi gì sao? Tuổi Tí cầm tinh con chuột đó, bà nhớ chưa? Ông bà làm nghề giết chuột chẳng lẽ không ảnh hưởng đến tương lai sự nghiệp của tui sao? Con bò tui đến đây một lần, nó xếp de chạy dài rồi đó, lại còn cái xóm gà này nữa, người ta nói ra nói vào về mùi hôi thúi của mấy con chuột chết tui làm sao chịu thấu chứ.

Lão Thìn tự nãy giờ lắng nghe hai mẹ con thằng Tí nói bỗng tức khí rống lên:

- Mày nói lạ, giết chuột cũng là một nghề như bao nghề khác như giết gà, giết heo, giết trâu vậy thôi. Chẳng lẽ mày tuổi Dậu, tuổi Hợi, tuổi

Sửu là cha mẹ mà không được làm nghề giết gà, giết heo, giết trâu để bán sao? Còn con bò của mà, nó không thích thì mà kiếm con khác, đời thiếu cha gì con gái mà mà lại chạy theo đuôi cái con Duyên con lão Tám Tàng làm xe ôm, còn chuyện cái xóm gà này nữa, bọn chúng còn làm bao nhiêu điều tệ hại hơn tao nhiều mà tao có nói gì đâu, chẳng qua ai cũng vì miếng cơm manh áo thôi, tao không đụng chạm gì đến bọn chúng mắc mớ chi bọn chúng đụng chạm đến công ăn việc làm của tao hè, mà nghĩ coi có phải không?

Thằng Tí nói sảng:

- Ông bà không bỏ cái nghề ôn dịch này là tôi bỏ nhà đi không về đó.

Trong cơn nóng giận, lão Thìn nói lớn:

- Mà đi đâu thì đi tao không cần, mà có nuôi tao được một ngày một bữa nào đâu mà làm trận làm thượng với tao vậy.

- Vậy ông không nhớ lúc ông bị té từ trên giàn giáo xuống ai công ông vô bệnh viện, ai lo tiền thuốc thang săn sóc ông vậy, ma chắc?

- Tao nhớ nhưng đây là nôi cơm của tao với má mà, mà nói thế chẳng khác nào mà đập bể nôi cơm của tao sao?

- Ông già vẫn đi làm hồ như tui được mà.

- Nghề đó cực quá tao không theo nổi nữa rồi.

- Vậy chó tía thức đêm thức hôm đi bắt chuột không cực khổ hơn sao?

Lão Thìn bực tức:

- Nhưng được nhiều tiền, mà không thấy sao?

- Tía không nghe thì tui bỏ đi đó.

- Mà muốn đi đâu thì đi, tao không cản.

Vậy là thằng Tí làm căng bỏ đi thiệt. Nó vào trong cuốn mấy bộ đồ bỏ vào chiếc ba lô cũ mèm quảy lên vai rồi đi thẳng. Lão Thìn biết nó bỏ ra ngoài công trình xây dựng để ngủ cho bỏ nư đấy mà. Thôi thầy kệ nó, nghe lời nó không có tiền cạp đất mà ăn à?

Có vào nhà lão Thìn mới thấy hết vẻ bề bộn và mùi hôi hám bốc lên từ xác động vật thối rữa, không dọn dẹp sạch sau mỗi lần làm thịt lũ chuột cung cấp cho mấy quán nhậu hay mấy cửa hàng “đặc sản” mà dân nhậu ưa thích, và cuộc hôn phối kỳ lạ giữa người và chuột chắc sẽ còn tiếp diễn dài dài, không có gì để bàn cãi như chuyện thường ngày của huyện nếu một ngày nọ, nếu không có chuyện xảy ra: Vào buổi chiều hôm đó, lão Thìn đang khè khà bên ly rượu đế, trên bàn ê hề các món thịt chuột mà vợ lão học lỏm từ mấy quán nhậu, bụng lão chột đau oằn oại, phồng lên xếp xuống khiến lão ôm bụng gập người xuống,

mặt nhăn nhúm biến dạng đến khó coi hết sức, miệng chỉ kịp la lên mấy tiếng:

- Chết tôi rồi bà nó ơi.

Rồi người đổ gập xuống như cây chuối bị ai đốn ngã, mắt trợn trừng lên, miệng ọc đầy máu tươi phun ra như có vòi, vợ lão nghe tiếng kêu lật đật chạy vào thì lão đi từ đời nào, mụ tru tréo gào lên làm náo động cả xóm gà, họ ào ào chạy tới để xem, bàn tán đủ thứ chuyện, có người nhanh chân chạy vội ra công trình báo tin cho thằng con biết. Thằng Tí nghe tin phóng xe hót hải chạy về thì ông già tía của nó tắt thở đã mấy đời vương rồi.

Cái chết của lão ghê rợn và nhanh chóng quá làm ai cũng hãi hùng hoảng sợ, không biết lão bệnh gì nhưng họ cả quyết rằng tất cả đều do lũ chuột mà ra: âm hồn của mấy con chuột lãng vãng đòi mạng, lão không bị dịch hạch thì cũng bị nhiễm trùng máu vì mấy con vi rút truyền nhiễm từ loài động vật ghê gớm kia. Nhưng tất cả cũng chỉ là lời đồn thổi thôi, họ không biết có một người biết được nguyên nhân cái chết của lão Thìn, đó là ông y tá già ở đầu xóm. Mấy tháng trước ông già thấy lão Thìn có mấy triệu chứng hơi bất thường: da và tròng mắt ngả màu vàng nghệ, bụng trương lên thấy rõ, dáng đi đã bắt đầu

chậm chạp, ông già có khuyên lão nên khi khám bệnh những lão đã gạt phắt đi: Người ta ai cũng có số, ông đừng lo cho tôi, tôi còn sống dai lắm. Hôm nào ông tới nhà nhậu với tôi cho đã một bữa nghe. Rồi lão cười khà khà khệnh khạng bỏ đi một nước. Nhưng ông y tá già im lặng không nói lời nào bỏ về nhà vì ông biết nói ra chắc gì ai tin, cứ để nó trôi đi, người chết là hết, can chi nói ra nói vào làm gì không biết, nhưng ông già biết chắc chắn một điều là từ nay, cuộc hôn phối giữa người và chuột chắc chắn sẽ chấm dứt theo cái chết lạ lùng của lão Thìn và cư dân của cái xóm gà, mặc dù trước mặt gia đình người quá cố làm ra vẻ mặt buồn thảm khi đến đưa đám, nhưng thực ra trong bụng họ lại mừng thầm vì từ nay thoát được cái mùi hôi hám thối tha từ ngôi nhà ấy mang lại.

Nguồn cội

Từ lâu trong đầu óc của hắn không còn có chút khái niệm gì về quá khứ, một quá khứ mà những người như hắn xem đó là một ký ức đau buồn cần phải quên đi. Lúc đầu nó như một màn sương mỏng mà hắn còn cảm nhận lò mò sự việc, nhưng từ từ theo thời gian nó tích tụ ngày càng dày thêm và cuối cùng thì đặc quánh lại mà hầu như không có vật gì có thể xuyên qua nổi, cho đến một ngày cha nuôi người Mỹ nhân từ của hắn trước khi qua đời đã kêu hắn lại nói:

- Con trai à, ta có điều này muốn nói với con mà từ lâu ta giữ mãi trong lòng. Con không phải con ruột của ta, điều này con cũng đã biết, nhưng con chưa bao giờ hỏi ta con là ai, từ đâu đến, và tại sao gia đình ta lại nhận con là con nuôi? Nhưng ta nghĩ con được quyền biết vì ai cũng có gốc gác, nguồn cội của mình.

Hắn im lặng không nói, hắn suy nghĩ không biết người cha nuôi muốn nói điều gì với hắn,

về nguồn cội của hấn ư? Từ lâu hấn không còn nhớ tới và cũng không còn nghĩ tới. Biết để làm gì? Có ích gì trong cuộc sống hiện tại của hấn? Người cha Mỹ im lặng hồi lâu, nói tiếp với giọng buồn bã:

- Ta nhận nuôi con từ Hội Chữ thập đỏ, họ đưa con từ Việt Nam trong chiến dịch Babylift, đó là chiến dịch đưa các cô nhi Việt Nam ra nước ngoài trước khi Sài Gòn thất thủ vào tháng 4 năm 1975, lúc đó con khoảng 7, 8 tuổi gì đó. Ta từng là một người lính tham chiến ở Việt Nam, ta biết đất nước con là một đất nước tươi đẹp nhưng bị chiến tranh tàn phá, tan nát, nên ta nhận con về nuôi là một điều dễ hiểu, ta cảm thấy có lỗi với đất nước con và ta muốn chuộc lại lỗi lầm đó trong quá khứ của mình.

Sau khi người cha nuôi mất, một thời gian dài tâm trạng hấn không còn được yên ắng như trước, luôn bị giằng co giữa quá khứ và hiện tại, đôi lúc nó còn len vào tận vào trong giấc ngủ của hấn. Khi được đưa về Mỹ, hấn đã có một cuộc sống êm ả, được gia đình người cha nuôi yêu thương, chăm sóc, anh em trong gia đình cũng không định kiến gì với hấn, luôn coi hấn như một thành viên trong gia đình. Hấn tốt nghiệp đại học, vào làm trong một công ty hóa chất lớn,

lượng bổng ổn định, cuộc sống trôi qua một cách bình lặng như bao nhiêu người dân Mỹ khác, thì quá khứ lại bị đào xới lên, những ngày tháng thơ ấu đau khổ, kinh hoàng khi chạy loạn, trong cô nhi viện dần hiện lên trong trí nhớ của hấn mà hấn tưởng đã quên đi từ lâu, cuối cùng hấn nghiệm ra rằng, phải đối diện với thực tế, không trốn chạy nó nữa thì mới giải quyết vấn đề một cách rứt ráo được.

Hấn lên mạng tìm hiểu những thông tin về giai đoạn mà hấn được đưa khỏi Việt Nam. Hấn là một trong khoảng 3.300 trẻ em mồ côi rời khỏi một đất nước bị tàn phá bởi chiến tranh trong một chiến dịch mà thời sự lúc bấy giờ gọi là chiến dịch Babylift (chiến dịch không vận cô nhi) được khởi động trong khoảng thời gian từ ngày 3 đến 26 tháng 4 năm 1975. Những đứa trẻ này (trong đó có hấn) được đưa đến nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Pháp, Úc, Canada... và chúng được nhận nuôi bởi nhiều gia đình trên khắp thế giới. Hấn gửi thư đến Hội Chữ thập đỏ, các tổ chức từ thiện, nói chung là tất cả những tổ chức nào có thể tìm được những thông tin về quá khứ của hấn, sau rứt hấn tìm đến tổ chức Operation Reunite, một tổ chức phi lợi nhuận Hoa Kỳ, đã và đang giúp đoàn tụ các gia đình bị ly tán sau

chiến tranh, đặc biệt là các trẻ em từng bị đưa ra khỏi Việt Nam trong chiến dịch “Operation Babylift”. Thư đi thư lại nhiều lần, từ những thông tin mơ hồ, ít ỏi mà hấn cung cấp cho họ, hấn biết được người đưa hấn vào cô nhi viện ở Thủ Đức vào những ngày gần kết thúc chiến tranh Việt Nam là một sĩ quan miền Nam tên Lê Văn Sáu, ông ta nói trên đường di tản khỏi Nha Trang đã gặp hấn trên đường và đã đem hấn theo. Ông ta hứa có điều kiện sẽ trở lại đón hấn và điều đó đã không xảy ra, hấn được đưa khỏi Việt Nam trước ngày 30 tháng 4, không biết thời gian sau đó ông ta có trở lại tìm hấn không thì hấn không biết. Qua tổ chức Operation Reunite hấn đã tìm và kết nối lại được rất nhiều người ngày xưa từng là những đứa trẻ cô nhi bị đưa ra khỏi Việt Nam như hấn, họ trao đổi thông tin với nhau những điều mà họ biết được về hoàn cảnh quá khứ của nhau với hy vọng tìm được thân nhân bị thất lạc, vô hình chung Operation Reunite trở thành một cộng đồng kết nối mọi người cùng chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau tìm kiếm về gia đình của mình.

Mấy năm trước, tổ chức này đã làm một chuyến đi đưa hấn và các bạn hấn về thăm Việt Nam cũng vào một ngày cuối tháng tư, sau hơn

ba mươi mấy năm kết thúc chiến tranh Việt Nam. Một chuyến đi đã để lại trong tâm trí hẳn một ấn tượng vô cùng sâu sắc khó phai. Những người tham gia chuyến đi tìm về nguồn cội có các buổi học tiếng mẹ đẻ, viếng thăm viện mồ côi, bảo tàng chứng tích chiến tranh... Hẳn cũng có dịp trở về thăm viện mồ côi, nơi mà ba mươi mấy năm về trước người ta đã đưa hẳn đi. Hẳn hỏi thăm người quản lý hồ sơ về những đứa trẻ giai đoạn đó nhưng cũng không có thông tin gì mới hơn mà tổ chức Operation Reunite đã cung cấp cho hẳn. Hẳn hỏi thăm họ xem người sĩ quan miền Nam ấy có trở lại tìm hẳn không, nhưng họ lắc đầu. Họ lý giải thêm cho hẳn hiểu thời cuộc lúc bấy giờ lộn xộn lắm, không biết người lính ấy còn sống hay đã chết rồi cũng không biết chừng. Thôi thì đành vậy, sợi chỉ tìm về quá khứ của hẳn đến đây hầu như bị đứt đoạn.

Về Mỹ, hẳn trở lại với công việc thường nhật của mình. Một hôm đi làm về, hẳn cảm thấy cổ họng mình bị đau rát dữ dội, miệng khô khốc khó chịu. Hẳn đến gặp bác sĩ gia đình, nhờ giới thiệu đến một bệnh viện chuyên khoa để chữa trị. Ông ta nghe hẳn trình bày rồi viết giấy giới thiệu. Hẳn điện đến bệnh viện, người ta cho hẳn một cái hẹn. Hẳn đến rất đúng giờ, nhưng cũng

phải ngồi chờ gần một tiếng đồng hồ nữa vì bệnh nhân hôm ấy quá đông, sau cùng hẳn cũng được gọi vào. Người bác sĩ khám cho hẳn có nét dáng dấp của người châu Á như Việt Nam hay Trung Quốc gì đó như hẳn. Anh ta nói tiếng Mỹ khá sõi. Sau khi kiểm tra, người bác sĩ nói hẳn không sao đâu, chỉ bị dị ứng bởi một hóa chất mới nhập vào kho mà hẳn vô tình hít phải, nhưng để chắc ăn hơn phải làm thêm một vài xét nghiệm nữa. Người bác sĩ nhìn hẳn, ánh mắt chợt dừng lại một vết sẹo kéo dài từ gò má đến xuống tận cổ bên trái, anh ta hỏi hẳn:

- Vết sẹo này anh bị lâu chưa?
- Lâu rồi, lúc còn rất nhỏ.
- Anh là người Việt Nam?
- Sao bác sĩ biết?

Người bác sĩ nhìn vào hồ sơ bệnh án, cái tên Nguyễn Hiếu Trung ghi rõ trên đó, anh ta biết mình hỏi hơi thừa. Im lặng một chút, anh ta hỏi tiếp:

- Anh qua Mỹ lúc nào?
- 1975.

Người bác sĩ đột nhiên nói:

- Trong chiến dịch Babylift ?

Hẳn ngạc nhiên, một lần nữa hẳn lại hỏi:

- Sao bác sĩ biết?

Người bác sĩ không trả lời mà nói tiếp:

- Anh ở viện mồ côi Thủ Đức khi còn ở Việt Nam phải không?

Hắn há hốc miệng chưa biết nói gì thì anh ta lại nói:

- Tôi biết anh. Nhờ vào vết sẹo dài trên cổ của anh, chính ba tôi đã gọi anh vào đó.

Như có một luồng khí lạnh chạy dọc theo sống lưng, mồ hôi trên tay hắn rịn ra, thì ra cái người nắm được thông tin về cuộc đời hắn, về cái quá khứ không lấy gì vui của hắn đang ở đây. Vậy mà hắn phải chạy lòng vòng tìm kiếm khắp nơi, phải bay nửa vòng trái đất về Việt Nam để tìm kiếm, hắn nói mà giọng lắp bắp:

- Ba bác sĩ là...

- Ba tôi tên là Lê Văn Sáu, một sĩ quan trong chế độ VNCH. Trên đường di tản khỏi Nha Trang, ông ấy đã gặp anh trên đường đi và đưa anh về Sài Gòn.

- Ông ấy còn sống không? Tôi có thể gặp ông ấy được chứ?

Người bác sĩ lắc đầu:

- Ở đây thì không được. Ba tôi đã hồi hương về Việt Nam từ hai năm nay rồi. Ông than ở bên đây buồn quá, mà anh cũng biết ở bên này ai cũng bận bịu cả, không có thời gian nhiều để

thăm viếng nhau thường xuyên đâu. Ở Việt Nam còn có người quen qua lại, có lẽ làm ông ấy vui hơn. Tôi nghĩ ông ấy có quyết định đúng.

Hắn có vẻ thất vọng nhưng trong lòng hắn vẫn vui vì biết được thông tin về người hắn muốn tìm kiếm, biết đâu hắn còn cha mẹ, anh em gì đó. Hắn hỏi người bác sĩ:

- Bác sĩ có thể cho tôi xin địa chỉ, số điện thoại của ông ấy ở Việt Nam được không?

- Hắn nhiên rồi. Tôi cũng mong anh gặp lại ba tôi, có lẽ ông ấy sẽ rất vui khi biết anh còn sống và ở ngay trên đất Mỹ này, biết đâu chừng anh có được những thông tin bổ ích gì đó mà anh quan tâm.

Hắn bắt tay người bác sĩ, nói cảm ơn rồi ra về. Hắn còn đến bệnh viện một vài lần nữa để làm một số xét nghiệm cần thiết nhưng không còn gặp lại người bác sĩ đó một lần nào nữa và hắn quyết định xin nghỉ phép để về Việt Nam.

*

Hắn choàng tỉnh giấc khi cô tiếp viên hàng không một lần nữa nhắc nhở hành khách trên loa phát thanh, máy bay sắp hạ cánh, thắt chặt dây an toàn, kiểm tra lại hành lý. Hắn nhìn ra khung cửa sổ máy bay. Trời trong xanh không một chút mây, hắn thăm thẳm thời tiết thật đẹp, nhìn đồng

hồ: 4 giờ kém 10 phút. Thời gian thật chính xác. Lần này hẳn về Việt Nam chỉ quá cảnh một lần ở Nhật Bản mất ba tiếng rồi bay thẳng, chẳng bù với lần trước, thời gian quá cảnh dài lê thê.

Xuống sân bay hẳn đón taxi, ban đầu hẳn định bảo người tài xế lái về khách sạn mà hẳn đã đặt chỗ trước qua mạng, nhưng nhìn đồng hồ hẳn lại thay đổi ý định. Hẳn đưa tờ giấy ghi địa chỉ nhờ người tài xế chạy đến đó. Xe chạy theo đường Trường Sơn vào thành phố, hẳn nhìn dòng người xe di chuyển trên đường phố một cách hối hả không còn thấy dấu vết của một thành phố thời chiến tranh, nhiều cao ốc mọc lên trên đường xe chạy làm bộ mặt thành phố khác hẳn so với ba năm trước, trong lần đầu tiên hẳn trở lại Việt Nam. Ngôi nhà người đàn ông mà hẳn muốn tìm kiếm nằm trong một hẻm nhỏ trên một con đường lớn ở Bình Thạnh nên tương đối yên tĩnh, có hàng rào phía sau là một khu đất tương đối rộng trồng bông hoa và một số cây cảnh. Hẳn nhìn vào tờ giấy ghi địa chỉ và số nhà gắn trên cổng rồi tìm chuông để nhấn. Cái chuông nằm khuất sau cái cột cổng, chắc có lẽ chủ nhân sợ mấy đứa nhỏ hàng xóm quấy phá chăng? Vừa nghe tiếng chuông reo, trong nhà thấp thoáng có người đi ra phía cổng. Hẳn nhìn người đàn ông

từ xa, trong đầu óc ban đầu hẳn tưởng tượng đó là một người đàn ông lớn tuổi, tóc bạc, đi đứng chậm chạp thậm chí khó khăn, nhưng không, người đàn ông dáng đi còn rất nhanh nhẹn, tuy tóc đã bạc nhưng gương mặt không quá khắc khổ như hẳn tưởng. Ông ta mở cổng, nhìn hẳn nét mặt lộ vẻ vui mừng:

- Cháu là Trung phải không? Vào đi cháu.

Hẳn bước qua khoảng sân rộng trồng cây cảnh bước lên thềm vào nhà.

- Cháu uống cà phê nhé.

- Vâng! Chú cho cháu một ly.

Vừa pha cà phê, người đàn ông vừa nói:

- Cháu cứ gọi chú là chú, chú chưa già lắm để gọi bằng ông hay cụ. Gọi thế cho cho thân mật cháu ạ.

Đẩy ly cà phê còn bốc khói về phía hẳn mời hẳn uống, người đàn ông rút điều thuốc trong gói thuốc con mèo mời hút, đưa gói thuốc về phía hẳn như mời hút, hẳn khẽ lắc đầu từ chối. Người đàn ông nhìn hẳn chậm rãi nói:

- Chú có nghe thằng con điện về cho chú biết được gặp cháu. Nào, cháu có điều gì hỏi cứ hỏi, chú còn nhớ điều gì sẽ nói cho cháu biết.

Hẳn nhấp một ngụm cà phê, hương thơm của mùi cà phê đã làm hẳn dễ chịu. Hẳn kể cho người

đàn ông biết về lời dặn dò của người cha nuôi trước khi mất, nổi ám ảnh trong từng giấc mơ, cuộc tìm kiếm thân phận của mình trong nhiều năm nay. Hấn còn kể cho ông nghe đã trở lại viện mồ cô noi hấn từ đó ra đi nhưng dấu vết vẫn mù tăm. Người đàn ông tên Sáu chăm chú lắng nghe, mặt trầm ngâm, giọng nói như trầm xuống:

- Ngày ấy trên đường di tản khỏi Nha Trang, chú đã gặp cháu đứng khóc trên đường, cổ còn quần băng thấm máu. Có lẽ đó là một mảnh đạn pháo mồ cô không biết rơi vào đâu lại nè ngay cháu. May mà nó không sâu. Cha mẹ cháu hay người nào đó đã băng vôi vết thương cho cháu. Trên đường di tản rất hỗn độn và chắc cháu đã lạc cha mẹ từ đó. Gọi cháu vào viện mồ cô lúc đó và cho tới bây giờ chú vẫn cho là hành động đúng đắn để đảm bảo sinh mạng và cuộc sống của cháu.

- Chú có trở lại nơi ấy lần nào không?

- Xin lỗi cháu, chú đã không thực hiện được lời hứa của mình khi gọi cháu vào đó. Sau giải phóng là những chuỗi ngày dài chú ở trong các trại học tập cải tạo. Ra trại chú tìm cách vượt biên, rồi những chuỗi ngày làm cật lực nơi xứ người để bảo lãnh vợ con sang đây. Nuôi cho chúng ăn học thành tài thì mình đã già rồi. Chúng mãi mê làm việc quên cả còn có người cha già này, chúng

còn muốn chú vào viện dưỡng lão để ở. Chú xin hỏi hương, dù sao đây cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của mình mà.

- Về đây chú không buồn sao?

- Sao lại buồn? Về đây có biết bao công việc để làm, chú tham gia vào công tác từ thiện, giúp đỡ bệnh nhân nghèo... Cần gì thì phân qua cho bên để bọn chúng tiếp tế, có sao đâu.

Hắn nhìn ra ngoài sân, trong ánh nắng chập choạng của buổi chiều, vài cánh hoa tím trên cái cây trong sân rơi xuống đất theo làn gió thoảng. Hắn chỉ cái cây ngoài sân, hỏi người đàn ông:

- Cái cây có bông hoa tím đó gọi là gì hở chú?

Người đàn ông nhìn theo hướng tay hắn chỉ:

- À! Cây đó hả? Bằng lăng đó. Đây là mùa bằng lăng trở bông đấy cháu à. Người ta thường trồng bằng lăng ở mấy con lươn, trên lề đường để làm cảnh, tạo bóng râm. Tháng tư, tháng năm nở tím cả một con đường trông rất đẹp. Cháu có nhìn thấy chùm quả bằng lăng ở trên cành cao đó không? Khi chín nó rụng xuống. Mưa xuống làm cho chúng mọc lên thành những cây con, rồi một vòng đời của nó lại tiếp tục, sinh sôi nảy nở.

Rồi ông nhìn hắn:

- Cháu cũng vậy, về bên bỏ hết những phiền muộn chất chứa trong lòng mấy chục năm nay đi.

Không ai chọn được cho mình một hướng đi vào đời đâu cháu ạ. Quên hết cái đời mờ côi của cháu mà vui sống, có thể mình mới thanh thản được.

Hắn nhìn người đàn ông, những tháng ngày cận kề giữa cái sống và cái chết trong chiến tranh, trong trại học tập cải tạo, trên đường vượt biển, ở xứ người phải cật lực làm việc để bảo lãnh con cái rồi khi thành đạt chúng lại muốn đưa ông vào viện dưỡng lão. Hắn muốn nói một lời nào đó mà không biết mở lời như thế nào. Hắn chợt cảm nhận nguồn cội mà hắn đang cố công tìm kiếm nào có đâu xa, nó ở trong lòng mình mà thôi.

Lòng hắn chợt thấy thanh thản lạ thường. Trước khi từ già ông Sáu ra về, hắn nắm chặt lấy bàn tay nhỏ bè của ông rồi nói:

- Cho cháu được nói lời cảm ơn chú một lần vì có chú cháu mới được như ngày hôm nay.

Người đàn ông nhìn hắn mắt rơm rớm nước mắt. Hắn biết đó là những giọt nước mắt hạnh phúc.

Tháng 4/2013

Bến sông quê

Hình như tiếng chim vịt kêu chiều hôm nay sớm hơn mọi bữa, khi những vạt nắng vàng hiu hắt của buổi chiều tà còn trải dài trên các ngọn bần, trâm bầu ven sông làm cảnh vật càng thêm quạnh quẽ, mấy bụi ô rô cốc kèn dọc theo bờ kênh lâu lâu vang lên mấy tiếng sột soạt của mấy con cá thòi lòi phóng lướt qua đuổi nhau kiếm ăn. Con nước bắt đầu lớn, nước từ sông cái chảy vào kênh Cái Sâu lờ đờ bình lặng, từng vạt lục bình trôi dạt vào kênh điểm xuyên mấy chùm bông tím tím làm cảnh vật bớt buồn tẻ, đơn điệu. Lâu lâu một vài trái bần già rụng xuống dòng kênh nghe lỏm bồm, trong không gian trầm lắng đó người ta lại nghe tiếng đờn vọng cổ cất lên từ trước nhà Năm Can, tiếng đờn như ai oán, nhớ thương chất chứa bao niềm tâm sự. Nhiều lần con Là đưa con gái lớn của Năm Can nói:

- Tía cứ đờn mấy cái bài đó buồn thấy mồ, đờn bài nào vui vui chút tía ơi. Mỗi lần nghe tía

đòn, con với thằng Chi thêm nấu ruột nấu gan đây nè. Tía nhớ má hoài có ích gì chứ, má không về nữa đâu tía ơi, má bỏ tía con mình lâu rồi tía biết không?

Tiếng con bé như nghẹn lại ở câu cuối, rồi nó quày quả bước vào chái bếp để nhóm lửa nấu cơm. Mỗi lần nghe con Là cần nhân, lòng Năm Can như chùng xuống. Tiếng đòn vọt tắt, không gian như chìm vào khoảng không vắng vẻ. Những ngày xưa cũ êm đẹp như dần hiện ra trước mắt anh. Lúc nhỏ mắt anh cũng bình thường như những đứa trẻ khác trong xóm, cũng vui đùa, trèo nháy, boi lội nhưng sau một cơn phát ban cấp tính, mắt anh mờ dần rồi mù hẳn, cuộc đời anh chìm vào bóng tối lúc bảy tuổi. Suốt ngày anh chỉ còn quanh quẩn trước khoảng sân nhỏ nơi bến sông trước nhà trong nỗi cô đơn, buồn tẻ nhưng rồi nỗi buồn mất đi ánh sáng cũng dần trôi qua, Năm Can bắt đầu tập làm quen với cuộc sống đầy bóng tối. Mất cái này thì ông trời bù cho anh cái khác, anh nhanh chóng học được những cái mà ngay cả người sáng mắt cũng chưa chắc học nhanh được. Anh thông thuộc từng con đường, ngõ ngách trong thôn xóm, từng luồng nước chảy và hơn hết anh là một tay sát cá có hạng, chỉ cần nghe tiếng cá quẫy, tiếng cá đớp

bóng nước, Năm Can biết ngay là loại cá gì và chưa bao giờ anh để lọt lưới một con cá nào. Anh còn có một cái tài, tiếng đồn vọng cổ mượt mà ăn đứt mấy tay đồn nghiệp dư trong xóm mà không phải ai cũng có được.

Số là trong một lần đi bắt cá, Năm Can nghe được tiếng đồn vọng cổ của một người nào đó bên kia kênh, anh đâm ra mê mẩn, bỏ cả buổi bắt cá leo lên bờ kênh men theo tiếng đàn để nghe cho rõ hơn. Mấy lần như thế đã làm cho ông thầy đồn chú ý, thấy thằng bé có vẻ đam mê lại mù nên ông tỏ ra thương cảm hỏi nó có muốn học đồn không, ông sẽ dạy. Dĩ nhiên là Năm Can mừng rỡ đồng ý ngay. Sau này khi hai thầy trò trở nên thân thiết, ông mới kể cho nó nghe ông là ông thầy đồn từng đồn cho những đại ban như Dạ Lý Hương, Kim Chương, Kim Chung thời còn hưng thịnh... nhưng cái lương đã qua thời hoàng kim của nó, lần lượt từng gánh cái lương dù nổi tiếng cuối cùng cũng phải tan đàn xẻ nghé, ông đành ngậm ngùi trở về quê sinh sống. Thấy Năm Can có vẻ sáng dạ, ông đã dốc hết sở trường để dạy thằng bé. Chẳng phụ công sức ông thầy, chỉ trong một thời gian ngắn Năm Can đã có thể trình diễn thuần thục những bài bản vọng cổ như: Khốc hoàng thiên, Trăng thu

dạ khúc, Tam xuân, Phụng hoàng, Kim tiền bản, Vọng kim lang, Văn thiên tường, Phi vân điệp khúc... các điệu lý như lý giao duyên, lý con sáo, lý cái môn... làm ông thầy đờn phải hết sức ngạc nhiên. Khi thấy không còn gì để dạy thẳng bé nữa, ông đã tặng cây đờn ghi ta phím lõm mà ông vô cùng yêu quý, đã gắn bó nhiều năm với ông cho cậu học trò với lời khuyên cậu học trò đừng từ bỏ ước mơ của mình.

Cuộc đời anh như trải qua bước ngoặt mới khi anh gặp Lua. Tối hôm đó trời mưa to, nước chảy xiết, đang ngồi trong nhà anh nghe hình như có tiếng ai kêu cứu ngoài kênh. Không kịp suy nghĩ anh chạy ào ra kênh. Theo tiếng kêu, anh đã đưa được một cô gái đang chới với giữa dòng nước chảy xiết lên bờ, vừa lên được bờ cô gái đã vật vã hỏi mẹ tôi đâu, hãy cứu mẹ tôi với. Anh lại phải nhảy xuống dòng kênh theo tiếng động, anh đã đưa được bà mẹ lên bờ an toàn. Hỏi ra mới biết, họ là hai mẹ con đi gặt lúa muộn ở Ngã Sáu, đang chèo về quê ở Thới Lai, đến đây bất ngờ gặp mưa to, nước chảy xiết nên ghe lật. Cảm ơn cứu mạng, tuy biết anh bị mù nhưng là người tốt bụng lại chịu thương chịu khó, cô gái tên Lua cũng cảm thấy thương mến anh nên người mẹ vui lòng gả con gái mình cho anh.

Từ ngày có gia đình, Năm Can càng siêng năng hơn nữa, ngoài việc mò cua bắt cá, trong thôn xóm có đám tiệc nào người ta cần thợ đờn giúp vui anh cũng vui vẻ tham gia để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Tuy không khá giả nhưng gia đình cũng đủ ăn đủ mặc. Sống với nhau tám năm có hai mặt con. Con Là bảy tuổi, thằng Chi bốn tuổi, Năm Can tưởng cuộc đời mình như thế quá đầy đủ rồi, không còn mơ ước gì hơn. Thế mà một sự việc bất ngờ xảy ra làm đảo lộn cuộc sống gia đình anh, trong một lần về quê đám giỗ, Lụa đã không trở lại. Năm Can cho người về quê vợ tìm kiếm nhưng người vợ từ chối trở về sống cuộc đời nghèo khổ bên người chồng mù lòa, tật nguyền. Anh như đột quy sau biến cố ấy, nhưng còn hai con nhỏ phải làm sao đây. Năm Can chỉ còn gởi gắm tâm sự mình qua tiếng đờn mỗi khi chiều xuống.

*

Năm Can bỗng dừng tiếng đờn lên tiếng:

- Là hả con? Về rồi sao không vào nhà nấu cơm đi. Thằng Chi đi học sắp về rồi đó. Chưa có cơm ăn đói bụng tội nghiệp nó.

Vẫn không nghe thấy tiếng động dậy gì của con nhỏ, hơi ngạc nhiên, cảm thấy có điều gì đó không bình thường, Năm Can căng tai nghe ngóng:

- Có chuyện gì thế Là? Hình như có ai đến nhà mình phải không con?

Con Là ngập ngừng giây lát, giọng nó nắc nghẹn:

- Má về rồi đó tí ơi.

Năm Can cảm thấy thời gian như dừng lại, lỗ tai lùng bùng, không gian chợt im ắng. Anh nghe tiếng con Là nói như thúc giục:

- Tía đó, má muốn nói gì thì nói đi tôi không biết đâu.

Năm Can chợt nghe tiếng khóc của người đàn bà mà từ lâu anh tưởng không bao giờ còn nghe được nữa:

- Anh Năm ơi! Em là Lụa đây. Em về đây xin anh tha thứ cho những lỗi lầm mà em gây nên. Anh trách mắng, làm gì em cũng được, em chỉ xin anh cho em được ở lại lo lắng cho anh và lo cho hai con được không anh?

Nhìn khuôn mặt khổ sở đầy vẻ ăn năn của má, con Là bỗng cảm thấy thương má nó quá. Mới đây thôi nó còn giận má biết bao nhiêu, giờ đây bao nhiêu nỗi ảm ức, buồn đau mà nó phải chịu đựng từ ngày má nó bỏ đi như tan biến mất. Nó nhớ lại việc gặp lại má ở ngoài chợ chiều nay, khi vừa bán xong mớ cá mà tía nó mò bắt được, khi vừa bước ra khỏi chợ xã đi về phía mé sông lấy

xuồng chèo về nhà thì từ phía bên đường, một người phụ nữ đưa tay ngoắc ngoắc kêu:

- Là! Là! Qua đây cô có chuyện muốn nói.

Con Là ngoái lại, đó là cô Út, người hàng xóm quen với gia đình nó có gia đình ngoài chợ xã. Là bước sang, cô ta kéo Là vào trong nhà, vừa đi vừa nói:

- Là vào đây, cô nói cái này cho nghe.

Con Là hơi ngạc nhiên khi thấy cử chỉ hơi lạ của cô Út, nhưng nó cũng ngoan ngoãn đi theo. Vào nhà, nó thấy một người đàn bà gương mặt quen quen đang nhìn nó. Là hơi ngờ ngợ thì cô Út đã nói:

- Má con đó, má con đã về, muốn gặp con, con nói chuyện với má đi.

Rồi quay sang người đàn bà, cô ta nói luôn:

- Con Là đó chị. Thôi hai mẹ con trò chuyện nghe, tôi ra ngoài này coi tiệm một chút.

Cô Út vừa nói vừa quay lưng bước ra ngoài, con Là trong giây phút bối ngỡ sững sốt, nó liền quay lưng lại định bước ra ngoài, người đàn bà chạy vội tới nắm lấy tay Là khóc:

- Là ơi! Má đây con, má đã về đây rồi nè, con tha lỗi cho má nghe con, con ơi.

Nói đến đây người đàn bà khóc ngất. Con Là vùng vằng giựt cánh tay ra khỏi tay người đàn bà, nói giận dỗi:

- Má tôi sao? Má tôi đã mất lâu rồi. Má về đây để làm gì? Để làm khổ tía con tôi lần nữa phải không?

- Là ơi! Má biết mình có lỗi nhiều lắm. Con hãy cho má theo con về nhà để xin tía con tha thứ. Má muốn về chuộc lại lỗi lầm đã gây nên, được lo lắng cho con và thằng Chi được không con?

Con Là nhìn người đàn bà, người mà nó từng gọi là má, mặt lạnh tanh không biểu lộ cảm xúc gì, nhưng thật ra trong lòng nó lay động dữ lắm. Nó muốn ôm chầm lấy má, sà vào lòng má mà khóc ngon lành, để rồi được kể kể nỗi mong nhớ, chờ đợi má nó ngày nào đó trở về với tía con nó. Nỗi quất quay chờ đợi ngày càng mòn mỏi, hụt hẫng cạn dần đi khi mỗi ngày nhìn thấy cái cảnh tía nó chiều chiều ngồi trước cửa trước bến sông gảy đàn hát những bản vọng cổ buồn thê thiết làm nó càng giận mẹ nó nhiều hơn. Nó sảng giọng:

- Tôi không biết. Má về mà nói với tía đi, xem tía có tha thứ cho má không rồi hẵng tính. Tôi và thằng Chi sống không có má lâu rồi cũng quen, chỉ tội cho tía mà thôi...

Con Là như biết mình lỡ lời nên không nói nữa, nhìn má nó ái ngại, chua xót. Má nó đưa cánh tay lên quệt nước mắt, giọng sứt sùi:

- Má biết má có lỗi với tía con con nhiều lắm
Là oi.

Con Là không thấy tía nó nói năng gì, gương
mặt cũng không lộ vẻ gì cả, nó không biết tía nó
đang suy nghĩ gì, nó đâm ra lo lắng:

- Tía! Tía nói gì đi chứ, tía tha lỗi cho má được
không tía?

- Vậy chó con kêu tía phải làm gì đây? Kêu má
con vào lo com chiều đi, thằng Chi đi học sắp về
rồi đó.

Hiểu ý tía, con Là nắm lấy tay má nó kéo vô
nhà:

- Vào nhà đi má, tía chịu rồi đó.

Lắng nghe tiếng chân của hai má con Là xa
dần, lòng Năm Can bỗng dâng lên một niềm vui
khôn tả. Từ ngày má con Là bỏ đi, lòng anh như
chết hẳn, anh cũng muốn chết quách đi cho rồi
nhưng ngặt còn hai đứa con nhỏ không biết tính
sao. Thương con còn nhỏ dại, anh đành nuốt nỗi
đau vào lòng, tìm quên trong công việc, trong
tiếng đàn. Nào ngờ ông trời chắc còn thương tía
con anh nên má con Là biết tìm về chốn cũ.

Năm Can ngược mặt nhìn ra bến sông. Anh
biết con nước giờ này đã đứng lớn và sắp chuẩn
bị cho đợt nước ròng. Một tiếng chim vịt kêu
nhưng lần này anh không còn cảm thấy buồn tẻ

lẻ loi nữa, hình như nó đã tìm được bạn tình. Từ nay căn nhà nhỏ của anh sẽ lại đầy ắp tiếng cười như ngày xưa, và anh chợt cười một mình trong bóng chiều chập choạng tối.

Một ngọn gió chợt thổi qua bến sông, đem lại luồng không khí mát dịu trong lành cho một ngày sắp hết và chuẩn bị cho một ngày mới an lành sẽ đến.

Cuối tháng 3/2014

Xóm trọ

Lão Cụt bước những bước chân chậm rãi về phía quán cô Tư Bông, đằng sau lão là con Còi chạy lẳng nhặng theo chân lão, lâu lâu nó kêu lên ư ử như ngấm báo cho ông chủ biết tôi đây ông chủ, tôi đang theo sau ông chủ đấy nhé. Tôi sẽ luôn bảo vệ ông, ông đừng lo ông chủ nhé. Lão Cụt chùng như hiểu ý, quay lại neoh mắt nhìn nó như muốn nói, khổ lắm nói mãi. Đến cửa quán cô Tư Bông, tần ngần một chút lão mở lời trước:

- Cô Tư ơi, bán cho tôi mấy món đồ nhé.

Tư Bông xởi lời:

- Gì thế lão Cụt, hôm nay lại thiếu nữa à?

Mặt lão Cụt làm ra vẻ nhăn nhó, trông thật thâm não:

- Đôi khi khó khăn một chút thôi mà. Cô thấy có bao giờ tôi thiếu quán cô lâu không? Làm khó nhau chi vậy cô Tư.

- Đành rằng vậy. Nhưng trong xóm trọ này ai cũng thiếu cả, lấy vốn đâu tui mua hàng bán chứ lão? Hôm qua sửa xe gặp chuyện gì sao?

Lão Cụt xoa tay:

- Không có chuyện gì đâu cô Tư ơi. Ông trời lúc này kỳ quá hè, lúc mưa lúc nắng, hôm qua trời mưa mấy chập, xe cộ chạy qua chạy lại mà không thấy ma nào bể vỏ hư xe, chỉ có mấy đứa học trò dừng lại bom ruột, có mấy nghìn bạc nhằm nhò gì. Tôi lại bị khớp đau chân nó hành chịu không nổi nên cuốn gói về sớm, mất toi hết một ngày công. Kiểu này lâu ngày biết lấy gì mà sống đây không biết.

Cô Tư Bông làm ra vẻ thông cảm:

- Ồi giời! Trời sinh voi sinh cỏ mà, lão khéo lo bò trắng răng. Hôm nay ế ẩm ngày mai biết không chừng tự dung ngang qua ông vỏ bể lốp xẹp, người ta đưa xe vô sửa nướm nược thì sao? Nói vậy thôi chứ lão muốn mua cái gì thì lấy đi nhá.

Lão Cụt nhờ cô lấy mấy thứ thật cần thiết cho cuộc sống hằng ngày như vài kí gạo, mấy con khô và dăm cái trứng vịt, chai nước mắm, vài ngàn mỡ nước và không quên nói với cô Tư chủ quán đong cho mình một lít rượu đế, Tư Bông bỏ tất cả vào trong cái túi xách nhựa đưa cho lão.

Lão Cụt cầm lấy quay đi, vừa đi vừa quay mặt lại nói:

- Nhớ ghi số nhé cô Tư.

- Biết rồi, lão về đi, uống vừa vừa thôi, cảm gió không ai hay chết bất đắc kỳ tử đó nghe lão Cụt.

Lão Cụt nhăn mặt nói một câu y chang như nói với con Còi:

- Biết rồi khổ lắm nói mãi.

Nhìn cái dáng liêu xiêu cong queo của lão đi về phía phòng trọ, cô Tư Bông thờ dài ngao ngán. Từ ngày có mấy dãy nhà trọ đến nay, có lẽ lão Cụt là người khách trọ đầu tiên có kỷ lục ở lâu nhất ở đây, có thể nói thâm căn cố đế ở xóm ngụ cư này. Nói là xóm nhà trọ cho vắn vè vậy thôi chứ thật ra gọi là khu chòm má thì đúng hơn, bởi vì xóm nhà trọ của Tư Bông trước kia chỉ là vũng lầy cỏ mọc um tùm của khu chòm má không người ở, vợ chồng Tư Bông dành dụm tiền từng bước san lấp cất được mấy dãy phòng trọ cho dân lao động thuê với giá rẻ, rồi mở quán tạp hóa nhỏ bán mấy thứ linh tinh, lật vật phục vụ nhu cầu sinh hoạt của dân ngụ cư nghèo khó không được nhiều tiền lắm nhưng cũng tạm ổn sống qua ngày. Không vợ không con, lão Cụt sống thui thủi với con chó Còi mà lão lượm được ở đâu đó trong một ngày vá xe ở góc đường

ngoài phố. Cuộc đời của lão cũng bi thảm lắm. Vợ lão mắc bệnh ung thư vú, phẫu thuật cắt một bên vú rồi nhưng phát hiện muộn nên nó di căn tùm lum, tiền bạc tốn kém không ít, hết tiền hết bạc thì vợ lão cũng ra đi. Nỗi buồn vợ chết chưa nguôi thì tai họa lại ập đến với thằng con trai lão. Một hôm nó đi làm hồ, trượt chân té từ giàn giáo cao xuống chấn thương sọ não chết không kịp nói với lão câu nào. Lão như điên như khùng rồi bỏ quê ra đi, thề đến chết cũng không trở về cái nơi đã gây cho lão quá nhiều đau khổ bất hạnh, về làm gì kia chứ, còn ai nữa để mà về? Lão lang thang làm thuê bất cứ điều gì người ta muốn, có tiền bao nhiêu đều cúng cô hồn vào men rượu hết cho voi đi nỗi buồn, sự cô độc ăn sâu trong lòng lão. Một bữa uống say quắc cần câu, nằm tênh hênh ở hiên nhà bất tỉnh nhân sự, may người ta hay kịp cạo gió, giật tóc mai, xoa dầu cù là túa xoa, nếu không lão đã theo ông bà ông vải từ lâu rồi. Sau trận thừa chết thiếu sống đó, lão đâm ra sợ rượu một thời gian rồi chứng nào tật nấy, không bỏ được. Sức khỏe không cho phép lão làm những công việc nặng nhọc nữa, lão đành sắm bộ đồ nghề ra vá sửa xe ở góc đường nhà văn hóa thiếu nhi kiếm sống lay lắt qua ngày, nhờ trời cũng không đến nỗi chết đói. Có ai biết

lão tên gì đâu nên người ta đặt cho lão cái tên Cụt vậy, vì lão đã cụt đường rồi, quê đâu mà về, không phải sao? còn con chó Còi nó ốm nhom ốm nhách không gọi nó là Còi thì gọi là gì?

Lão Cụt vừa đi khuất thì cô Tư Bông lại bắt gặp cặp mắt hấp háy của con Đẹp, cái nhìn chom hom của thằng Tốt - con mụ Thung - ở góc quán. Mẹ con mụ Thung cũng mới phiêu dạt đến xóm ngụ cư này chừng năm chứ mấy, cả ba mẹ con suốt ngày lang thang ngoài đường bán vé số nuôi thân, mà cái nghề bán vé số coi bộ cũng bạc bẽo lắm, đi bán quanh năm suốt tháng cũng chẳng thấy dư một đồng nào, tiền nhà tháng nào cũng trễ tới trễ lui nhưng tính tình cũng không đến nổi nào, nếu không cô đã tìm cách tống khứ đi từ lâu rồi cũng nên. Tư Bông giả vờ tảng hắng như ngầm bảo tao đã thấy hai đứa bay rồi đấy nhé, rồi cô lên tiếng:

- Gì đó hai đứa? Có chuyện gì muốn nói với Tư hả? Sao giờ này sao bay chưa đi bán vậy? Bay có thấy mặt trời lên mấy sào rồi không?

Con Đẹp lanh chanh:

- Định cho Tư xem cái này.

- Cái gì vậy?

Con Đẹp chìa cái kính đeo mắt ra:

- Cho Tư cái này?

- Cái kính à? Của ai thế? Hai đứa kiếm ở đâu vậy. Lại ăn trộm nữa chứ gì?

Con Đẹp phụng phịu:

- Tư lại nghĩ xấu hai đứa con rồi, con lượm đó mà.

Thằng Tốt vọt miệng nói lia:

- Chị ấy chôm của người ta đó Tư oi.

Nhớ lại lần đầu tiên nghe mấy đứa nhỏ gọi mình là Tư oi, Tư à, làm Tư Bông thấy tức cười. Lúc mới dọn đến ở trọ, mẹ Thung sai con nhỏ qua mua mấy gói mì, nó nói:

- Tư oi! Bán cho mẹ con mấy gói mì đi Tư.

Đang sẵn giận lão Tư về vụ đi mua hàng lộn tới lộn lui, mắc công đi đổi lại người ta tốn thì giờ lại còn nghe chửi. Ai đòi đâu kêu mua nước mắm lại mua nước tương, kêu mua khăn giấy lại đi mua giấy vệ sinh, đầu óc của lão Tư lúc này cũng ba lon hết chỗ nói, lại gặp con nhỏ lóc chóc này kêu Tư oi Tư hời, Tư Bông sựng cồ lên ngay:

- Nè nhỏ! Bây gọi ai là Tư này Tư kia hả? Tao cái gì đi nữa cũng hơn tuổi má của tụi bây, bộ bay không biết phép tắc kẻ trên người dưới thế nào hả?

Con bé cười lòn lén:

- Tại con quen xưng hô như ở quê rồi Tư oi.

- Ở quê bay xưng hô ra sao?

- Con nghe con Đèo nó gọi dì Út nó là Út ơi Út ơi, thằng Đậu kêu cô Tám nó là Tám trống không trống lốc, đâu thấy dì Út, cô Tám tụi nó giận hờn, bắt bẻ gì đâu, còn mua bánh cho tụi nó ăn nữa kia. Con kêu cô Tư là Tư ơi Tư ơi giống như con Đèo, thằng Đậu gọi dì Út, cô Tám tụi nó vậy mà, có sao đâu, Tư đừng giận nghe.

Nghe mấy lời lí sự của con Đẹp cũng ngộ ngộ, Tư Bông bật cười dịu giọng:

- Ai thèm chấp nhất gì bọn trẻ con tụi bây, tụi bây nói coi chừng có móc lưỡi câu ngoắc qua ngoắc lại là biết tay tao đó.

Vậy là mặc nhiên giữa cô và hai đứa trẻ con nhà mụ Thung có một hợp đồng bất thành văn trong cách xưng hô như vậy cho tới bây giờ.

Nghe thằng Tốt nói, Tư Bông nghiêm nét mặt nhìn con Đẹp:

- Tư đã nói với bay bao nhiêu lần, nghèo phải để cho người ta thương, ăn cắp cái đồ vật vĩnh của người ta để làm gì?

Con Đẹp trả treo:

- Tại người ta xem thường con trước chứ bộ.

Cô Tư vặn lại:

- Người ta xem thường bay cái gì kể Tư nghe coi.

Thằng Tốt lại ăn com hót lòi chị nó:

- Tư coi, hôm qua chị mời ông khách đang ngồi uống cà phê mua vé số, người ta đang đọc báo thòi sự gì đó coi bộ chăm chú lắm, không trả lời trả vốn gì, để chiếc kính trên bàn không để ý là chị ấy chôm ngay bỏ vào giỏ đó Tư.

Con chị quay lại cú vào đầu thằng em một cái rỗ to:

- Xí, mày biết cái gì mà nói.

Tư Bông bảo con Đẹp:

- Thôi! Tư biết hết rồi, lỗi tại bay chứ có phải người ta đâu, người ta là khách mà, hôm nay không mua thì hôm khác người ta mua, bộ bay tưởng bán một lần là đứt đuôi con nòng nọc hay sao? Đem trả cho người ta đi.

- Biết người ta ở đâu mà trả? Sông dài cá lội biệt tăm mà Tư.

- Chà! Hôm nay xố vắn chương với Tư hả? Bay giỏi lắm mà, thử tìm cách đi con. Tìm không ra để trả lại cho người ta đừng vác bản mặt đến gặp Tư xin xỏ này nọ nữa nghe chưa?

Mặt con Đẹp tiu nghiú:

- Ủ! Tư nói con nghe. Trả thì trả, mà này Tư oi!

- Gì nữa.

- Tụi con đói quá, đi bán mà chưa có cái gì vô bụng.

- Tư biết ngay mà. Nè! Tư cho mỗi đứa một chiếc bánh dứa, ăn rồi đi bán, nhớ không có la cà làm chuyện bậy bạ đó nghe.

Hai chị em mừng quýnh, cầm hai chiếc bánh dứa chạy đi sau khi dạ một tiếng thật to. Nhìn theo hai đứa trẻ, Tư Bông thở dài ngao ngán. Cũng tại thằng cha chúng không nên thân, ham cá độ làm chi để thua cháy túi đến nỗi mượn xe ôm chạy lên cầu Mỹ Thuận nhảy xuống sông Tiền tự tử, mà cái cầu này có huông hay làm sao đó nghe. Mới khánh thành chưa đầy một tháng đã có người mượn cái phù kiều quá giang về âm phủ rồi, năm nào cũng có người nhảy sông tự tử. Bộ thằng chả tưởng có quý hơn phù hộ hay sao chớ, vót chĩa lên cho tiền trả nợ giống như nàng Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường được sư Giác Duyên cứu để hội ngộ với Kim Trọng sau mười lăm năm lưu lạc phong trần, còn lâu mới có chuyện đó nghe. Thôi buổi @ chứ bộ trong chuyện cố tích sao? Nhảy một phát là mất tằm, ba ngày sau mới nổi lên như thằng chổng trôi sông à nghe.

Kế phòng của mẹ con mẹ Thung là phòng trọ của lão tiên ông Lý Thiết Quài. Ông này có nhiều điều đáng nói lắm đây. Tên cúng cơm của ông ta là Trọn, Út Trọn. Ông bà ta thường nói giàu út ăn, nghèo út chịu. Út Trọn là con Út trong một

gia đình khá giả, có hai người chị đều có gia đình hết trợ, lại là con trai độc nhất trong gia đình nên từ nhỏ được cha mẹ cưng chiều hết mức. Cũng vì thế mà lão ta quậy phá hết cỡ thợ mộc. Trong một lần trèo lên cây cao chọc phá ổ chim chơi, bị gãy giò, không biết chữa trị thế nào mà cuối cùng chân đi cà thọt. Lớn lên chút xíu mê đá gà, nhậu nhẹt, khoái phim chưởng, gái gú tiêu hết tài sản gia đình nên có con gái nhà lành nào thèm ưng, nghe nói đến tên Út Trợn là đàn bà con gái sợ chạy mất dép. Ông bà vô buồn rầu lần lượt theo ông bà ông vãi quy tiên hết ráo, còn lão cũng hết cách sống, bán nhà đi lưu linh lưu địa tứ xứ, thăm không biết đường đâu mà kể. Xem phim Hồng Kông riết hẳn thấy hình dáng mình coi bộ giống tiên ông Lý Thiết Quài trong bộ phim Bát Tiên Đông Du Quá Hải hay sao mà hẳn tự vợ cho mình cái tên Lý Thiết Quài để dễ kiếm ăn không biết chừng. Lão sắm cho mình cây gậy có cái ngoéo phía trên, dùng dây chỉ đỏ cột trái bầu hồ lô vào đó, không biết lão kiếm ở đâu ra, rồi đầu bịt khăn vàng, mặc áo ba túi, tóc tai để bùm xùm cho giống nhân vật trong phim. Hằng ngày lão quanh quẩn ở mấy ngôi chùa trong thành phố, hôm nay chùa này mai chùa khác. Khách thập phương thấy lão tội nghiệp nên cho tiền lão

không ít. Có một điều ngộ là Lý Thiết Quài thời @ hiện đại này chưa hề chìa tay xin tiền một ai à nghe, ta là tiên ông mà, tại họ cho tiền ta chứ bộ. Có tiền rùng rinh trong túi, lão lại sinh tật mê gái, không biết mấy thằng pê-đê bắt tin được từ đâu đeo bám lấy lão như đĩa đỏi, kết cục là tiên ông Lý Thiết Quài thường bị lột sạch tiền sau những màn sờ sẫm cụp lạt đầy kịch tính. Cái kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra khi thằng xe ôm đầu xóm mới đưa rước của lão từ chùa này sang chùa khác, từ tụ điểm nọ đến tụ điểm kia trong một lần đưa Lý Thiết Quài về nhà trọ, say rượu hẳn ta bức xúc nói hoạch toẹt ra hết. Thế là cả xóm biết chuyện lão Lý Thiết Quài bị bọn pê-đê trấn lột bởi cái tội hám gái của lão khiến mấy hôm liền lão xấu hổ không dám ra khỏi phòng, nhưng rồi lão học được cái chữ nợ pa tất tần tật, mình sống cho mình chứ sống cho ai, cóc cần thiên hạ nói gì thì nói.

Vừa mới nhắc Lý Thiết Quài thì đúng y rằng linh thiêng quá cỡ thợ mộc. Lý Thiết Quài ở đâu lù đù đi tới, lão ghé quán Tư Bông mua gói thuốc rồi dợm đi, tới giờ lão đi kiếm tiền rồi mà. Tư Bông nói dói theo:

- Nè ông Lý Thiết Quài, phải biết để dành tiền nghe, kéo bệnh không có tiền mua thuốc đó.

Lão sượng lại một chút, bụng bảo dạ con mẹ này xí xọn quá, ưa xía vào chuyện của người khác làm gì không biết, lão rảo bước nhanh ra ngõ còn nói vọng lại:

- Cô lo cho lão Tư nhà cô đấy, già mà còn chơi trống bỏi đó nghe.

Tư Bông nghe Lý Thiết Quài nói con tim bỗng nhiên co thắt lại, lòng cảm thấy buồn hiu buồn hắt. Sống với nhau mấy chục năm, cô lại không ngờ mình rơi vào tình cảnh thê thảm do ông chồng mắc dịch mang lại. Chuyện là thế này: Phòng trọ chỗ hai anh em thằng Chon, Chát thuê lúc trước là nơi vợ chồng Tư Bông cho đào Hồng ở. Đào Hồng là cô đào lỗ thời mạt vận - thời buổi này, mấy cô đào chánh, kếp chánh kiếm sống còn vất vả nữa là cô đào phụ trong gánh hát đã qua thời hoàng kim của nó, cô dạt vào mấy quán nhậu hát mấy câu vọng cổ, các tụ điểm đàn ca tài tử để kiếm sống qua ngày. Lão Tư trở thành bác tài chở đào Hồng từ tụ điểm này sang tụ điểm khác. Đi riel rồi dính với nhau lúc nào không ai biết, khi chuyện lỡ dở ra đào Hồng trốn mất biệt, còn lão Tư sau đó cũng biến theo sau khi cuỗm của cô Tư Bông hơn chục triệu bạc. Nổi đau như cào xé ruột gan Tư Bông, tiền mất cô không tiếc, chỉ giận thằng chồng bội bạc, nhưng cô cố dằn lại

không muốn cư dân trong xóm ngụ cư biết, “xấu chàng hổ thiếp” ích lợi gì, vậy mà tên Lý Thiết Quài này lại khơi đúng mạch đau trong tâm hồn cô xem có đáng giận không, chiều lão về đây sẽ biết tay cô – thứ đồ mắc dịch mắc ôn.

Sát bên phòng ông Lý Thiết Quài là phòng của vợ chồng thằng ca sĩ kẹo kéo Duy Khánh. Cặp đôi hoàn hảo này dạt dìa từ nơi cùng trời cuối đất của đất nước mình, tận Cà Mau Năm Căn gì đó (nói là vợ chồng cho có vẻ danh chánh ngôn thuận với bà con trong cái xóm chòm mà tí tẹo này đó thôi, chứ thật ra bọn chúng có cưới xin gì đâu, thương nhau thì dắt nhau đi vậy thôi, đòi mà, có gì đâu để bàn cãi). Tư Bông cũng chỉ nghe phong phanh từ con vợ của thằng ca sĩ Duy Khánh nói thế mỗi lần qua quán cô mua gói thuốc cho thằng chồng hoặc dăm ba món linh tinh lang tang như: tương cà mắm muối, bột ngọt, trái chanh, trái ớt cho những buổi cơm chiều đơn sơ rồi vội vội vàng vàng để chuẩn bị cho buổi tối đi bán kẹo kéo, la cà từ đầu hôm đến khuya lơ khuya lác ở mấy quán nhậu, tan xòng rồi mới về.

Nói thật, con vợ thằng Duy Khánh tổ cha cũng là đứa la cà nhiều chuyện, ba hoa chích chòe. Nó khoe thằng chồng nó trước kia là kếp chính của đoàn cải lương Bông Tràm, Bông Bụt gì đó ở tận

Cà Mau U Minh, giọng ca mùi vô cùng làm bao cô thôn nữ chết mê chết mệt, nhưng chỉ có nó là lọt vô mắt xanh của thằng Duy Khánh mà thôi (ghê quá không biết có thiệt hay không, nó nói sao biết vậy thôi mà). Hỏi tại sao đang làm kép chính ngon lành lại bỏ đi bán kẹo mần chi cho cực khổ, con nhỏ trả lời tinh khô: tại ảnh ham làm Lục Vân Tiên đó. Ủa, chuyện này ngộ à nghe, thích làm Lục Vân Tiên có mắc mớ gì đến chuyện bỏ gánh hát tha phương cầu thực vậy cà, nói nghe cái coi. Chuyện thế này cô Tư ơi: Ảnh thấy thằng cha giám đốc đoàn hát ăn chặn lương tiền của anh em nghệ sĩ, thay mặt anh em trong đoàn, ảnh tố thằng chả với Sở Văn hóa Thông tin, ai dè bị thằng chả phản pháo, tức khí nên ảnh xin nghỉ việc ở nhà đi bán kẹo kéo, tự do không ai nói nặng nói nhẹ, tiếng bắc tiếng chì, không ai ăn chặn ăn bớt đồng tiền cực khổ mà mình kiếm được, vậy mới là lãng tử anh hùng chứ phải không cô Tư (Bà mẹ mà nói hay như một câu trong tuồng cải lương í). Xuất giá tòng phu, xuất gia tòng phụ, ảnh đi đâu con theo đó mà cô. Tư Bông hỏi tại sao gọi thằng chồng mà tên Duy Khánh, bộ nghệ danh của nó khi còn đi hát à, con vợ nhún vai cười cười. Má không biết đó thôi, đó là do khán giả mộ điệu đặt tên cho ảnh đó, giọng

ca của anh không thua gì Duy Khánh thứ thiệt đó nha, nhất là khi anh ca mấy bản ruột của Duy Khánh “Ai ra xứ Huế”, “Xin anh giữ trọn tình quê” là nghe hết sẩy đó má ơi. (Ồi chà! Tụi bây là Duy Khánh hay Duy Khôi gì đi nữa mà tiền bạc không sòng phẳng là tao tống ra đường hết tội. Liệu hồn đó)

Hằng đêm, điểm đầu tiên mà vợ chồng thằng Duy Khánh thường đóng đô dài lâu là hẻm vịt nấu cháo 77 hai cây cuốc. Nghĩ cũng thật lạ, không biết từ lúc nào khởi đầu cái hẻm này mọc lên chỉ có một quán vịt nấu cháo ở gần cuối hẻm lèo tèo vài ba cái bàn, thực khách toàn là dân lao động, thợ hồ khuôn vác gì đó, lâu ngày có thêm đám sinh viên nghèo ở khu nhà trọ gần đó góp phần, chỉ đông vào những ngày cuối tuần, cánh thợ hồ được chủ đãi (hay bản thân tự thưởng cho mình một chiều nhậu xả xú bắp sau một tuần làm việc mệt mỏi), nhờ bán rẻ lại nhiệt tình chiêu chuộng khách, chẳng mấy chốc ăn nên làm ra. Mấy nhà trong hẻm bắt chước nhảy ra làm ăn xí phần, nhất là cái quán La Cà đầu hẻm, nhờ mặt bằng rộng, lợi thế ở đầu con hẻm lại biết sử dụng chiêu trò ma giáo cho người luôn đón lõng mời khách nên mấy cái quán đầu tiên sâu trong hẻm dần dần ế khách, dẹp tiệm. Tự sinh thì tự diệt, cuộc đời là

thế, không thể trách ai được. Sống ở đời, cạnh tranh sinh tồn cá lớn nuốt cá bé, chuyện thường tình có gì đâu phải bàn cãi, đúng không?

Điểm tập kết thứ hai của chiếc xe kéo của vợ chồng thằng Duy Khánh là mấy cái quán nhậu bình dân trên con đường mới mở rộng thênh thang nối dài từ đường Mậu Thân qua vòng xoay đồng hồ bốn mặt lên thẳng cái sân bay mới mở, có thể nói đây là con đường đẹp nhất của cái thành phố này đó nghe. Người ta nói sân bay mới khánh thành sẽ là sân bay quốc tế qui mô rất hoành tráng, hằng năm đón không biết bao nhiêu lượt khách quốc tế đến tham quan vùng đồng bằng sông Cửu Long. Rồi cả miền Tây này sẽ cất cánh bay lên như rồng vậy, thu nhập đầu người lên đến hàng ngàn, thậm chí hàng chục ngàn đô la mỗi năm lận chứ bộ. Cất cánh đâu chưa thấy chứ từ hồi có sân bay quốc tế này, chỉ thấy lèo tèo mấy chuyến bay nội địa đi TP Hồ Chí Minh, Hà Nội hay ngược lại họa hoằn gần tết có mấy chuyến bay từ Đài Loan, Đại Hàn gì đó, đưa mấy cô dâu lấy chồng xứ lạ về thăm nhà.

Nói có trời làm chứng nghe, chỉ thấy con đường mới mở chạy lên sân bay là có thay da đổi thịt thiệt, nhanh chóng cấp kỳ không cần cầu chứng. Từ những vườn cây ăn trái, ruộng đồng xanh tốt

trở mình thành những biệt thự khang trang của các đại gia mới nổi mà đồng tiền họ làm ra trong sạch hay không có trời mà biết, rồi văn phòng đại diện của công ty này nọ tận đâu đâu ở Sài Gòn. Đà Nẵng, Hà Nội cũng không chừng, mấy công ty này không biết có “Sống Vang” hay không thì hạ hồi phân giải mới biết. Xôm tụ nhất là những tiệm mát xa mát xít của các cô gái đẹp như múi mít, ở ngoài tuy không có dán chữ nhưng ai cũng biết trong ví không có cọc tiền dày cộp thì đừng vào, không khéo phải ký sổ nợ thì quê độ lắm đó và những quán nhậu từ cao cấp đến bình dân mọc dài hàng mấy cây số lộn (chưa có dấu hiệu gì chấm dứt à nghe), nào là gà đá hầm xả, trâu luộc mẻ, cày bảy món (nói bảy món là quen cái miệng chứ thực mấy tay bọm nhậu muốn chế biến ra bao nhiêu món mà không được), ốc nhé, buổi tối đèn xanh đèn đỏ nhấp nháy lia lia, tiếng cụng ly bôm bốp trông phát thèm, người không biết uống rượu chắc cũng muốn vào quán nhậu một lần cho biết.

Điểm cuối cùng của chiếc xe kéo kéo đáp là điểm nhậu ở khu trung tâm hội chợ thương mại. Nơi đây mấy năm trước có xây dựng một khu công viên nước rất qui mô của một nhà đầu tư nào đó, chắc họ thấy khu công viên nước ở Sài

Gòn ăn nên làm ra sao đó nên quyết định đầu tư vào thành phố này chắc với ý định hốt bạc. Ngày khánh thành, mấy ông lãnh đạo, nhà đầu tư tổ chức thật hoành tráng, mấy đoàn lân sư rồng được mời tới biểu diễn thật rôm rả, người ta ra vô tham quan mua vé tấp nập ào ào. Lão Tư cũng chở cô đi xem người ta khánh thành cái công viên nước to đùng lần đầu tiên có mặt ở thành phố miền Tây sông nước, thấy người ta ra vào nhộn nhịp, lão Tư cũng đâm ra háo hức, phán một câu xanh rờn:

- Chà! Kỳ này chắc họ hốt bạc đây.

Tư Bông ngồi ở phía sau néo vào lưng lão một cái đầu đinh:

- Hứ! hốt bạc chắc thì có. Con nít miền Tây đưa nào đưa nấy đều biết bơi từ trong bụng mẹ, mặc sức bơi lội dưới sông thỏa thích, không tốn một đồng xu cắc bạc nào, vô đây bơi làm gì vừa tốn tiền vừa mất vệ sinh, hoài của.

Lão Tư không tin lắm nhưng cũng ừ ào cho qua chuyện, chứ trong lòng lão lại nghĩ khác, bộ người ta ngu sao mà bỏ ra hàng trăm tỉ đồng để nó biến thành nơi bò ỉa à, nhưng bao lần vợ lão đoán trúng phốc nhiều việc, vả lại đưa ra lập trường chính kiến khác với bà làm gì chỉ tổ điếc lỗ tai mà thôi. Ấy vậy mà lời vợ lão lại đúng y

chang không sai một chút nào. Không chờ đợi lâu đâu, chỉ sau hơn một năm hoạt động, khu công viên nước đồ sộ hoành tráng thế kia đã trở thành nơi bò ỉa thật, nó hoang tàn đến mức thảm nã, cả khu công viên nước cỏ bắt đầu mọc um tùm, chắc chờ ngày kê mấy cửa hàng phế liệu đến bán sắt vụn mà thôi. Giò đây để vớt vát, người ta tận dụng mặt bằng còn lại của nó để cho thuê làm sân vui chơi giải trí cho trẻ em với cái tên nghe khá ngộ nghĩnh, tức cười “Heo Con”, mặt bằng còn lại là quán cà phê và mấy quán nhậu nổi tiếng bò báy món, bê thui và nhất là mấy món lẩu dê hấp dẫn, nhưng phải tám chín giờ tối thì mới xôm tụ hẳn lên, vì thế điểm cuối cùng của chiếc xe kẹo kéo là điểm nhậu này.

Thằng Duy Khánh tìm chỗ dựng xe ở một nơi thích hợp, lấy ngón tay búng bốc vào chiếc mic đang cầm tay, thử âm thanh xem thế nào rồi cất tiếng hát nghêu ngao để gây ấn tượng cho mấy tay nhậu đang hỉ hả anh một ly, tời một ly, nào ta cùng vô, còn con vợ đem mấy que kẹo kéo được bọc sẵn trong những bao giấy xanh đỏ cho em nhỏ nó mừng xinh xắn đi mời thực khách đang say sưa ăn nhậu. Trời! chiếc kẹo kéo bóc vỏ ra, lớp kẹo mỏng dòn bên trong lơ thơ mấy hạt đậu phộng, vốn giá chừng một ngàn đồng

mà nó dám bán tới năm ngàn đồng lận chó, mắc thấy mục nội mà cũng có người mua, nhiều khi mấy tay bợm nhậu còn boia thêm kha khá với yêu cầu ra kêu thằng kẹo kéo hát bài mà họ thích, nhất là khách quen kêu nó hát bài của Duy Khánh nghe, dĩ nhiên là thằng chồng không từ chối, nhiệt tình hát cho khách thưởng lãm. Mỗi tối như thế vợ chồng hẳn kiếm cũng kha khá, đủ tiền trang trải cuộc sống, còn lại để dành được chút ít, vợ chồng hẳn bắt đầu mơ đến chuyện làm giàu.

Vừa mới đóng cửa nhắm mắt, nằm chưa nóng lưng là nghe tiếng nhạc xập xình từ xa vọng lại một lúc một rõ dần từ chiếc xe kẹo kéo của thằng Duy Khánh, làm inh ỏi cả xóm và tiếng cười giòn nức nẻ của cặp đôi này làm cho cô thêm bực mình, ban ngày đã mệt mỏi với lũ con nít chạy giỡn lung tung, chửi lộn nhau chí chóa làm điếc cả con ráy (lũ trẻ này có đứa nào được cha mẹ cho đi học đàng hoàng như con người ta đâu, nghèo muốn chết mà đòi đi học, đừng có mơ), phải canh chừng sợ chúng ăn cắp vặt, rồi buồn bán cơm nước lu bu oải muốn chết, tới khuya vừa ngả lưng chợp mắt mới tí xíu lại nghe tiếng nhạc âm ỉ của vợ chồng thằng Duy Khánh, thật bực mình muốn chết. Khi chiếc xe kẹo kéo vừa

trò tới, cô bật đèn trong nhà sáng choang nói vọng ra, tiếng rõ mồm mọt:

- Mồ tổ cha hai đứa bay, đã nói bao nhiêu lần rồi vẫn vậy, tối ồm tối ồm, khuya lơ khuya lấc không để cho lối xóm người ta ngủ, mai còn đi kiếm miếng cơm, sáng bùng con mắt tụi bây còn ồm xà nẹo ngủ chết mê chết mọt. Hai đứa mày lại muốn làm dậy sóc bom bo cả lên hả? Muốn tao cho mỗi đứa một cây không hả đồ chết tiệt.

Hai đứa không những không giận mà cười ré lên trông có vẻ vui thích, con vợ nói trong niềm phấn khích:

- Má Tư chưa ngủ hả má Tư? Hôm nay tụi con trúng mánh lớn, phải mừng chứ má.

Tư Bông mắng:

- Mẹ cha tụi bay, trúng mánh thì vợ chồng bay hưởng chứ có chia cho cái xóm này đồng xu cắc bạc đâu mà ồm ồm lên thế, bộ tụi bay muốn cả xóm thức dậy đập cho một trận mới chịu tắt đài à?

Thằng Duy Khánh vừa vặn nhỏ cái vô-lum của cái máy như biết mình làm chuyện không phải, trong bụng chửi thầm con vợ ngu vừa vừa thôi, để dành cho người khác ngu một chút được không, vừa phân bua với cô Tư:

- Xin lỗi má Tư, tại hôm nay có chuyện vui quá. Được người ta “boa” hậu hĩ. Lần đầu tiên đó

mà Tư. Tụi con có mua vịt quay về ăn mừng, vịt quay chính cống Bắc Kinh đó nghe má, có thêm mấy lon bia nữa. Mà chưa ngủ qua lai rai với tụi con một chút cho vui nghe má.

Lòng Tư Bông có vẻ dịu lại, cảm thấy mát ruột mát gan, dù sao thằng này cũng biết kẻ trên người dưới, không giống như con vợ nó cứ bô lô bô la cái miệng, dễ làm cho người khác mích lòng. Giọng cô mềm lại:

- Thôi về nhà ngủ đi, có nhậu nhẹt gì đó cũng nho nhỏ thôi để cho người ta ngủ, tối thui rồi tao cũng không có giờ giấc đâu mà lai rai với tụi bay, không khéo sáng mai tao cũng bị nghe chửi lây đó. Nhớ để dành mấy miếng xương cho con Còi của lão Cụt đó nghe.

Vợ chồng thằng Duy Khánh dạ một tiếng nhỏ xíu rồi đẩy chiếc xe kẹo về phòng trọ, về mặt ỉu xìu. Bị la cho một trận, mất vui, nhậu không còn thấy hứng nữa.

La vợ chồng thằng Duy Khánh một trận, Tư Bông tắt đèn lên giường đi ngủ. Nằm chưa ấm lưng đã nghe tiếng thè tre đánh lốc cốc của anh em thằng bán mì gõ, trọ kế căn của lão Lý Thiết Quài. Xe mì gõ về đến xóm chắc hơn hai giờ sáng rồi, đó là xe mì của hai anh em thằng Chơn, Chắt quê đâu tận Quảng Ngãi gì đó vào đây bán mì gõ

đã năm, sáu năm nay. Hồi tụi nó mới vào, thằng lớn vừa đúng mười bảy, thằng nhỏ mới mười ba tuổi, cái tuổi ăn chưa no lo chưa tới, đã bị quăng ra ngoài đời để mưu sinh rồi. Nói nào ngay hai anh em thằng này cũng hiền hậu, dễ mến chịu thương chịu khó không phải như tụi đá cá lặn đưa, nếu không Tư Bông đã tổng khứ bọn chúng đi từ lâu lắm rồi, Có hôm thân tình cô hỏi:

- Làm chi mà bây bỏ nhà bỏ cửa ngoài đó vào tận đây bán mì gõ lặn?

Thằng anh nhìn cô Tư cười mếu:

- Ngoài đó nghèo rớt mồng toi, không miếng đất cắm dùi lấy gì sống cô.

- Vậy chứ cha mẹ bay làm gì, còn không?

- Ba con chết mất tiêu từ mấy đời dương rồi. Nghèo quá ổng đi mót sắt vụn, phế liệu để bán. Một hôm cưa nhầm trái bom, bùm một cái đầu một nơi, tay chân một nơi, mẹ con khóc quá trời.

Giọng Tư Bông hơi bực mình:

- Tao nghe bay nói như ai chết chứ không phải cha bay không bằng, sao vậy?

Thằng Chắt nói leo:

- Tụi con khóc muốn chết chứ bộ, nhưng sinh nghề tử nghiệp nói sao được cô. Bởi vậy tụi con mới thay cha chạy vô đây bán mì gõ để lo cho mẹ và mấy đứa em nè.

- Thế à? Phải vậy chớ.

Biết gia cảnh của hai anh em thằng mì gõ, Tư Bông cảm thấy tội tội làm sao ấy, nên những lúc thấy buồn bán ế ẩm, thiếu tiền mua miếng thịt hòn than, Tư Bông sẵn lòng cho hai anh em nó mượn để qua cơn ngặt nghèo túng hụt. Mà ông trời cao thật không có mắt chút nào, mới dành dụm kha khá tiền định cuối năm tranh thủ về quê ăn tết một lần thì đùng một cái, không biết trên trang mạng hoặc báo lá cải nào đó ở Sài Gòn tung lên cái tin giật gân: Nước lèo của mấy cái xe mì gõ muốn cho ngon ngọt đậm đà đã sử dụng thịt... chuột để hầm thay vì xương heo. Eo ơi, cái tin động trời này giống như quả bom nguyên tử mà Mỹ trút xuống hai hòn đảo của Nhật trong thế chiến thứ hai không bằng. Người ta quay lưng với mấy cái xe mì gõ, chạy ngang qua nhìn mấy cái xe mì với cặp mắt hình viên đạn, ngán ngại cũng không biết chừng, ông xe ôm, anh sinh viên, chị bán chè đậu đen, mấy mối ruột gọi tô mì mà cười cười nói nói nửa chơi nửa thật trông phát ghét: Nè! nước lèo có bỏ thịt chuột vô không đó mậy. Báo hại thằng anh phải vớt mấy cục xương heo to tổ chẳng lên cho khách xem để chứng minh mình không sử dụng đồ bị dịch đáng nguyên rủa ấy. Vậy mà thu nhập cũng giảm gần gấp đôi hết mấy

tháng, tiêu mẹ cái ước mơ về quê ăn tết, được đoàn tụ với mẹ và em của Chon và Chất. Nghĩ tới chuyện này mà thương hai thằng nhỏ quá trời, Tư Bông giận quá chửi đồng:

- Tổ cha mấy thằng ăn không ngồi rồi, báo lá cải phao tin đồn nhảm, bá vợ bá láp để tin tức được nhiều người xem, báo bán cho chạy mà không cần biết có hại người ta tán gia bại sản hay không. Đồ chết tiệt.

Xe mì về rồi là vãn tuồng, trả lại cái không khí hiu hắt của xóm trọ. Cái xóm trọ nhỏ bé này lại chìm vào im lặng, tĩnh mịch, hằng ngày xe mì là vị khách cuối cùng mà. Đêm nay tự nhiên Tư Bông trần trọc mãi vẫn không ngủ được. Mới sáng đây thôi, đoàn cán bộ địa chính của thành phố kết hợp với cán bộ quận, phường xuống xóm chòm mà đo đạc lại sau gần ba năm im im, lần này trông họ có vẻ quyết liệt, đo đạc cẩn thận, điều tra lại tình hình hộ tịch hộ khẩu, đất đai để lên phương án chốt cho việc đền bù, hỗ trợ, nghe đâu phương án cất trường tiểu học mấy năm nay án binh bất động vì không có tiền, bây giờ đã có tiền tài trợ của ngân hàng quốc tế gì đó, kinh phí đã rót xuống địa phương rồi thì tiến hành xây dựng thôi. Rồi đây cái xóm trọ sẽ biến mất, thay thế bằng một ngôi trường tiểu

học kang trang cho mấy đứa nhỏ có nơi học hành đàng hoàng tử tế, mà là trường đạt chuẩn quốc gia nữa chứ. Ngôi trường cũ xuống cấp từ lâu, có từ năm thìn bão lụt nào trước ngày giải phóng, tiêu tủng lúc nào không biết, âu là mình cũng góp một chút công sức cho xã hội, không có của cải thì bằng tấm lòng cũng được mà.

Rời bỏ nơi đã từng gắn bó lâu năm, có những người hàng xóm tuy hằng ngày có những xung đột này nọ nhưng một sớm một chiều cũng không tránh khỏi bụi ngùi, chua xót. Lão Cụt, lão Lý Thiết Quài, mụ Thung, vợ chồng Duy Khánh mà cả xóm đều gọi họ là cặp đôi hoàn hảo (chắc nhầm tên cái game show gì đó trên đài truyền hình), rồi con Đẹp, thằng Tốt, thằng Chơn, thằng Chất, cả con chó Còi nữa ẩn hiện chập chờn trong giấc ngủ héo hắt của cô. Nhưng đời mà, bèo dạt mây trôi, hợp rồi lại tan, quy luật của tạo hóa sao tránh khỏi được, buồn làm gì. Có điều giờ này không biết lão Tư ở đâu, sống chết thế nào. Sống với nhau mấy chục năm mà lão không biết tính cô sao? La ào ào vậy chứ cô còn thương lão lắm, tháng trước lão Tư có về, trông như con chó ốm, con Còi của lão Cụt sao thì lão y như vậy, ai biểu làm bậy chi giờ chịu cực khổ vậy nè. Nhìn lão Tư Bông thấy xót cả ruột, nhưng cô làm như

không thấy lão, như chưa từng có lão trong đời, cô cho lão biết thế nào là sự trừng phạt đối với kẻ phản bội, cô không cho lão vào nhà, ngủ một đêm ngoài sân để muỗi cắn lão một lần cho bõ ghét, còn nói ông mà lén phén tôi vác chổi chà đơm ông bây giờ, đi cho khuất mắt tôi, thấy cái bản mặt ông là thấy ghét liền rồi hà.

Nói là nói vậy chứ cô định bụng sáng mai thức dậy, thấy lão còn đó cô làm bộ la lão một chập nữa cho lão chừa cái thói già teo cả chim rồi mà còn chơi trống bỏi làm chi đến nỗi thân tàn ma dại cho bỏ ghét rồi mới kêu lão vào đánh răng rửa mặt, đi tắm rửa cho sạch sẽ, còn cô chuẩn bị bữa ăn sáng cho lão thật ngon, bánh mì trứng gà ốp la đó mà, món lão thích nhất. Vậy mà sáng ra lão bỏ đi đâu mất tiêu, mất biệt luôn cả năm nay, chắc lão nghĩ cô vẫn còn giận, tình nghĩa đôi ta đến đây là đoạn tuyệt chắc. Đêm đó nằm ngoài hiên lạnh lẽo, vắt tay lên trán ngẫm nghĩ, suốt đêm không thấy cô động tịnh, ừ hử gì cả, lão nghĩ chắc cô không tha thứ cho lão nữa rồi, tội lão nặng quá mà, dám lừa dối tình cảm của cô nên lão đã bỏ đi luôn chứ gì? Lão Tư ơi là lão Tư, sao lão khờ quá vậy, lão biết tính tôi quá mà, giận đó rồi quên đó biết không? Con người ta ai cũng có lỗi lầm, lão thử xem trên đời này có

ai hoàn thiện không chứ? Kỳ này lão mà không về thì đừng có trách tôi ăn ở bạc bẽo với lão đó nghen, tôi nói được là làm được đó, tôi nói là tôi giữ lời, liệu hồn lão đó.

Trong giấc ngủ chập chòn, Tư Bông dường như nghe có tiếng đập cửa, tiếng lão Tư gõ cửa dồn dập:

- Bà nó ơi! mở cửa cho tôi nhanh lên, mưa quá trời nè.

Tư Bông mừng hóm, chạy nhanh ra mở cửa cho lão, vậy mà lão còn cần nhân:

- Sao bà chậm như rùa vậy, lạnh thấy bà cố nội luôn đây.

Chắc chắn cô không những không giận mà cảm thấy hạnh phúc như chưa từng nghe lời cần nhân đáng yêu của lão Tư bao giờ.

Vậy ra đó chỉ là giấc mơ của cô thôi sao?

Lão Tư ơi lão Tư, không biết giờ này lão ở đâu kia chứ!

Tình yêu màu hoa anh đào

Nghi đáp tàu từ ngoại ô và xuống ga ở trạm Tokyo Metro Kudanshita lúc 8 giờ. Anh lướt nhìn đồng hồ rồi thầm nghĩ, chỉ 5 phút đi bộ đến công viên Chidori-ga-fuchi là mình sẽ gặp được lại Khúc Diễm, là anh đã cảm thấy niềm vui tràn ngập trong lòng. Hôm nay hai người hẹn nhau đến công viên nhân ngày nghỉ cuối tuần để cùng ngắm hoa anh đào đang vào thời kỳ nở rộ. Ở đất nước xứ sở mặt trời mọc, khi mùa xuân về, tiết trời trở nên ấm áp, cả Nhật Bản tràn ngập sắc hồng và hương thơm dịu nhẹ của một loài hoa sakura mà ta thường gọi là hoa anh đào, người ta có cảm giác muốn được cùng ai đó chia sẻ cảm giác dịu dàng, thân thương trước vẻ đẹp của một loài hoa mảnh mai và thanh khiết. Mùa xuân ở Nhật Bản thường bắt đầu từ tháng 3 và kéo dài đến tận tháng 5. Đây cũng chính là thời điểm hoa anh đào khoe sắc rực rỡ nhất, mãn khai

nhất trong năm. Mỗi một bông hoa anh đào được ví như cuộc đời của một võ sĩ đạo samurai, khi cần có thể hy sinh trong tâm thế và nụ cười bình thản, vô ưu đi vào cõi chết nhẹ nhàng như một bông hoa anh đào thanh thản lia cành về với đất mẹ. Hoa này vừa tàn thì hoa khác lại bung nở, rụng xuống đất rồi vẫn còn tươi nguyên và vẫn còn thoang thoảng mùi hương trong gió, làm ai cũng phải xao lòng ngất ngây.

Cũng ở thời điểm này thường diễn ra lễ hội Hanami – lễ hội ngắm hoa truyền thống nổi tiếng nhất của Nhật Bản và được coi là một quốc lễ của họ. Nghi sống ở Tokyo đã hơn 4 năm, tức là anh đã trải qua 4 mùa lễ hội Hanami trên đất Nhật, hai năm đầu anh còn có cái cảm giác háo hức đi lang thang khắp nơi, hòa vào dòng người đi trải hội ngắm hoa anh đào nở khắp nơi, tìm cảm hứng cho nét cọ của mình được tung tẩy đầy ngẫu hứng về loài hoa độc đáo này. Có một cảnh tượng mà anh không bao giờ quên khi tàu điện chạy qua một khu vực trồng toàn hoa anh đào, cảnh một rừng hoa như di động chạy ngược về phía sau giống một khúc phim quay chậm, làm anh liên tưởng như mình đang lạc vào chốn thiên thai trong câu chuyện Lưu Nguyễn ngày xưa vậy. Những năm sau, cái háo hức ấy bớt dần đi vì anh

cảm nhận niềm vui tràn ngập ấy đơn độc quá, không biết chia sẻ cùng ai nên không còn thích thú khám phá lắm như năm đầu mới đến nữa. Nhưng mùa Hanami năm nay lại khác, hình như ông trời đã ưu ái đem đến cho anh một người có thể san sẻ niềm vui mà tưởng chừng không thể tìm ra được: Đó là Khúc Diễm.

Ở cái xứ Phù Tang này, người Việt sinh sống và làm việc không phải là quá ít ỏi đến độ ra đường không thể tìm gặp được một người đồng hương, nhưng để được làm bạn và có thể tâm sự trao đổi với nhau một điều gì đó trên xứ người thì phải nói khó lòng tìm được người bạn đồng hành với mình. Một phần ai cũng có công việc của mình, một phần sự yêu thích, cảm nhận tình cảm cũng khác nhau nên đành chịu vậy. Nghi gặp lại Khúc Diễm cũng là một sự tình cờ hay có thể là do sự run rủi của trời đất chăng? Buổi họp mặt diễn ra ở Đại sứ quán Việt Nam với các Việt kiều, sinh viên, nghiên cứu sinh đang sinh sống và làm việc, học tập trên đất Nhật Bản mừng cái tết cổ truyền của dân tộc. Khúc Diễm đã nhận ra anh ngay từ cái nhìn đầu tiên, nhưng còn anh lại lơ ngơ đến tội nghiệp trước một cô gái xinh đẹp gọi tên anh với vẻ mừng rỡ, một hồi lâu mới nhận ra được cô em gái của người bạn thân hồi còn đi

học ở Sài Gòn. Lúc anh nhận được học bổng sang Nhật nghiên cứu về hội họa đương đại của nước bạn thì Khúc Diễm đang học năm cuối của bậc phổ thông. Sau đó cô cũng tìm được học bổng nghiên cứu về văn học Nhật Bản và qua đây. Thế mà thoáng chốc đã 5 năm rồi còn gì. Khúc Diễm trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, hoạt bát, khác xa thời anh gặp cô ở quê nhà mỗi lần đến chơi nhà người bạn – Huy anh Khúc Diễm – cũng là người đam mê hội họa và có được một vài giải thưởng trong và ngoài nước khi còn ở quê nhà.

Khác với sở thích của Nghi, luôn tìm tòi khám phá những đường nét uyển chuyển, khói sương trong hội họa phương Đông, thì Huy lại thích những đường nét phóng khoáng, mạnh mẽ trù tượng trong từng mảng màu của hội họa phương Tây, nên Huy đã sang Mỹ để tiếp tục theo đuổi niềm đam mê của mình. Gặp lại nhau trên xứ người làm cả hai rất vui, vì họ có chung một người thân quen nên tình cảm cũng cởi mở gần bó hơn. Hôm ấy Khúc Diễm uống rượu vang hơi nhiều, có lẽ vì vui mừng nên má cô có vẻ hồng hơn, mắt long lanh hơn làm Nghi tự hỏi, sao hồi ấy mình không thấy cái đẹp duyên dáng tiềm ẩn ở Khúc Diễm nhỉ, suy nghĩ ngây thơ ngộ nghĩnh này làm anh bật cười đã làm Khúc Diễm hơi ngơ

ngác hỏi anh: - Anh Nghi cười gì thế, chắc anh thấy em xấu xí quá chẳng? Khiến anh phải vội vã
đính chính: - Khúc Diễm đẹp như thiên nga ấy mà, sao hồi đó anh không nhận ra nhỉ? Câu nói của Nghi đã làm Khúc Diễm cảm thấy xôn xao, nao nức trong lòng vì có người khen mình đẹp, làm sắc mặt của cô càng đỏ hồng hơn dưới chùm đèn vàng cam dịu dàng của tòa sảnh đường đại sứ quán.

Bước vào công viên Chidori-ga-fuchi một đoạn ngắn phía bên tay phải, Nghi đã thấy Khúc Diễm ngồi chờ sẵn trên một băng đá trống tự lúc nào. Hôm nay là ngày cuối tuần nên khách tham quan khá đông và không khí có vẻ ồn ào náo nhiệt, Khúc Diễm mặc chiếc đầm màu nâu cánh gián và chiếc khăn quàng cổ màu xanh ngọc thạch làm tôn nước da nền nã mịn màng của người thiếu nữ đang độ xuân thì, mái tóc được chải chuốt khéo léo, buông xõa xuống bờ vai một cách tự nhiên, trông Khúc Diễm thật xinh xắn tươi mát. Nghi bước tới ngồi cạnh nàng, nói một cách vui vẻ:

- Khúc Diễm chờ anh có lâu lắm không?

- Ồ! Em cũng mới vừa đến thôi mà. Ký túc xá nơi em ở cũng gần đây thôi, chỉ băng qua một con lộ là tới đây ngay. Anh Nghi đi metro có lâu lắm không?

- Em biết giao thông ở Nhật rất tuyệt vời mà, khoảng 20 phút là cùng. Mọi cái như lập trình sẵn, giống như người ta cố tình lập trình cho chúng ta gặp lại nhau trên cái đất nước mặt trời mọc này vậy mà.

Khúc Diễm nhìn Nghi cười khúc khích:

- Anh làm như ông trời ban cho chúng ta nhiều ân sủng mà không ai có vậy, làm cho em mừng hụt. Thôi chúng ta đi dạo, ngắm hoa anh nhé.

Nghi khẽ gật đầu. Cả hai cùng đi theo con đường đã có sẵn. Công viên Chidori-ga-fuchi rất rộng lớn nằm gần cung điện hoàng gia, một nơi mang nhiều nét cổ kính, nằm lọt thỏm trong một thành phố hiện đại, người ta ví nó như một ốc đảo giữa lòng Tokyo hào nhoáng. Ở đây bạn có thể vừa ngắm hoa anh đào, vừa có thể chèo thuyền suốt dọc dòng kênh để chiêm ngưỡng nhiều loại hoa anh đào tuyệt đẹp được đem về trồng tại đây. Nếu bạn đến vào ban đêm sẽ càng hấp dẫn lý thú hơn nữa. Bầu không khí sẽ thay đổi hoàn toàn khác. Từng cây hoa anh đào được thắp sáng, phản chiếu lên mặt nước lung linh một ánh sáng huyền ảo tạo nên một bầu không khí vô cùng lãng mạn. Đây cũng là địa điểm ngắm hoa nổi tiếng khắp nước Nhật, bởi nó vừa có hoa đẹp, vừa có mặt hồ lung linh lại được chèo thuyền

xuôi theo dòng kênh để ngắm hoa thì còn thú vị nào bằng, không phải công viên nào trên hòn đảo này cũng được thiên nhiên ưu đãi như thế.

Họ đi dạo một vòng quanh các con đường trong công viên. Hoa anh đào có nhiều màu sắc, đẹp đến nao lòng. Từ màu đỏ rực đến hồng thắm, trắng tinh khôi đến phớt xanh, vàng vương giả, người ta đã khéo léo chọn những giống anh đào đẹp khác nhau khắp nơi đem về đây tạo nên một quần thể hoa có một không hai. Cả hai vừa đi vừa nói chuyện với nhau rất vui, giống như một cặp tình nhân đang đi dạo một cách nhàn nhã khiến người ngoài nhìn vào có thể ghen tỵ. Nghi nói với Khúc Diễm:

- Khúc Diễm biết không, hoa anh đào được trồng khắp nơi trên đất nước Nhật Bản, từ công viên, bờ kênh, ven sông hay trong các sân vườn của người dân, nó là biểu tượng quốc hoa của người Nhật vì nó mang một vẻ đẹp thật tinh khiết. Nhất là về mùa xuân, mọi nơi tràn ngập sắc hồng của sakura. Có một điều rất đặc biệt, loài hoa này khi lìa cành sắc hoa vẫn còn tươi thắm bởi sự tàn lụi vào đúng lúc đỉnh cao rực rỡ của nó, lại chính là cái đẹp thanh cao nhất nên hình ảnh cánh hoa anh đào lìa cành được người Nhật liên tưởng đến cái chết nhẹ như lông hồng của các võ sĩ samurai,

vì vậy người Nhật có câu nói thật ví von nhưng không kém phần tôn kính: “Nếu là hoa xin làm hoa anh đào. Nếu là người xin làm võ sĩ đạo”.

Đang đi chợ Khúc Diễm thấy trước mắt mình một hàng cây anh đào mà hoa của nó màu hồng đậm, hình dáng giống như một cái chuông rất lạ mắt làm cô ngạc nhiên reo lên:

- Màu hoa anh đào đẹp quá anh Nghi ơi. Chẳng biết nó có tên gì anh nhỉ?

Nghi nhìn theo hướng tay chỉ của Khúc Diễm cười trả lời cô bạn nhỏ của mình:

- Đó là hoa anh đào Kanhi Zukura, mình gọi là Hàn Phi Anh. Giống hoa này xuất xứ từ Đài Loan và đảo Okinawa, nằm trong giống hoa nở sớm vào khoảng tháng 1 và 2.

- Đã vào tháng 4 rồi mà nó vẫn còn nở sao anh.

- Ủ! Đợt hoa này tàn thì tới đợt hoa khác bung nở thôi mà.

Rồi Nghi giải thích thêm:

- Ở Nhật có mấy trăm loài hoa anh đào khác nhau như Nhiễm Tĩnh Cát Dã Anh (Somei Yoshino Zakura) hoa có màu hồng nhạt hay trắng. Về ngoài của chúng đặc biệt đẹp nhờ vào lá cây không trồi ra cho tới mùa cao điểm hoa nở. Hoa có sắc hồng chuyển dần sang trắng, các biểu tượng hoa sakura đều bắt đầu từ loài này.

Còn có Sơn Anh (Yama Zakura) cũng màu hồng nhạt, hoa năm cánh nhưng nhỏ hơn, Chi Thùy Anh (Shidare Zakura), hoa màu hồng có những nhánh rũ xuống, rồi Hàn Anh (Kanzakura) là loại hoa anh đào nở sớm, Hà Tân Anh (Kawazu Zakura). Hàn Phi Anh hoa có màu đỏ đậm giống như cái chuông mà Khúc Diễm thấy đấy. Thời gian nở của hoa anh đào cũng rất khác nhau, như Hàn Phi Anh có thể nở từ tháng 1 làm cho du khách rất thích thú; có loài nở rất muộn như Nhất Diệp Anh (Ichiyou Zakura), nở vào cuối tháng tư một bông có khoảng 20 cánh; rồi Uất Kim (Ukon) hoa có màu vàng nhạt; Anh Đào Hoa Cúc (Kikuzakura), có khoảng 100 cánh trong một bông; đặc biệt là Anh Đào Mùa Thu (Jugatsuzakura), thời gian nở từ tháng mười đến tháng một và mùa xuân, là một trong những loài hoa nở vào mùa thu và mùa đông. Hoa nhỏ và ít nhưng tạo nên cái nhìn ngoạn nhiên trong sự kết hợp của màu sắc mùa thu hoặc tuyết trắng.

Khúc Diễm vỗ tay tán phục:

- Ô! Anh Nghi giỏi thật. Cái gì cũng biết. Em phải học hỏi ở anh nhiều mới được.

Nghi cười khì:

- Làm họa sĩ mà không nắm bắt sự thay đổi kỳ diệu của thiên nhiên xung quanh mình thì làm

sao thể hiện trong nét vẽ được phải không Khúc Diễm. Nói vậy chứ sống lâu lên lão làng thôi mà. Biết đâu mai một Khúc Diễm còn giỏi hơn anh gấp nhiều lần thì sao?

- Chuyện đó chắc còn lâu đó anh Nghi oi.

Cả hai cùng cười vang. Có vẻ đi lòng vòng ngắm hoa một lúc thắm mệt, họ tìm một thảm cỏ đối diện với con kênh để nghỉ chân, nơi đây vừa có thể ngắm hoa vừa có thể thấy những chiếc thuyền chèo hai người chèo qua lại trên dòng kênh, lòng cảm thấy muôn phần thú vị. Bỗng một cơn gió lớn thổi ngang, hoa anh đào từ các cây được một phen tung ngược lên trời tạo thành một vũ điệu hoa đẹp không thể tả. Nghi đột nhiên nhắm mắt lại để xem cảm giác của mình như thế nào trước sự dịch chuyển của những cánh hoa bay trong gió, trước khi nhẹ nhàng chạm xuống đất. Khúc Diễm tò mò nhìn anh một cách thích thú rồi hỏi:

- Sao anh Nghi nhắm mắt lại kia chứ? Nhắm mắt có thấy gì đâu nà?

Nghi nhìn cô gái cười ra vẻ bí mật:

- Anh đang thử cảm giác của chàng hiệp sĩ mù Zatoichi nghe gió kiếm ấy mà.

Khúc Diễm ngơ ngác:

- Hiệp sĩ mù ở đâu ra thế?

Nghi bật cười:

- Hiệp sĩ mù nghe gió kiếm trong bộ phim trường thiên của Nhật Bản nổi đình nổi đám những năm đầu thập niên 1970, do tài tử Shintaro Katsu đóng đấ mà. Zatoichi tuy mù nhưng lại có đường kiếm tuyệt luân, với chiếc gậy dò dẫm trên khắp nẻo đường thiên lý để trừ gian diệt bạo. Chỉ cần một tiếng động khẽ là biết vị trí của đối phương ở đâu, ra chiêu như thế nào mà nhanh chóng hóa giải đánh bại được đối phương trong chớp mắt.

- Em thì chịu thôi. Có người tài giỏi như thế sao? Anh Nghi lúc nhắm mắt nghe được gì nào?

- Anh nghe được tiếng gió, tiếng hoa rơi và cả tiếng thì thầm của Trúc Diễm.

- Anh nói sạo ghê. Em có nói thì thầm gì đâu.

- Đó là tiếng thì thầm của hoa anh đào.

- Hoa anh đào cũng biết thì thầm sao anh?

Nghi nhìn vào đôi mắt của Khúc Diễm thật lâu rồi nói:

- Nhắc đến đường kiếm tuyệt luân của chàng hiệp sĩ mù Zatoichi làm anh nhớ đến đường kiếm của chàng samurai Vũ Đằng trong truyền thuyết hoa anh đào của Nhật Bản quá. Hoa anh đào tượng trưng cho mối tình bất diệt của đôi trai gái yêu nhau mà không sống được gần nhau đấy Trúc Diễm.

- Thật thế sao anh? Anh kể cho em nghe đi.

- Vào một thời rất xa xưa, nước Nhật sống dưới sự cát cứ của các sứ quân, có một lãnh chúa vô cùng tàn ác đã sai một samurai cũng là một người luyện kiếm tài giỏi, đúc cho mình một thanh kiếm có thể chém sắt như chém bùn để trấn áp được thiên hạ. Dưới áp lực của vị lãnh chúa, người samurai ấy buộc lòng phải đúc kiếm. Sau khi đúc xong thanh kiếm báu, ông lại không giao cho tên lãnh chúa vì ông biết khi ông giao xong, ông sẽ nhận lấy cái chết, vì thế nào tên lãnh chúa sẽ giết ông để ông không còn có thể đúc gươm báu cho một ai khác được nữa, nhất là đối với kẻ thù đối nghịch với ông ta, người samurai ấy trao thanh kiếm cho vợ bảo bồng con trốn đi, sau này hãy giao lại cho con khi nó lớn khôn để nó trả thù cho ông và dặn thêm rằng thanh gươm chỉ phát huy tác dụng của nó khi được tẩm máu của một người nữ đồng trinh tình nguyện chết.

- Sao lại tàn độc thế. Sao phải có sự hy sinh của người nữ đồng trinh thanh kiếm mới có tác dụng thế anh?

- Hình như đó là thuật luyện kiếm của người xưa đó thôi. Giống như bên Trung Quốc có truyền thuyết về luyện kiếm Can Tương và Mạc Tà thời Chiến quốc ấy mà.

- Rồi câu chuyện diễn ra thế nào anh Nghi?

- Người vợ sau đó trốn đi, mười bốn năm sau, bà trao lại thanh kiếm cho đứa trẻ và kể lại lời trăng trối của người cha. Đứa trẻ bấy giờ với cái tên Vũ Đăng run rẩy cầm thanh kiếm thốt lên trong tâm trạng nghẹn ngào: - Ta phải trả được mối thù cho cha và sẽ trở thành một kiếm sĩ nổi tiếng nhất trên đất nước này. Thế là Vũ Đăng tìm đến một vị võ sư nổi tiếng xin làm đệ tử. Vị samurai ngắm nhìn chàng trai từ đầu tới chân, thấy cốt cách thật phi thường nhưng ẩn sau nó là một luồng sát khí vô cùng mạnh mẽ, khiến người ngồi trầm ngâm suy nghĩ hàng giờ liền. Cuối cùng ông thở dài lẩm bẩm một mình “oan nghiệt” và chấp nhận Vũ Đăng làm đệ tử. Thời gian qua đi, chàng kiếm sĩ đã 18 tuổi, một lứa tuổi đẹp nhất đời người võ sĩ đạo và tay kiếm của chàng khiến cho những samurai kiêu hùng nhất cũng phải e dè, cũng là lúc người thầy dạy già yếu qua đời, bên cạnh chàng chỉ còn lại người thân duy nhất là nàng Phương Tử - con của vị võ sư, cũng là thầy dạy của chàng.

Từ đó mỗi ngày khi nắng bắt đầu lui dần về phía sau đỉnh núi Phú Sĩ, đêm đen tràn về xóm núi, Phương Tử lại thấy Vũ Đăng ngồi buồn bã, trầm tư bên bếp lửa. Vũ Đăng biết thanh kiếm

chỉ trở nên dững mãi phi thường, biến hóa thần kỳ khi nó được tẩm máu của một người nữ đồng trinh chịu hy sinh một cách tự nguyện. Nhưng ai sẽ tình nguyện làm chuyện đó, không một ai có thể hy sinh cái chết của mình cho một câu chuyện tưởng chừng hoang đường như thế.

Phương Tử buồn bã hỏi Vũ Đăng:

- Anh thân yêu! Có phải thanh kiếm đó đối với chàng là tất cả chẳng? Nếu nó không được tẩm máu người nữ đồng trinh để trở thành một thanh kiếm báu thì mãi mãi chàng buồn đau vì không trả được thù nhà ư?

Nhìn bếp lửa, chàng trai vuốt ve thanh kiếm và nói chậm rãi nhưng thật quả quyết:

- Chỉ buồn đau thôi ư? Không đâu! Mãi mãi đó là sự tuyệt vọng sẽ làm ta chết mất. Đối với ta, thanh kiếm là sự nghiệp, là con đường đi tới vinh quang của ta, làm sao ta có thể trở thành một samurai chân chính khi thanh kiếm báu không phát huy tác dụng của nó chứ?

Cô gái mỉm cười đau đớn. Cô chỉ hỏi để khẳng định lòng quyết tâm của mình mà thôi. Cô dịu dàng nói với Vũ Đăng:

- Anh thân yêu! Hãy cho em được cầm lấy thanh kiếm của chàng một chút để ngắm xem nó đẹp dường nào mà chàng say mê đến vậy.

Cầm thanh kiếm đen bóng, sắc lạnh trong tay, Phương Tử nhìn Vũ Đằng bằng một ánh mắt buồn vùi vợi, tội nghiệp cho chàng, tội nghiệp cho ta quá, tình yêu ta dành cho chàng đành đem xuống tuyền đài mà thôi. Phương Tử đột ngột dùng thanh kiếm đâm thẳng vào tim. Một dòng máu nóng trào ra đầm ướt tấm thân mảnh dẻ, nhuộm đỏ chiếc áo kimono trắng nõn, trinh bạch mà nàng đã chuẩn bị từ trước để chấp nhận sự hy sinh của mình cho người mình yêu dấu.

Vũ Đằng hốt hoảng thét lên một tiếng kinh hoàng, vội lao mình tới, vươn tay rút phăng thanh kiếm khỏi ngực cô gái nhưng không kịp nữa rồi, cô gái đã lả mình và lịm thiếp đi trước sự bàng hoàng sững sốt hối hận của chàng trai. Dưới ánh lửa bập bùng, thanh kiếm bỗng đột ngột ngời lên sắc xanh rực rỡ, hào quang lóe lên lộng lẫy lạ thường: nó đã được uống những dòng tinh huyết của người thiếu nữ trinh bạch và giờ đây nó trở thành một thanh kiếm vô địch.

Chàng trai từ đó trở thành một samurai lừng danh thiên hạ, chàng bắt tên lãnh chúa phải đền tội, tiếng tăm của chàng làm kẻ thù khắp nơi phải run sợ, chàng là hiện thân của cái thiện của chính nghĩa mà những kẻ gian tà chỉ mới nghe nhắc đến tên chàng là hải hùng tháo chạy, nhưng

ngược lại bên cạnh chàng không còn một người thân nào, chàng hoàn toàn cô độc.

Cho đến một hôm, một buổi chiều mùa đông lạnh lẽo buồn bã, khi những bông tuyết đầu mùa bắt đầu rơi. Chàng trai bây giờ đã trở thành một người đàn ông trung niên mệt mỏi trở về quê cũ, ôm thanh kiếm báu quì xuống bên cạnh mộ cô gái. Chàng thì thầm trong tiếng gió: “Hãy tha lỗi cho anh. Anh đã hiểu ra rồi...”.

Rồi chàng bình thản, lặng lẽ cắm thẳng mũi kiếm vào bụng, rạch một đường thật sâu và rút gươm ra nằm gục bên mộ nàng Phương Tử. Thanh bảo kiếm cắm sâu vào lòng đất lạnh. Ngoài trời tuyết vẫn không ngừng rơi, rơi mãi.

Những bông tuyết đã ôm trọn chàng trai và ngôi mộ vào vòng tay của mình. Từ đó mọc lên một cây hoa lạ, vươn lên tràn đầy sức sống, mỗi độ xuân về, cây hoa ấy bung nở những chùm hoa hồng thắm, rực rỡ dưới ánh mặt trời. Không ai biết loài hoa ấy hóa thân từ thanh kiếm nhuốm máu của hai kẻ yêu nhau nhưng không đến được nhau. Loài hoa ấy được người dân xứ phù tang đặt một cái tên thật thân thương: Sakura tức Hoa anh đào.

Khúc Diễm nhìn lên bầu trời, khắp nơi nền nã một màu hoa hồng thắm tinh khôi, nàng cảm

thấy hình như trong từng cánh hoa run rẩy trong gió như đang thì thầm nói với nàng, hãy yêu nhau đi, thời gian đi qua sẽ không bao giờ quay lại. Khúc Diễm nhìn Nghi nói khẽ:

- Câu chuyện cảm động anh Nghi nhỉ?

Nghi khẽ khàng nắm bàn tay của Khúc Diễm đặt trong hai tay của mình, nói một cách chậm rãi:

- Ủ! Rất cảm động. Anh mong mình cũng yêu nhau như chàng trai và cô gái trong truyền thuyết hoa anh đào, được không Khúc Diễm?

Khúc Diễm để yên bàn tay của cô trong đôi tay ấm áp của Nghi. Cô ngả đầu vào vai anh và nói:

- Nhưng em không thích cái kết thúc buồn thảm của loài hoa ấy đâu.

- Anh cũng thế. Tình mình sẽ đẹp như mùa hoa anh đào vậy.

Lại một cơn gió mạnh lại thổi lên. Vũ điệu hoa mới lại bắt đầu. Lần này trong mắt hai người yêu nhau, nó rực rỡ và tuyệt vời biết bao nhiêu.

Sông Ba mùa lũ

Ông Tụ bước thấp bước cao vào nhà, kéo ghế ngồi xuống cái rột, mặt đỏ gay hầm hầm. Cục tức còn nghẹn trong cổ họng không nhả ra được làm cho ông cảm thấy bực bội khó chịu. Đây không biết là lần thứ mấy lão Thạnh làm mình tức muốn ói máu, chắc lão nghĩ lão hay hơn mình chắc, cái gì cũng làm ra vẻ ta đây không ai bằng. Chắc lão tưởng có thằng con là kỹ sư nông nghiệp phụ trách khuyến nông của cái huyện này rồi lên mặt dạy đời mình chó. Cái mặt thấy ưa không nổi. Ông cầm bình trà rót vào ly đánh ực một cái hết veo. Con giận theo đó mà hạ hỏa một chút, ông nhìn ra ngoài, chợt nghe tiếng xe máy xình xịch ngoài cửa, thấy Trang mới đi dạy về dựng xe ngoài sân bước vào nhà, con tức tự nhiên phùng phùng lên, ông nhìn Trang sảng giọng:

- Trang nè. Ba cấm mày từ nay không được qua lại gì với thằng Sơn con thằng cha Thạnh nữa nghe không?

Trang ngạc nhiên nhìn ba:

- Ủa! chuyện gì vậy ba? Bộ anh Sơn nói gì làm ba giận hả?

- Nó không có nói gì. Nhưng tao không thích mày giao du với nó vì nó là con lão Thạnh, thế thôi. Tao không ưa cái bản mặt thẳng chả.

Trang lắc đầu:

- Ba ngộ thiệt nghe. Chuyện của ba và bác Thạnh giận nhau có liên quan gì tới tụi con đâu. Ba và bác Thạnh lúc thì giận lúc làm hòa, làm tụi con chạy theo cũng mệt đứt hơi luôn đó.

Nói xong, Trang cầm giỏ đi vào nhà trong. Từ nãy giờ bà Tự ngồi gần đó đang lúi húi lựa những củ hoa lay ơn trong mấy cái hộc để ở góc nhà, bà chọn những củ chắc mình tròn lẳn để qua một bên, chuẩn bị cho đợt trồng sắp tới bán trong dịp tết. Đây là giống hoa lay ơn đỏ mập bà đào lên từ giồng hoa thu hoạch năm trước, mấy củ này chưa ra hoa nên để dành tới bây giờ. Hoa lay ơn còn được mệnh danh là thủ đô hoa sông Ba. Nó có tới 7, 8 màu từ đỏ mập, đỏ vuông, trắng, vàng, tím cẩm, son sắt (vàng cam)... Năm ngoái nhờ có Sơn tư vấn, bà trồng chỉ một loài lay ơn đỏ mập vì thị trường ưa chuộng màu này nên bán rất được giá, nên năm nay bà cũng xuống giồng loại hoa này thôi, cũng góp lời:

- Hồi nãy tao thấy ông xấp xa xấp xải xảm xảm đi từ ngoài vào, ngồi bịch xuống ghế, mặt quạu đeo là tao biết có chuyện rồi. Cũng là chuyện thời tiết qua lại với nhau thôi mà. Bạn bè lâu năm nghịch nhĩ một chút có gì đâu, nhin nhau một chút cho vui vẻ không được sao, để bụng làm gì cho nó mệt.

Ông Tụ nhìn mặt vợ nói như giải bày:

- Thì bà thử nghĩ coi, tôi có đụng chạm gì lão Thanh đâu, sao lão nói xóc mé tui hoài hà, ai mà chịu nổi chứ?

Bà Tụ hỏi dò xét:

- Chuyện gì? Ông nói cho tui với con Trang nghe thử coi. Ai phải ai quấy biết liền hề.

Trang tùm tùm nhìn mẹ cười. Cả nhà này ai còn lạ gì cái tật cố chấp của ông. Tính ông hiền lành ai cũng biết, tính hơi gàn bướng nên đôi khi nổi nóng có những lời to tướng, cãi lầy với bạn bè vì chuyện đâu đâu không đáng có, chứ thật ra tính lão cũng rất thật thà chất phác, ruột để ngoài da. Mới hôm qua hùng hùng hổ hổ với người này người kia, đòi cạch mặt không thèm nhìn mặt nữa mà ngày hôm sau lòng nguôi nguôi lại cà phê cà pháo, ly anh ly tôi như không có chuyện gì xảy ra.

Số là sáng nay, tại quán của thím Tư Hiền ở đầu thôn, mọi người ngồi uống cà phê. Quán

thím Tư nằm ở ngã ba của cái xóm bãi bồi này nên dân trong các vùng lân cận sáng sớm thường tụ về đây uống một tách cà phê, kiếm đĩa xôi mặn, ổ bánh mì thịt hay một tô hủ tiếu, cháo lòng nóng hổi thơm phức cho ấm bụng, nói chuyện mùa màng mây gió, nghe ngóng thời sự một chút rồi sau đó tản ra ai lo chuyện nấy đã thành thông lệ. Ông với ông Thạnh cũng là khách quen ở cái quán này. Chuyện xảy ra ở đâu không biết, chứ ngồi ở cái quán này chưa hết một cử cà phê đã nắm được tình hình, biết vanh vách mọi chuyện.

Ở đây ai mà không biết vùng bãi bồi của cái xã Hòa Bình nằm ở hạ lưu sông Ba này chuyên sống bằng nghề nuôi bò và làm rẫy trồng hoa. Con sông Ba bắt nguồn từ ngọn núi Ngọc Rô tuốt trên vùng đất đỏ bazan Tây Nguyên, chảy qua mấy tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai rồi xuôi về Phú Yên theo cửa Đà Diễn ra biển. Hàng nghìn năm nay đã chuyên chở biết bao phù sa màu mỡ tưới cho cánh đồng lúa Phú Yên, để nó trở thành vựa lúa lớn nhất miền Trung này. Phù sa của con sông còn tạo nên những bãi bồi màu mỡ cả một cánh đồng cỏ xanh mướt, rất thích hợp để chăn thả trâu bò, gia súc gia cầm. Mỗi gia đình ở đây nuôi từ vài con đến hàng chục con là chuyện bình thường. Dân các xã Hòa Thành, Bình Ngọc, Hòa

Bình đều sống nhờ bãi bồi sông Ba, nói một cách khác là bãi bồi đã nuôi sống họ. Ở hạ lưu sông Ba từ tháng giêng đến tháng 9, mùa này nước cạn, bãi bồi lộ ra rộng mênh mông, doi đất đầy ắp phù sa đỏ au mịn màng, cỏ lũ lượt mọc lên xanh mướt. Người dân đua nhau cất chòi trên bãi, những cái chòi lá lụp sụp tạm bợ, cất bằng những vật liệu dễ tìm, trong chòi chỉ để một vài vật dụng cần thiết để tiện cho việc ăn uống nghỉ ngơi, che mưa che nắng một chút vì tới mùa mưa lũ, những căn chòi như thế sẽ chìm trong biển nước mênh mông, không còn sử dụng được. Họ quay lưới nuôi vịt, trồng rau, bầu, bí, mướp cà, những loại cây ngắn ngày. Cái chòi thấp lè tè, dây mướp, dây bí đôi khi bò kín cả mái. Ngoài các loại cỏ mọc hoang như cỏ mật, cỏ chân vịt, gọng vó ở các triền doi, họ còn trồng thêm cỏ voi, dự trữ rom rạ, cám, thức ăn tinh để nuôi bò mau lớn. Nhìn mấy con bò cái mướt lông, mập mạp, mấy con bò đực bung đùi nổi u là thấy mình sắp có tiền vào túi.

Cũng như các tỉnh miền Trung khác, Phú Yên mỗi năm hứng lấy những trận lũ vào mùa mưa lớn từ tháng 10 đến tháng 12, lúc ấy cả một bãi bồi xanh mướt bỗng biến thành một biển nước mênh mông, người dân phải đưa bò lên các gò, cồn cao

để tránh lũ. Tuy có thiệt hại đôi chút nhưng cũng có thể phòng tránh được.

Chỉ từ ngày con sông Ba bị băm xẻ thành nhiều mảnh để làm thủy điện, thì vùng hạ lưu con sông, người dân là khốn đốn rất nhiều. Tệ hại nhất là thủy điện An Khê Kanak, ngăn dòng làm thủy điện, khi xây dựng xong lại không trả nước về cho dòng sông mẹ mà chuyển dòng đổ vào sông Côn của Bình Định, khiến khu vực hạ lưu thành một dòng sông chết, ô nhiễm nặng nề.

Rồi kể tiếp một loạt các thủy điện khác được xây dựng như: Krông H'Năng, Sông Hinh, Sông Ba Hạ nối tiếp nhau hình thành đã làm lượng phù sa đổ về hạ lưu ngày một ít đi, ảnh hưởng rất lớn đến việc trồng trọt, chăn nuôi của người dân. Điều đáng nói hơn là trong mùa mưa lũ, các nhà máy thủy điện ở đầu nguồn lại ồ ạt xả lũ, mạnh thủy điện nào nấy xả, liên tục gây ngập lụt, ảnh hưởng đến tài sản và tính mạng của người dân vùng hạ lưu không theo một quy luật nào cả. Họ phàn nàn, bức xúc, khiếu nại khắp nơi. Chính quyền chậm chạp, lúng túng trong cách giải quyết, bồi thường thiệt hại, nhiều lúc trả lời dân trót quót: Máy cái thủy điện trôi oi đất hồi đó xả lũ đúng quy trình. Dân bãi bồi cầu nhàu bức bối: Chơi như vậy thì chơi với ai? Thủy điện, thủy

lợi đâu không thấy chỉ thấy thủy tai không hà. Vì thế chủ đề chính trong mấy buổi “mạn đàm” gần đây của dân bãi bồi cũng không ngoài vấn đề thời sự kể trên. Mở đầu là lời của ông Thạnh, cái loa nông nghiệp của dân bãi bồi:

- Tôi nghe thằng con đi họp trên huyện về nói lại: Năm nay thời tiết thất thường, mưa lũ có thể xảy ra sớm hơn mọi năm nên người dân mình phải có phương án phòng tránh sớm. Mấy hôm trước đã có vài cơn mưa lớn rải rác khắp nơi, báo hiệu mùa mưa đã gần kề, mưa thì đi liền với lũ, bà con mình có trồng rau trái nên thu hoạch sớm, đưa gia súc trâu bò lên cồn cao, dự trữ thức ăn rom rạ cho nó tránh thiệt hại không đáng có.

Chú Tám Đòn là người lo xa nhất bãi lên tiếng:

- Hôm qua tôi đã đưa mấy con bò lên ở nhờ cồn thằng Chín Đòm rồi, không khéo nó mà bị nước cuốn trôi mất như đàn bò của cô Mạnh mấy năm trước là tự sát nghe, tiền đâu mà trả nợ cho ngân hàng.

Nhắc tới cô Mạnh ai cũng ngao ngán: Hai năm trước cô vay vốn nuôi hơn chục con bò, định áp tết sẽ bán để trả nợ ngân hàng, tiền còn lại lo việc ăn học cho tụi nhỏ. Thế mà mưa lũ ào ạt đổ xuống, bất ngờ trở tay không kịp, cả đàn bò chết không còn một con, đến nay vẫn trả chưa hết nợ

ngân hàng. Lại còn chuyện này nữa nghe, mới năm ngoái đây thôi chứ có xa xôi gì cho cam, đang mùa nước cạn, thủy điện đầu nguồn lại xả lũ đột ngột nên nước dồn về hạ lưu lênh láng, nửa đêm ông Hoàng ở xóm trên chạy xuống bãi vôi lùa bò chạy về xóm nhà trên đất cao, đến chỗ nước sâu, lòng sông lại rộng không tài nào bơi nổi, ông đành phải đu đuôi bò mới thoát được lên bờ, nếu không đã tiêu đời rồi còn đâu.

Lời qua tiếng lại, bàn tán xôn xao, chợt có ai đó hỏi ông Thạnh:

- Thế còn đàn bò của ông, ông đã di tản lên cồn chưa?

- Hôm nay nhất định tôi sẽ đưa chúng lên cồn hết, không chừa lại con nào dưới bãi. Chịu cực một chút, đi xa mỗi ngày cắt cỏ cho nó, chứ thả rông ngoài bãi trong mùa này là không yên tâm đâu mấy ông ơi.

Rồi ông quay sang ông Tự hỏi:

- Còn ông bạn già của tôi, mấy con bò của ông chừng nào mới tính đây.

Ông Tự trả lời phân đôi:

- Thong thả vài ba bữa đã, vôi gì mà gấp. Tôi thấy thời tiết chưa có gì đáng lo lắm mà.

-Ừ! Tôi nghe thằng con đi họp về nói vậy nên thông tin cho bà con biết để phòng. Tới chừng

mưa lớn, mấy thằng thủy điện lại vô tư xả lũ, trở tay không kịp, bấy giờ ai đó tuột quần mà chạy đó nghe.

Cả quán ngồi nghe chột cười cái rần. Ông TỰ tím mặt tưởng ông Thạnh xỏ xiên mình. Ông dẫn tiền trả cà phê dưới đáy ly, đứng dậy bỏ ra về một nước.

- Đó bà thấy chưa? Lão có nể mặt gì tui đâu. Tui không thèm nghe lời lão xem có gì không nào? Đừng ý có thằng con làm nông nghiệp trên huyện là chuyện trên trời dưới đất, thiên văn địa lý gì cũng rành hết.

Bà TỰ than thở:

- Tính ông cố chấp quá. Ông ấy nói là để nhắc chừng ông vậy thôi, nhưng tôi thấy ông ấy nói cũng có lý đó. Phòng xa vẫn hơn. Ngày mai ông đưa mấy con bò lên còn đi, vất vả chăm sóc một chút nhưng đỡ lo hơn. Nhà có mấy con bò mà nó chết thì biết lấy gì ăn tết?

Lão TỰ nổi quạu nạt ngang vợ:

- Bà biết gì mà nói. Thôi bà ở nhà lo cơm nước đi, tôi xuống bãi xem mấy con bò như thế nào rồi.

Nói xong ông TỰ lấy nón đội lên đầu, bước ra cửa. Bà TỰ nhìn theo buồn hiu.

*

Mấy hôm nay mưa cứ rả rích suốt làm ông Tụ càng thấy nóng ruột, đi tới đi lui trong nhà, nhìn ra ngoài ông trời hình như muốn trêu chọc ông nên mưa suốt, ông thở dài cái sượt. mấy hôm trước, vì giận ông Thạnh nên ông không thèm dắt bò lên cồn để tránh lũ xem coi trời đất có cái gì không, tới khi thấy có nhiều đám mưa liên tiếp nối nhau thì trong bụng đã thấy lo lo, định bụng sáng mai trời hửng nắng một chút sẽ đem bò lên cồn tránh lũ, nhưng suốt từ sáng tới giờ mưa vẫn không ngớt hạt, nghe đâu mấy cái thủy điện đã bắt đầu xả lũ rồi, thẳng ba lối xóm mới từ bãi bồi về nói nước bắt đầu dâng cao, mấy chỗ đất thấp nước đã bắt đầu ngập lênh lán, càng làm ông nóng ruột hơn. Tụ nãy giờ thấy cha mình đi tới đi lui mặt buồn xo, Trang cũng thấy bứt rứt trong lòng, vừa thương ông lại vừa bực mình về sự cố chấp của ông, Trang nhìn cha lo lắng:

- Để con chạy qua nhà bác Thạnh tìm anh Sơn nhờ anh ấy ra bãi bồi xem mấy con bò nhà mình thế nào rồi nghe ba. Coi có cách nào đưa bò lên cồn nhà bác Thạnh tránh lũ được không?

- Tao sợ cha con nó còn giận tao không chịu giúp.

Bà Tụ ngồi gằn đó đưa mắt nhìn ông cự nự:

- Lúc này là lúc nào mà ông còn sĩ diện.

Quay sang Trang, bà nói:

- Thôi đi mau đi con. Trời mưa quá coi chừng trơn trượt nguy hiểm lắm đó nghe.

Trang dạ một tiếng, đội áo mưa chạy ù đi tìm Sơn. Nhà Sơn cách đó không xa, cũng trên đường đi ra bãi bồi nên cũng thuận tiện. Trang đến cũng vừa lúc Sơn vừa về đến nhà, áo mưa vẫn còn nước rùng rùng, Trang hỏi:

- Anh Sơn vừa đi đâu về vậy?

Sơn ngó Trang ngạc nhiên:

- Anh vừa mới đem thức ăn lên dụ trữ cho bò ăn dần trong mấy ngày lũ lên, còn Trang đi đâu trong mưa gió thế này?

- Mấy ngày hôm nay vì bận quá nên ba chưa kịp đưa mấy con bò đi tránh lũ, mà trời mưa quá sợ bãi bồi ngập hết, lũ bò chạy không kịp thì nguy mất anh ạ.

Sơn hốt hoảng kêu lên:

- Thôi chết. Mấy hôm nay anh tưởng bác đã đánh bò lên cồn rồi chứ. Công việc ở huyện lu bù nên anh quên mất nhắc bác chuyện mấy con bò. Thôi Trang theo anh ra ngoài bãi, thuyền còn để ngoài đó, mình đi tìm mấy con bò đưa nó lên cồn luôn được không?

Trang mừng rỡ, vâng dạ vội theo Sơn ra bãi. Nước ngoài bãi lên rất nhanh từng phút một.

Mới mấy ngày thôi đứng trên đê còn nhìn thấy cả một vùng bãi bồi cỏ xanh ngút mắt, thế mà bây giờ chỉ thấy một màn nước mênh mông, chỉ còn mấy cái gò cao là nước chưa lém tới mà thôi. Sơn cho thuyền vòng quanh mấy cái gò để tìm kiếm. Trang phát hiện ra hai con bò của ba mình đang lóng ngóng trên một cái gò cao. Mừng quá Sơn cho thuyền tấp vào. Vì nước lớn, sóng dập dùi chặt vật lắm cả hai mới đưa cặp bò lên thuyền, có lúc thuyền chòng chành suýt lật, cả hai hú hồn vội nổ máy quay đầu thuyền chạy về phía cồn, mặc cho mưa to gió thốc càng lúc càng mạnh, cuối cùng cũng đưa cặp bò lên bờ an toàn. Ông Thạnh đang ở trên cồn để chăm sóc đàn bò nhà ông đã đưa lên đây từ mấy hôm trước, nói với Trang:

- Bác đã nói với ba con mấy hôm trước mà ba con không để ý. May mà có con và thằng Sơn đưa lên kịp, nếu không chắc ông ấy giận bác lắm.

Trang vừa vuốt mái tóc lòa xòa ướt mem của mình vừa trả lời:

- Ba con hơi cố chấp, xin bác đừng giận nghe.
- Bác đâu có giận, chỉ sợ ông ấy hiểu lầm thôi.

Nói xong ông Thạnh bảo Sơn đưa Trang về, trời mưa to coi chừng bị cảm thì khốn.

Trang về tới bãi thì trời đã tối mịt, mấy cái gò cao cũng không còn thấy bóng dáng đâu, bữa

nay không đưa bò đi tránh lũ kịp, có lẽ nó làm mồi cho hà bá mất rồi. Trang vào tới nhà chưa kịp trú áo mưa ra, ông Tụ hấp tấp hỏi không ra hơi:

- Sao rồi Trang. Mà có gặp thằng Sơn không? Mà đi lâu quá làm tao với mẹ mà lo gần chết. Chuyện thế nào rồi?

Bà Tụ rầy rà:

- Ông hỏi nhiều quá làm con nhỏ quỳnh quáng lên rồi kìa. Để từ từ nó nói chứ.

Trang trú áo mưa ra, nước chảy rờn rờn xuống đất, vượt vệt vạt tóc đang dính bệt trước mặt qua một bên:

- Không sao rồi ba ơi. Con và anh Sơn tìm được mấy con bò và đưa nó lên cồn nhà bác Thạnh an toàn rồi. Trễ chút xíu là nguy mất. Bác Thạnh tối nay ngủ lại trên cồn để lo cho mấy con bò đó ba.

Ông Tụ thở hắt, trú bỏ nỗi lo âu như đá tảng đè lên ngực ông từ sáng đến giờ:

- Thế mà tao tưởng...

Bà Tụ nhìn ông lườm lườm:

- Ông tưởng gì? Chắc ông tưởng người ta ai cũng như ông đấy chắc?

- Cái bà này...

Trang thấy sự việc có vẻ căng thẳng, cô kêu lên:

- Ba mẹ cứ rầy rà với nhau hoài con rầu quá trời quá đất. Thôi! Con đi thay đồ đây, lạnh run hết rồi đây này.

Ông Tự trở lại bàn ngồi nhìn ra ngoài cửa. Mưa vẫn chưa ngớt, ông lẩm bẫm có lẽ mưa cả đêm không chùng. Trong lòng ông bây giờ cảm thấy yên tâm, mấy con bò đã đưa lên cồn rồi, thế là ổn. Ông lại nghĩ tới ông Thạnh, nghĩ tới sự cố chấp của mình, cảm thấy mình có lỗi với ông bạn già mình quá, tại mình mà nhiều lúc hai gia đình trở nên căng thẳng, làm ảnh hưởng đến tình cảm của hai đứa nhỏ. Thăng Sơn cũng là thằng có chữ nghĩa, làm việc ở huyện nhưng lại rất tận tình với bà con bãi bồi, tình làng nghĩa xóm không mất lòng ai bao giờ. Có thằng rể như thế còn muốn gì nữa hè? Thôi! Qua tết thông thả tính chuyện hai đứa nhỏ cho rồi, bán hai con bò, cộng thêm tiền lời bán hoa lay ơn dịp tết nữa với ít tiền tiết kiệm cùng đủ lo cái đám cưới tươm tất có đủ họ hàng bà con lối xóm. Nhìn sang vợ ông định nói: Tui tính vậy được không bà? Nhưng kịp dừng lại được, không khéo bà lại la chưa chi đã tính chuyện không đâu.

Ông Tự tùm tùm cười một mình. Ngoài trời vẫn không ngớt mưa. Mùa mưa lũ sông Ba lại sắp bắt đầu rồi.

Trên đôi sương

Bước thông thả ra khỏi phòng tranh đặt ở trung tâm triển lãm Hòa Bình, Miên đến hành lang bên ngoài phòng triển lãm đốt một điếu thuốc gắn lên môi, rít một hơi dài rồi nhả ra mấy vòng khói trắng bay lên không. Anh tì tay lên lan can, dựa vào cột tường ngả người ra phía sau một chút và cảm thấy khoan khoái khi thưởng thức mùi thuốc lá thơm tỏa nhẹ nhàng trong không khí khô ráo trong lành của phố núi. Mùa đông ở cao nguyên năm nay không lạnh lắm, có lẽ cái không khí ồn ào, nhộn nhịp của thành phố càng ngày càng đông đúc làm cho anh có cảm giác không khí ấm áp lên hơn chẳng? Nhìn vào phòng tranh còn lác đác vài vị khách đến thưởng ngoạn tranh. Họ dừng lại ở bức tranh này một chút rồi bước sang bức tranh khác ngắm soi ngắm nghía. Một vài bạn trẻ tụ lại ở bức tranh trừu tượng của một họa sĩ trẻ, tranh luận với nhau một điều gì đó có vẻ thú vị lắm, cả nhóm bạn chột phá lên cười rồi

bước sang chiêm ngưỡng bức tranh khác. Miên chợt mỉm cười một mình, tuổi trẻ đáng yêu thật. Chắc họ đang tranh luận một đề tài nào đó mà bức tranh đã đem lại những hứng khởi bộc phát chẳng? Ở thành phố này, anh nhận thấy nhiều người trẻ vẫn còn giữ được cái không khí lãng mạn, yêu nghệ thuật dù đã mai một đi ít nhiều do sự phát triển nhiều mặt của xã hội và các thú vui khác về phim ảnh, ca hát hay các loại hình nghệ thuật khác, nhưng họ vẫn dành cho hội họa một cảm tình, sự trân trọng nào đó, điều này làm cho Miên thích thú, có cảm tình với thành phố đáng yêu này. Đây là lần thứ hai Miên tham gia triển lãm tranh theo lời mời của nhóm họa sĩ trẻ Đà Lạt “Những người bạn”, “Sắc màu tháng mười” của thành phố ngàn hoa, lần trước cách đây đã hai năm rồi còn gì. Mới đấy mà mau thật, anh tưởng như ngày hôm qua.

Trong đợt triển lãm này còn có ba người bạn họa sĩ trẻ của Đà Lạt cùng triển lãm chung: Trong ba người, anh thích nét cọ của anh bạn Đặng Hiền hơn cả. Tuy sống bằng nghề vẽ áp phích, tranh cổ động cho phòng văn hóa thông tin, Đặng Hiền lại rất say mê hội họa, các tác phẩm của anh tuyệt nhiên không có người, chỉ có cỏ cây hoa lá, rừng núi sông hồ, nhưng dưới nét cọ

của anh những đường nét, màu sắc của những vật thể vô tri đó trở nên có hồn, lung linh tươi đẹp và sống động vô cùng. Tranh phong cảnh của anh là màu hoa dã quỳ vàng mênh mông mờ ảo trong sương sớm, những góc núi mù sương lãnh đăng dưới bóng chiều, những ngôi nhà mái ngói đỏ au chập chùng mây khói, một xóm nhỏ miền sơn cước in bóng dưới hồ nước trong xanh, những vạt đồi xanh thẳm, rừng cây buổi hoàng hôn, màu sương tím bên hồ bên cạnh những con thuyền đang yên nghỉ... tất cả gọi lên cho người xem một sự suy ngẫm về cái đẹp tĩnh lặng của phố núi mù sương.

Hôm nay đã là ngày cuối của đợt triển lãm tranh rồi, tranh của Miên cũng đã bán được một số bức, anh thầm nghĩ cũng không đến nỗi uổng phí thời gian mà mình bỏ ra. Ngoài việc trở lại triển lãm tranh của thành phố này, anh còn được trao đổi kinh nghiệm sáng tác với các bạn họa sĩ khắp nơi tụ họp về đây. Tham gia triển lãm lần này, anh còn có một mục đích khác, mong tìm được cô gái mà anh tình cờ gặp trên đồi sương dạo nọ, nói một lời xin lỗi vì không giữ được lời hứa, nhưng biết có tìm được không. Đà Lạt tuy nhỏ nhưng muốn tìm người cần gặp là chuyện không thật dễ dàng chút nào.

Đưa mắt nhìn nhóm tranh của mình được treo ở một góc phòng, đứng vị trí này ngoài hành lang, Miên có thể bao quát được cả phòng tranh, nhất là góc trung bày tranh của anh, anh để ý đến người đàn ông đang đứng trước bức tranh “Trên Đồi Sương” của mình. Ông ta đứng nhìn thật lâu như đang suy nghĩ điều gì đó. Miên nhớ không lầm thì hình như người đàn ông đến thăm phòng tranh lần này là lần thứ ba rồi thì phải. Những lần trước anh không thật chú ý lắm, một phần vì cuộc triển lãm mấy ngày đầu còn đông khách, phần trao đổi thông tin với các bạn đồng nghiệp, các bạn họa sĩ trẻ, tiếp các khách thân hữu, người hỏi mua tranh nên anh không để ý lắm, nhưng biết người đàn ông này dừng lại khá lâu ở các bức tranh của anh, nhất là ở bức “Trên Đồi Sương”. Bức tranh vẽ một cô gái có mái tóc dài óng ả, thả trôi theo bờ vai nhỏ được gió thổi tung về phía sau, trên một nền đồi đầy màu vàng hoa dã quỳ chạy dài tít tắp tận phía chân trời trong một ánh sáng chiếu ngược từ phía sau, làm nổi bật lên từng sợi tóc trong sương sớm. Đôi mắt mở to có vẻ ngạc nhiên như vừa khám phá ra điều gì mới mẻ, làm gương mặt vừa lộ vẻ thơ ngây nhưng đầy thánh thiện.

Miên dụi tắt điếu thuốc, thong thả bước tới gần người đàn ông, nhã nhặn hỏi:

- Thưa ông, hình như ông rất thích bức tranh này thì phải.

Người đàn ông quay lại nhìn chàng như dò hỏi. Miên thấy gương mặt ông ta khá phúc hậu, nét mặt hơi khắc khổ, tóc đã có nhiều đốm bạc, ăn mặc gọn gàng thanh lịch, nhìn bề ngoài chắc có lẽ không dưới sáu mươi. Tự nhiên anh có cảm tình và hơi lúng túng mất tự nhiên trước người đàn ông đứng tuổi không quen biết:

- Thưa ông, cháu là người vẽ bức tranh này.

- Thế à. Tôi vô cùng vui sướng khi gặp được chủ nhân của bức tranh. Tôi tên Phúc, anh gọi tôi là ông Phúc được chứ? Điều làm tôi ngạc nhiên vì sao bức tranh không để giá bán trong khi các bức tranh khác đều có giá.

Miên không trả lời thẳng vào câu hỏi, anh nói hình như có ý thăm dò:

- Hình như ông có ý định mua bức tranh?

Ông Phúc nhìn anh gật đầu:

- Anh đoán đúng. Không phải là có ý định mà thực sự tôi muốn mua bức tranh này. Tôi đến đây là lần thứ ba, rồi cũng chỉ để ngắm bức tranh này mà thôi.

- Ông có thể nói rõ nguyên nhân được không?

- Tôi muốn tặng cho cháu gái tôi nhân ngày sinh nhật của nó.

- Nhưng bức tranh này không bán được thưa ông.

Người đàn ông có vẻ thất vọng, giọng nói có vẻ hơi buồn:

- Anh có thể nói cho tôi biết vì sao anh không thể bán?

- Bức tranh tôi vẽ là để tặng một cô gái, nhưng cô ấy không có mặt ở đây nên tôi chưa thể tặng được, có vậy thôi thưa ông.

- Nhưng bức tranh này tôi rất thích, tôi nghĩ cháu gái tôi cũng thích nó.

- Nó cũng như bao bức tranh vẽ thiếu nữ khác, chẳng hạn như bức tranh phía bên kia – vừa nói Miên vừa đưa tay chỉ về bức tranh đang treo về bên tay phải mấy bước – theo cháu nghĩ nó cũng đẹp như bức tranh ông đang cần.

-Ồ không. Tôi vẫn thích bức này hơn.

Miên tỏ vẻ bất lực:

- Nếu thế cháu chẳng giúp được gì cho ông hơn.

Đột nhiên Miên hỏi:

- Sao ông không mời cô cháu gái đến phòng triển lãm xem tranh cùng ông để xem ý kiến của cô ấy thế nào?

Ông Phúc lắc đầu tỏ vẻ không vui:

- Cám ơn anh đã nhắc tôi điều đó. Nhưng cháu tôi không thể đến đây được.

Miên im lặng tỏ vẻ không hiểu câu trả lời của ông. Như hiểu được thắc mắc trong đầu của chàng họa sĩ, ông già nói:

- Nó đang bị bệnh anh ạ.

- Thế thì đành chịu thua ông.

Ông già im lặng giây lát rồi đột nhiên mở lời:

- Tôi có thể trả giá bức tranh cao hơn theo ý anh muốn, anh nghĩ thế nào về đề nghị này?

Miên nhìn người đàn ông tóc bạc đang đứng trước mặt mình, nhẹ nhàng lắc đầu từ chối:

- Thưa ông, vấn đề ở đây không phải là tiền bạc mà là một lời hứa, như cháu đã nói cùng ông, đây là món quà cháu dành tặng cho người con gái trong tranh hai năm trước khi cháu tình cờ quen và vẽ bức tranh cho cô ấy.

- Hai năm trước?

- Phải! Hai năm trước cháu tình cờ gặp cô gái khi cháu đang tìm phong cảnh vẽ trên đồi mọc đầy dã quỳ trong một ngày đầy sương sớm. Cô gái ấy tình cờ có mặt ở đấy, cháu nhìn thấy ở cô gái một sự hồn nhiên, ánh mắt trong sáng như một thiên thần, một người mẫu tuyệt hảo của tuổi thanh xuân, nên cháu đã đề nghị cô ấy làm mẫu cho cháu vẽ và cháu đồng ý với yêu cầu sẽ tặng lại cô ấy sau khi vẽ xong.

Ông Phúc có vẻ ngạc nhiên:

- Bức tranh đã vẽ xong rồi sao nó vẫn ở đây?

- Cháu không gặp lại cô gái sau khi hoàn thành tác phẩm.

- Có chuyện gì đã xảy ra vậy?

Miên lắc đầu:

- Cháu không biết thưa ông. Hôm vẽ gần xong bức tranh thì trời lại đổ mưa. Cháu hẹn cô gái sáng hôm sau đến địa điểm cũ sẽ tặng tranh nhưng không thấy cô gái đến.

- Anh không tìm cô ấy à?

- Cháu quên hỏi nhà cô ấy.

- Thế thì tiếc thật. À! Mà anh có thể cho tôi biết tên cô gái ấy được không?

- Cháu chỉ biết cô gái tên Hạnh Dung và chỉ biết có vậy.

Ông già có vẻ thất vọng, giọng hơi nhỏ lại như nói với chính mình:

- Thế thì không phải rồi.

Miên tỏ vẻ không hiểu:

- Ông nói gì ạ.

Ông già vội vã lắc đầu;

- Ố! Không có chuyện gì đâu anh.

Rồi ông già hỏi Miên:

- Chắc anh vẫn còn ý định tặng cô gái ấy khi gặp lại.

- Đúng thế. Cháu phải giữ lời hứa của mình.

- Tiếc quá. Tôi nghĩ nếu cháu gái tôi nhìn thấy bức tranh chắc sẽ thích lắm, không chừng sẽ có kỳ tích cũng nên.

Miên lấy làm lạ trước câu nói của ông già nên cũng hơi tò mò, anh hỏi:

- Cháu hơi tò mò trước câu nói của ông, ông có thể nói rõ hơn một chút được không?

Ông Phúc nhìn Miên, giọng trầm buồn:

- Không biết tôi có lầm lẫn không nhưng bức tranh anh vẽ nhiều nét thấy giống cháu gái tôi quá. Cũng gương mặt này, mái tóc dài hơi ngả vàng, cái đầm màu ngọc thạch điểm xuyên những bông hoa tường vy đỏ, tất cả đều giống như thật nhưng lại không phải là nó. Cô gái trong tranh tên Hạnh Dung còn cháu gái tôi tên Nguyệt Cầm, có lẽ chỉ là sự giống nhau trùng hợp thôi. Nhưng dù sao tôi vẫn thích bức tranh này, không chừng khi nhìn nó, cháu gái tôi có thể nhớ được điều gì đó trước khi gặp tai nạn hay không?

Miên an ủi ông già:

- Chắc người giống người thôi ông ạ, cách ăn mặc cũng là cái gu chung của các cô gái trẻ mà, nhưng chuyện gì đã xảy ra với cháu gái ông thế?

Giọng ông Phúc có vẻ đau khổ:

- Chuyện buồn tôi cũng không muốn nhắc lại, nhưng để anh hiểu vì sao tôi muốn mua bức tranh này vì nó có nhiều nét giống cháu gái tôi. Nó tên Nguyệt Cầm, ba mẹ và mấy anh em nó đều định cư ở Pháp cả, tôi không có ý định sống ở nước ngoài, thành phố này là nơi tôi sinh ra, lớn lên và làm việc cả cuộc đời, tôi yêu quý nó biết bao, hơn nữa bà nhà tôi cũng nằm lại nơi này, tôi không muốn bỏ đi, sợ bà ấy cô đơn lạnh lẽo một mình, ba mẹ Nguyệt Cầm thấy vậy nên không nài ép tôi đi nữa và sợ tôi tuổi già không ai chăm sóc nên để Nguyệt Cầm ở lại với tôi, được cái con bé rất yêu quý tôi nên tôi cũng được an ủi phần nào. Cách đây hai năm, một buổi sáng, nó xin phép tôi ra ngoài gặp người bạn. Trên đường đi không may nó gặp tai nạn, một anh bạn trẻ chạy xe mô tô quá nhanh va phải nó. Nó té xuống đường rồi bất tỉnh. Khi đưa vào bệnh viện, các bác sĩ chẩn đoán nó bị xuất huyết não. Cú va đập khá nặng nên mặc dù gia đình tôi tích cực điều trị nhưng trí nhớ của nó không được như xưa, lúc nhớ lúc quên. Đôi lúc tỉnh táo nó thường lẩm bẩm mấy tiếng bức tranh, họa sĩ gì đó. Tôi không biết nó đang nói đến bức tranh, ông họa sĩ nào, nhưng chắc với nó mấy từ đó có ý nghĩa quan

trọng lắm, nên tôi thường đến các gallery và các buổi triển lãm tranh để tìm xem có mối liên hệ nào đó có thể làm phục hồi trí nhớ của con bé hay không, nhưng vẫn không thấy được mối liên hệ nào, cho đến hôm nay thấy bức tranh này, tôi chợt nghĩ nếu nó nhìn thấy chắc vui lắm đây, còn việc phục hồi trí nhớ thì tôi không hy vọng lắm. Làm được điều gì cho đứa cháu tội nghiệp của tôi vui là tôi mừng rồi.

Miên thật sự xúc động trước tâm trạng của ông Phúc, hoàn cảnh của ông đáng thương thật, nếu giúp được gì cho ông chắc anh sẵn lòng giúp ngay, còn chuyện bức tranh làm anh khó nghĩ quá. Hai năm nay anh đã cố công tìm Hạnh Dung, nhờ bạn bè trong giới họa sĩ ở Đà Lạt, xem ai có đến tìm anh và hỏi họ về bức tranh, nhờ họ báo về cho anh nhưng không hề có tin tức phản hồi, cô gái trong tranh biệt vô âm tín, giống như sương như khói, cô gái ấy nhất định không phải là cháu gái của ông già rồi. Cô gái tên Hạnh Dung còn cháu gái ông già tên Nguyệt Cầm làm sao là một người được. Nếu trao bức tranh cho ông già, nếu sau này gặp lại Hạnh Dung, anh biết ăn nói với cô thế nào đây. Hai năm là một khoảng thời gian khá dài để tìm và chờ đợi nhau, nhưng bóng chim tăm cá biệt

biết làm thế nào. Đành vậy. Miên đột ngột đi đến quyết định:

- Thừa ông, nếu ông cho phép, cháu xin được đến thăm cháu gái của ông, cô Nguyệt Cẩm, cháu xin tặng bức tranh Trên Đồi Sương cho cô ấy. Hy vọng nó đem lại niềm vui nào đó cho Nguyệt Cẩm trong những ngày còn bệnh.

-Ồ không! Tôi không thể nào nhận món quà quý báu của anh mà không trả tiền đâu, hơn nữa nếu cô gái trong tranh xuất hiện thì anh tính thế nào?

Miên trả lời:

- Không sao, ông đừng lo nghĩ chuyện của cháu làm gì, cháu có cách giải quyết mà. Đã hai năm rồi, thời gian cũng vừa đủ cho sự chờ đợi. Được giúp ông, giúp cháu gái ông có niềm vui trong cuộc đời họa sĩ của mình.

Lộ vẻ vui mừng, ông già gật đầu:

- Thế thì còn gì bằng, anh ghi địa chỉ nhé.

Miên lấy sổ tay ghi lại địa chỉ và số điện thoại của ông Phúc. Ông già bắt tay anh lắc nhẹ mấy cái như thầm cảm ơn sự tốt bụng của anh trước khi ra về.

Người khách rời phòng triển lãm, Miên nhìn theo vừa cảm thấy tội nghiệp cho hoàn cảnh của ông già, vừa bâng khuâng trăm trở không biết

quyết định của mình đúng hay sai, vừa lúc anh chàng họa sĩ Đặng Hiền thân quen đi ngang qua, nhìn Miên vui vẻ nói:

- Chiều nay xong buổi triển lãm, nhóm có tổ chức liên hoan ăn mừng, ông đi nhé.

Miên cũng vui vẻ vỗ vai, xiết tay bạn:

- Tất nhiên rồi, phải ăn mừng chứ.

Đặng Hiền nheo nheo mắt nhìn bạn:

- Hình như ông đang có niềm vui?

- Ai nói vậy?

- Tôi trông sắc mặt là biết ngay thôi.

- Ông chỉ đoán mò.

Đoạn cả hai cùng cười một cách sáng khoái.

*

Đúng hẹn, sáng hôm sau Miên đón taxi đến địa chỉ đã được ghi trong giấy sau khi gói bức tranh Trên Đồi Sương lại cẩn thận đem theo để làm quà. Đêm qua anh đã đem bức tranh Trên Đồi Sương về để trên bàn và nhìn thật lâu, hai năm nó ở gần anh, hai năm hình ảnh Hạnh Dung vẫn sống trong lòng anh, có lẽ vừa đủ để giữ nó trong một ký ức nhỏ nhoi trong lòng, một kỷ niệm đáng yêu. Đã đến lúc phải chia tay với nhau rồi. Anh bọc gói cẩn thận bức tranh. Đây là bức tranh mà anh nguyện với lòng sẽ không bán cho ai dù họ trả giá cao đến đâu đi nữa, vì đó là lời

hứa với cô gái trẻ mà đến giờ anh vẫn chưa biết đang ở đâu, có lẽ bây giờ anh thất hứa với Hạnh Dung rồi – người bạn gái trẻ mà anh mới gặp lần đầu, ít ra sự thất hứa đó cũng mang lại niềm vui cho một người khác, hay lớn hơn là mang lại một kỳ tích nào đó như lời ông Phúc nói. Nghĩ đến đó tâm hồn anh bỗng trở nên thanh thản.

Chiếc taxi dừng lại trước cửa một ngôi biệt thự nhỏ xinh xắn ở đường Hai Bà Trưng. Ở cổng rào, màu đỏ của hoa tường vy được trồng hai bên tường làm nổi bật màu sơn trắng của cổng rào. Miên tần ngần trước cửa một hồi lâu rồi bấm chuông. Ông Phúc xuất hiện ở cửa nhà, nhanh nhẹn bước ra cổng đón anh như đã chờ đợi cú bấm chuông từ rất lâu rồi vậy. Anh khẽ chào người đàn ông và theo ông ta bước qua cái sân rộng vào phòng khách. Phòng khách trang trí cổ kính giản dị nhưng không kém phần sang trọng, chứng tỏ chủ nhân là người có khiếu thẩm mỹ. Ông Phúc nhìn anh khẽ nói:

- Chào cháu, cháu thật đúng hẹn. Hôm qua về tôi sợ cháu sẽ đổi ý. Như vậy thì tốt rồi.

Miên cười nhẹ:

- Thưa ông, cháu chưa hề thất hứa với ai bao giờ.

Ông già cười cười mở:

- Cám ơn cháu rất nhiều. Nguyệt Cầm đang ở trên lầu cháu ạ. Mời cháu đi theo tôi.

Miên đi theo ông già. Phòng của Nguyệt Cầm ngay trên tầng một. Phòng của cô còn có cửa mở ra lan can bên ngoài. Từ nơi đây cô có thể ngắm nhìn bao quát cả cái sân rộng bên dưới tròng đầy hoa và cảnh sinh hoạt ở phía ngoài đường phố, chắc ông già cũng cố tình bố trí như thế để Nguyệt Cầm không nghĩ rằng cô bị tách biệt với thế giới bên ngoài và có thể lúc nào đó cô sẽ nhớ được tất cả, nhưng hy vọng đó theo thời gian càng tỏ ra mỏng manh đối với người đàn ông tội nghiệp. Miên nhìn thấy cô gái đang đứng dựa vào vách tường nhìn xuống cái sân bên dưới. Máu nắng sớm chiếu vào làm ửng má tóc dài của cô gái, trông thật dễ thương. Miên không thấy được mặt nhưng nghĩ cô gái chắc đẹp lắm và cảm thấy tội nghiệp cho cô gái, tuổi đôi mươi trôi qua những ngày buồn bã lặng lẽ như thế. Anh quay lại nhìn ông Phúc hỏi ông già xem treo bức tranh chỗ nào cho phù hợp, ông chỉ cho anh chỗ cần treo rồi ông bước đến gần cô gái, ân cần nói:

- Nguyệt Cầm, cháu xem ông tặng cháu món quà gì nè.

Cô gái quay lưng lại nhìn ông nở nụ cười, theo ông bước vào phòng. Miên đang lúi húi chỉnh sửa lại bức tranh cho ngay ngắn, không để ý đến cô gái đang đến gần. Cô gái nhìn bức tranh hồi

lâu, chớp chớp mắt tỏ vẻ xúc động sững sờ. Ông Phúc lên tiếng trước:

- Anh họa sĩ, đây là Nguyệt Cầm cháu gái của tôi.

Miên nghe ông Phúc nói, anh quay mặt lại nhìn cô gái:

- Chào cô Nguyệt...

Anh chợt ngẩn người, sự ngạc nhiên làm cho anh không nói hết câu. Người con gái mà anh gặp trên đồi sương năm nào đang hiện hiện trước mắt anh, không lẽ nào Nguyệt Cầm lại là Hạnh Dung?

- Hạnh Dung, có phải em không?

Cô gái cũng ngẩn người giây lát rồi khe khẽ gật đầu.

- Em cũng là Nguyệt Cầm?

Lại gật đầu. Miên không giữ được bình tĩnh nắm tay cô gái:

- Hạnh Dung có biết anh tìm em hai năm nay rồi không? Em hãy nhìn lên bức tranh này, đây là bức tranh anh hứa tặng Hạnh Dung hai năm trước đó, em nhớ không?

Nguyệt Cầm chăm chú nhìn bức tranh, hình như bức tranh đã gọi cho cô những cảm xúc nào đó, mảng ký ức xa xăm hai năm về trước như một tia chớp chợt ủa về, cô khẽ nói:

- Đẹp và giống em lắm.

Ông Phúc đi từ ngục nhiên này đến ngục nhiên khác. Nhưng rồi ông chợt hiểu ra. Con bé Nguyệt Cầm của ông thật quá quắt lắm, tính tình nghịch lúc nào cũng ăn sâu vào đầu óc con bé. Hẳn con bé nghĩ ra cái tên Hạnh Dung bất chợt nào đó để đánh tráo cái tên cúng cơm của mình khi anh chàng họa sĩ hỏi tên làm quen, nên khi ông nói cháu gái ông là Nguyệt Cầm, anh chàng họa sĩ này không có một ấn tượng nào cả, suýt chút đánh mất cơ hội không dễ gì có được. Từ đầu sao mình không nghĩ đến điều ấy nhỉ, ngay từ nhỏ con bé đã nhiều lần làm cả nhà nháo nhào lên vì những trò chơi nghịch ngợm, chọc phá của nó rồi mà, giấu cái này, phá cái kia, không để ai trong nhà yên một giây phút nào. Âu là một dịp may, trời phật phù hộ độ trì. Hai bạn trẻ gặp nhau trong một hoàn cảnh bất ngờ, kỳ lạ cũng là duyên phận, ông nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng, bên tai ông còn nghe tiếng của chàng họa sĩ:

- Nguyệt Cầm có cho phép anh luôn ở gần bên em, chăm sóc em được không?

Gian phòng chỉ còn lại sự im lặng đáng yêu.

Ngoài sân hình như có tiếng hót của đôi chim nào đó đang gọi nhau.

Mùa chim đồng độc

Thao bắt xe đò về quê từ sáng sớm, lộ trình từ Sài Gòn về Cần Thơ ngọt ngào gần 180 cây số, nếu thời tiết thuận lợi và không có vấn đề gì làm ách tắc giao thông giữa đường thì trung bình khoảng ba tiếng đồng hồ là xe về đến bến. Nhưng Thao không xuống bến mà xuống trạm nhà xe bên này bờ Bình Minh, rồi bắt xe ôm về quê theo đường lộ cũ dọc theo sông Hậu về Phong Hòa, thuộc huyện Lấp Vò Đồng Tháp. Lần này có lẽ là lần lâu nhất Thao về thăm nhà sau những năm rời quê lên thành phố học và tìm được công ăn việc làm trên ấy, công việc cuốn theo công việc nên đôi khi Thao quên hẳn còn có một chốn quê hương để nhớ, để quay về. Má Thao, người đàn bà hiền hậu một đời chăm lo cho gia đình con cái sau khi chồng mất, biết tính thẳng con trai hơi hậu đậu hay quên nên thường nhắc khéo Thao những ngày giỗ kỵ trong gia đình bên nội cũng

như bên ngoài, nhất là ngày giỗ của ông già để liệu mà thu xếp chuyện cơ quan để về. Cũng may, Thao còn có đứa em gái làm cô giáo đã lập gia đình sống gần đó nên Thao cũng yên tâm phần nào. Từ ngày ba mất đi, má phải cáng đáng hết công chuyện ruộng rẫy, vườn tược buôn bán đắp đổi lo lắng cho anh em Thao ăn học đến nơi đến chốn, anh lại không giúp đỡ gì nhiều cho má nên Thao đôi lúc cũng áy náy trong lòng, đôi lần anh chặc lưỡi nghĩ thầm: Thôi cố gắng cày thêm một thời gian nữa, dành dụm có tiền mua được nhà rước má lên ở chung để tiện chăm sóc má lúc ốm đau bệnh tật, còn nhà cửa ruộng vườn giao lại cho vợ chồng đứa em gái quản lý trông coi. Thao từng nói ý định này với má nhưng bà đã gạt đi không bằng lòng: Sống ở nông thôn quen rồi, hơn nữa còn mồ mả ông bà ở đây bỏ thế nào được hở con? Lần này Thao về, ngoài việc nhắc lại với má ý định dạo trước mà còn muốn qua nhà Ngà đốt nén nhang cho chú Năm Thành, ba Ngà, người hàng xóm tốt bụng đã đỡ đàn má rất nhiều trong những lúc khốn khổ gieo neo từ khi ba anh mất đi. Ngày chú mất, Thao đang đi công tác xa ở Hà Nội, má điện báo tin nhưng anh không về được vì công việc còn đang lơ dờ. Mới đây chú Năm mất gần một tháng rồi còn gì.

Lan man nghĩ ngợi thì chiếc xe ôm đã dừng lại bên kia cầu Mường Khai, chú tài xế dừng lại nói:
- Đã đến nơi rồi đó anh.

Thao bước xuống xe, lấy tiền trả, không quên nói lời cảm ơn rồi xốc lại ba lô trên vai, đi dọc theo bờ kênh để về nhà.

Dòng kênh đỏ một màu phù sa đang chảy xuôi ra sông cái, nước đang ròng. Hôm qua chắc có một trận mưa qua đây nên cây cối hai bên đường có một màu xanh mơn, ánh nắng vàng tươi rực rỡ, bầu trời trong xanh thật đẹp, mặt đường xi măng còn loang loáng nước. Con đường này ngày xưa quá đỗi quen thuộc với anh, ngày ấy nó chỉ là con đường đất nhỏ, mỗi ngày Thao, Ngà và biết bao đứa học trò nhỏ khác trong xóm đi ngang đây để đến ngôi trường tiểu học nằm trên đường tỉnh lộ. Mùa nắng thì không sao chứ mùa mưa thì bùn đất nhão nha nhão nhẹt, đi té lên té xuống, nếu chẳng may đứa nào sơ ý chụp ếch thì có nước quay về bỏ học buổi ấy mà lại làm trò cười cho mấy đứa khác. Lớn lên một chút vào trung học trường càng xa hơn, mấy năm đầu Thao vẫn cuốc bộ đến trường, sau má dành dụm mua cho anh chiếc xe đạp, anh cho Ngà quá giang đến trường. Ba năm trung học phổ thông cũng qua vèo trong chớp mắt cho đến ngày anh đi xa.

Thao về đến nhà đã hơn 10 giờ, má mừng lắm. Mặc dù Thao đã điện về báo trước nhưng bà vẫn xúc động nắm tay anh, giọng run run:

- Thăng cha mày, bây giờ mới về. Từ sáng đến giờ tao trông mãi.

Thao cười cười nói đùa cho má vui:

- Má trông con hay trông con dẫn con dâu của má về vậy?

Thím Tư trở mắt long lanh nhìn Thao:

- Thiệt hôn? Con nói thiệt hôn để má mừng.

Thao vừa nói vừa đi ra chái bếp đến bên lu nước rửa mặt:

- Thiệt mà, nhưng để người ta chịu con mới đưa về ra mắt má chớ.

Thao đang xối nước rửa mặt, rửa chân rồi vốc nước lên tóc cho mát, bỗng nghe ngoài cổng có tiếng Trâm em gái mình vọng vào:

- Anh Thao về rồi hả má.

- Ủ! Nó vừa mới về, đang rửa mặt phía sau đó.

Thao lau mặt bước vào nhà, Trâm nhìn anh cười vui vẻ:

- Em có đem mấy trái sầu riêng qua cho anh nè, nhớ hồi ở nhà anh thích ăn sầu riêng lắm mà.

- Em còn nhớ anh thích sầu riêng lắm hả?

- Ồ! Sầu riêng sầu chung gì cũng là sầu thôi ông anh ơi.

Thao chùng hửng chưa biết Trâm muốn nói gì. Trâm thủng thảng nói:

- Em vừa đi ngang qua nhà chị Ngà, báo cho chị ấy biết hôm nay anh về. Chị nhắc anh rảnh qua nhà chị chơi đó.

Thao nhìn má ngẫm hỏi:

- Con qua nhà Ngà đốt một nén nhang cho chú Năm cho con Ngà nó vui. Ngày chú Năm mất, con không về nên được thì qua bên ấy vừa đốt nhang tưởng niệm chú Năm, vừa thăm con Ngà cho phải phép con ạ.

- Con cũng định qua thăm Ngà và đốt nhang cho chú Năm đó chứ má.

Rồi anh quay sang nói với Trâm:

- Em ở đây chơi với má, anh đi qua bên Ngà một lát rồi về nghe.

Thím Tư nói với theo khi Thao bước ra cổng:

- Nhớ về sớm ăn cơm nghe con, má chờ.

Thao không nói gì, bước ra ngoài. Nhà Ngà cách nhà Thao một đoạn đường khoảng cây số, phải qua một con rạch nhỏ, ngày trước có cây cầu dừa bắc ngang qua, bây giờ được thay bằng chiếc cầu xi măng đủ để hai chiếc xe máy qua lại. Thao vừa bước vào nhà, Ngà đang lui cui trong bếp nói vọng ra và bước ra ngoài:

- Ai vậy, Thao phải không?

- Ủ! Thao đây, sao Ngà biết hay vậy?

- Hồi nãy Trâm mới đi ngang qua nói cho Ngà biết mà.

- Thao đốt nhang cho chú Năm nhé. Xin lỗi Ngà, ngày chú Năm mất, Thao đi công tác xa không về được.

Ngà chớp chớp mắt có vẻ buồn:

- Ngà biết. Thím Tư có nói cho Ngà hay lúc đó Thao đang ở Hà Nội mà. Trước khi mất, ba cứ nhắc Thao mãi.

Thao đốt nhang cắm vào lư hương trên bàn thờ, nhìn bức ảnh của chú Năm, ánh mắt có vẻ trầm tư như muốn nói với Thao điều gì. Ngà dẫn Thao qua chái bếp, chỉ vào mấy tổ chim đồng dộc treo dài theo chái bếp mà chú Năm còn lưu giữ sau mỗi mùa chim đồng dộc đến xây tổ rồi bay đi, Ngà nói:

- Ba nhớ khi nào Thao về, chỉ cho Thao mấy tổ chim đồng dộc, nói Thao thích cái nào thì lấy về, đem lên thành phố treo cho vui để đỡ nhớ nhà, nhớ quê vậy mà.

Nghe Ngà nói Thao bỗng xúc động rần rần nước mắt, Thao hiểu chú Năm muốn gửi gắm điều gì qua câu nói đó. Thao nhớ hồi nhỏ mình là đứa trẻ nghịch ngợm quấy phá nhất, anh thường hay lén qua vườn nhà hàng xóm để hái trộm trái

chín để ăn, không việc nào của bọn trẻ trâu mà Thao không tham gia, nhất là vụ leo lên mấy cây cao để bắt chim non để nuôi hay trộm trứng về luộc ăn. Thao leo trèo như khi, thậm chí những cành nhỏ chơ vơ rìa ngoài mé sông giáp nước anh cũng không sợ. Thím Tư nhiều lần la mắng hoặc đòn roi trước những trò nghịch ngợm tai quái có một không hai mà anh vẫn không từ bỏ.

Có lần Thao đến nhà chú Năm, gọi một ít trái cây chín bói ở vườn nhà biểu chú, chú bảo Thao đi theo chú ra sau vườn. Sau vườn nhà chú là khoảng đất khá rộng chú trồng rau màu để bán và cải thiện bữa ăn, xung quanh là những hàng tre tàu cao ngút ngất, một hàng me keo lá nhỏ li ti, có cả một rặng trâm bầu đang mùa ra hoa. Hai chú cháu nhìn về phía trước, chú chỉ vào đám tre tàu:

- Cháu có thấy gì đó không?

Tôi hơi ngo ngác nhìn theo tay chú, lơ ngơ hỏi:

- Thấy gì hả chú?

- Mấy con chim đó.

- Cháu thấy, nhưng sao hả chú.

- Đó là chim đồng dộc. Mùa này chúng đang bay về làm tổ để sinh sản đấy cháu ạ.

Thao bấy giờ mới chú ý kỹ hơn. Đúng là có mấy con chim đang bay tới bay lui, có con bay về tha mấy cọng cỏ rồi khéo léo dùng mỏ để đan kết

với nhau, có cái tổ đã hình thành gần xong, có cái còn dở dang, nhưng đặc biệt là không có cái nào giống cái nào. Chú Năm giọng đều đều giải thích cho Thao nghe:

- Loài chim đồng dộc này giống như chim sẻ, chúng sống và sinh sản theo bầy đàn, thường bắt cặp làm tổ và đẻ trứng vào mùa lúa chín. Cháu có nhìn thấy không, con nào trên đầu có chùm lông màu vàng là con chim trống, trông có vẻ đường bệ uy nghi như một chàng hoàng tử mới đăng quang, còn con chim mái chỉ có bộ lông màu xám nâu mà thôi, nếu không nhìn kỹ có khi chúng ta nhầm là chim sẻ.

Thao khẽ kêu lên:

- Thế ạ, hồi nào tới giờ cháu lại không chú ý tới.

Chú Năm Thành cười độ lượng:

- Ủ! Thì cháu chỉ lo nghịch phá chúng thôi chứ có thèm để ý gì đến cuộc sống của bọn chúng như thế nào đâu. Chúng cũng sống có tình có nghĩa như loài người chúng ta vậy. Nên mình phải biết sống thân ái gần gũi với bọn nó cháu ạ.

Thao hơi đỏ mặt cúi xuống không nói gì, chắc thành tích phá phách, tò mò của mình đi bắt trộm chim non hoặc ăn cắp trứng xem chúng có màu gì, to nhỏ ra sao, chắc được Ngà báo cáo tường tận với chú rồi nên chú muốn nhắc khéo với

Thao chẳng? Tự nhiên Thao cảm thấy giận Ngà vô cùng. Làm như không để ý đến vẻ mặt đang biến đổi của Thao, chú nói tiếp:

- Tụi đồng tộc này sống có tình cảm lắm nghe cháu. Chúng kết bạn với nhau không phải theo mùa mà chúng gắn bó với nhau cả đời như loài bồ câu vậy. Cháu hãy thử xem cách làm tổ, ấp trứng cùng nuôi dạy con của chúng thì biết. Hàng me keo này, những ngọn tre tàu này rồi cả rặng trâm bầu tím xa kia là nơi chú chúng kiến bao mùa chim đồng tộc bay về xây tổ. Chúng hót không hay, màu sắc cũng không có gì đẹp đẽ, cũng không ai thèm bắt chúng về nuôi để làm gì, nhưng chú thích nhất là sự cần cù, chăm chỉ nhẫn nại đến mức tài hoa của chúng khi làm tổ. Bằng chiếc mỏ và đôi chân nhỏ bé của mình, chúng có thể bay rất xa để tìm nguyên liệu về xây tổ ấm của mình, có thể là cọng lá mía, lá sả, cỏ tranh, cỏ voi hay bất cứ loại cỏ nào mà chúng cảm thấy sử dụng được để xây lâu đài tình ái cho chúng, có thể xem chúng là những kiến trúc sư thiên tài mà không phải loài chim nào cũng có thể làm được điều kỳ diệu đó. Đôi chim cứ cần mẫn bay đi bay về, miệng ngậm những cọng rơm vàng óng, những chiếc lá mía, lá sả còn xanh về kết tổ. Chẳng bao lâu chiếc tổ thành hình. Cháu thấy không, trên mấy hàng

me keo, có mấy chiếc tổ đã hoàn thành rồi kia, không chiếc nào giống chiếc nào phải không, có cái như chiếc vó, chiếc gậy ống treo lưng lẳng, có cái như quả chuông úp ngược mà ở giữa phình to ra. Đây là nơi tổ ấm của đôi chim đồng dộc mới, từ đó một thế hệ đồng dộc mới ra đời, bay đi rồi năm sau đến mùa lúa chín, đàn chim đồng dộc lại quay về, cứ thế hết mùa chim này đến mùa chim khác nối tiếp nhau cháu ạ.

Nghe lời kể của chú Năm Thành, Thao đâm ra mê mẩn loài chim này, anh không ngờ thế giới loài chim có những điều kỳ diệu quá. Những ngày sau, đôi lúc rảnh rỗi, Thao thường ra sau vườn chú Năm nhìn tổ của bầy chim đồng dộc ở trên cao xây đến đâu rồi, thích thú trước cảnh bay đi bay lại xây tổ, tìm mồi của bọn chúng. Cũng từ những chiếc tổ đồng dộc dễ thương này, những con đồng dộc mái đẻ, ấp trứng sinh con. Thao còn chứng kiến những chú chim trống canh giữ tổ ấm của mình như thế nào. Khi người tình của mình ấp trứng, ngoài thời gian đi tìm mồi, anh chàng luôn có mặt trong cái tổ nhỏ hình chuông để làm kẻ gác cổng, người bảo vệ một cách tận tụy trung thành mà không đòi hỏi lương bổng. Rồi đàn chim non cũng chào đời, tiếng chim non líu ríu vang lên đồng loạt như một bản đồng ca

trong cơn gió chiều rất êm tai, chim đồng dộc bố mẹ thay nhau đi tìm mồi về mớm cho lũ chim non háu ăn. Có hôm gặp đêm mưa to quá, Thao bồn chồn thao thức, sáng sớm chạy qua nhà rủ Ngà đi học, Thao tranh thủ chạy ra sau vườn xem tổ của bọn chim đồng dộc có bị ảnh hưởng gì không, vậy mà không có một tổ chim nào rớt xuống, những chiếc tổ mong manh lắc lư như bám chặt vào các cành cây bèn bi, kiên gan. Thao đâm ra phục lẫn cái tài của lũ chim nhỏ bé này quá thế, khi xây tổ chắc chúng đã chuẩn bị cho tình huống xấu nhất có thể. Rồi thời gian cứ thế trôi đi, khoảng ba tuần tuổi, đôi cánh có vẻ cứng cáp, lũ chim non bắt đầu tập chườn cành, tập bay, đến một ngày lũ chim bé nhỏ ấy bắt đầu bay xa theo lũ chim bố mẹ về một phương trời xa lắc lơ không ai biết, bỏ lại tổ ấm cũ mà cha mẹ chúng đã cất công xây dựng đong đưa trong gió và những cánh đồng chỉ còn trơ lại gốc rạ khô héo mà thôi.

Từ ngày được chú Năm Thành dẫn ra sau vườn xem loài chim đồng dộc làm tổ, đẻ trứng và những tiếng kêu yếu ớt của lũ chim non lúc mới ra đời, rồi tiếng kêu líu ríu của bọn chúng đòi chim bố mẹ mớm cho ăn cho đến lúc ra ràng rồi bay đi, Thao đâm ra yêu quý loài chim và đâm ra ghét kẻ nào sẵn bắt phá hoại cuộc sống yên bình

của chúng. Mùa hè năm nào cũng vậy, anh Nghị con bác Ba Thời về quê chơi cũng đều đem theo khẩu súng săn mà anh mua lại của một người bạn du học từ nước ngoài về, anh tha thân từ khu vườn này qua khu vườn nọ để bắn chim, Thao là người theo chân anh Nghị để lượm chim cho anh ta mỗi khi anh bắn được con chim rớt từ trên cao xuống đất, Thao rất phục tài thiện xạ của anh Nghị và mơ ước lớn lên mình cũng có khẩu súng săn như anh tha hồ bắn chim cho thỏa thích, bây giờ thì Thao không còn thích nữa và cũng không thèm chơi với anh Nghị nữa rồi vì Thao thấy hành động của anh tàn ác quá.

Thao nói với Ngà:

- Phía sau vườn nhà mình chim đồng dộc còn về làm tổ nhiều không Ngà nhỉ?

Đôi mắt Ngà có vẻ không vui:

- Người ta mở đường, mở chợ, xây nhà khắp nơi, còn lấy đâu còn chỗ bình yên cho chúng quay về làm tổ, có lẽ bọn chúng rúc sâu vào chốn thâm sơn cùng cốc nào rồi cũng nên. Cuộc sống bây giờ sao buồn tẻ quá Thao ạ.

Thao nhìn Ngà không nói gì. Tâm trạng Ngà làm gì Thao chẳng biết. Chơi với nhau từ nhỏ, học chung lớp chung trường, mỗi ngày lại đèo nhau trên chiếc xe đạp cũ mà mẹ mua cho đến trường.

Thuở ấy Thao, Ngà và Vững bạn thân với nhau ai mà không biết. Thao và Ngà cùng xóm thì không nói gì, còn Vững ở xóm trên nhưng cả ba đều nằm trong đội văn nghệ báo chí của lớp. Khi nhà trường phát động phong trào báo xuân thì Thao cầm trịch nhưng không thể thiếu nét vẽ tài hoa của Vững và cách trình bày kỹ thuật của Ngà, còn khi có văn nghệ thì có ngón đàn guitar điêu luyện của Vững và tiếng hát ngọt ngào cao vút của Ngà đem lại vinh quang cho lớp, hai đứa còn là cặp bài trùng song ca ưng ý nhất nên tình cảm giữa Ngà và Vững có lẽ trên mức tình bạn thì phải, điều này cũng chỉ là sự suy đoán của Thao thôi, nhiều khi Thao ngẫm tức tại sao mình lại không bằng Vững nhỉ? Thao còn nhớ cuối năm lớp mười một, cả hai song ca bài “Phượng hồng” - nhạc của Vũ Hoàng, phổ từ thơ của Đỗ Trung Quân - làm không khí cả lớp như trầm xuống muốn khóc vì biết mùa chia tay đã đến. Đầu năm lớp mười hai, Vững rời trường theo gia đình lên thành phố học, cha mẹ Vững có một cơ sở sản xuất mặt hàng gỗ xuất khẩu đang làm ăn có hiệu quả trên đó. Suốt năm lớp mười hai, nhiều lần Thao muốn thổ lộ tình cảm của mình với Ngà nhưng thấy Ngà có vẻ lảng tránh nên thôi. Rồi Thao cũng lên thành phố học sau khi tốt nghiệp phổ thông, Ngà ở lại vì cô

không thể bỏ mặc chú Năm sống thui thủi một mình ở quê nhà. Cô thương cha một đời gà trống nuôi con, cảm cụ lo cho mình từ ngày mẹ mất khi cô còn quá nhỏ. Thao nhìn Ngà khẽ nói:

- Có bao giờ Ngà nghĩ mình như cánh chim đồng độc rời tổ bay xa tìm một khoảng trời rộng lớn cho riêng mình không?

Ngà im lặng một chút lắc đầu:

- Bay đi đâu Thao, bay đi để làm gì? Khoảng trời cao rộng ấy biết có dung nạp cánh chim lẻ loi này không? Ngà ở đây còn có bà con chòm xóm, còn có ba Ngà, họ cần Ngà ở lại để chăm sóc cho họ. Ngà bỏ đi thì chắc ba cảm thấy cô đơn buồn tủi lắm Thao ạ.

Thao không nói gì. Anh định nói với Ngà điều mà anh định nói từ lâu, nếu Ngà muốn là cánh chim đồng độc vươn đôi cánh của mình bay đi thì anh nguyện sẽ là cánh chim đồng độc khác mạnh mẽ bay theo cô, che chở cho cô dù cô bay đến tận chân trời góc bể nào. Nhưng thôi, nói ra sợ Ngà từ chối rồi ngượng ngập cho cả hai chẳng ích gì. Thao nghiệm ra rằng, đời người cái hạnh phúc mà mình muốn chiếm giữ phải bằng sự hiến dâng, sự đồng cảm của cả hai tâm hồn mới có thể tạo dựng và bền vững lâu dài, khi một trong hai chưa sẵn sàng thì không thể.

Ngà chột hỏi:

- Chùng nào Thao trở lại thành phố?

- Sáng sớm mai Thao đi rồi. Về thăm mẹ một chút và qua thả nén nhang cho chú Năm đã xong. Nghĩ lại Thao thấy mình có lỗi quá.

- Không sao đâu Thao, Ngà hiểu mà.

Trong thâm tâm Thao muốn gào lên: Sao Ngà không hỏi Thao chùng nào trở về, Ngà trông Ngà đợi. Ngà ơi sao Ngà không nói điều mà Thao mong chờ bấy lâu nay sao thế Ngà.

- Thao về. Chắc lần sau Thao sẽ xin Ngà mấy tổ chim đem lên thành phố để kỷ niệm Ngà nhé.

Ngà khẽ gật đầu. Thao nhìn ra sau vườn đã qua mùa chim đồng dộc về làm tổ rồi, nhưng từ đây những chiếc tổ xinh xắn như cái chuông, như chiếc vó của đôi uyên ương đồng dộc không còn lủng lẳng trên những ngọn tre tàu, trên nhánh bần hay hàng cây me keo ngày trước. Tất cả như lùi vào dĩ vãng. Thao không biết những mùa chim đồng dộc sẽ thiên di về đâu trong cuộc sống đang xô bồ với tốc độ đô thị hóa ngày càng mạnh mẽ. Nó như đẩy lùi những kỷ niệm êm đẹp của tuổi ấu thơ của anh và Ngà đi vào một góc khuất nào đó của cuộc sống mà mãi mãi sau này anh không thể tìm được nữa.

Sông ngoài kia vẫn chảy

Ở cái đất Xẻo Nhum này, ai mà không biết trại xường của Ba Nhị, ông này đúng là một nông dân nhà nòi, nhà chỉ có hơn mười công đất ruộng nhưng lại có đầu óc tính toán làm ăn không thua kém ai. Nhận thấy vùng sông nước chằng chịt ở nông thôn, phương tiện di chuyển chủ yếu là xường ghe (thuở mà giao thông đường bộ và xường ghe làm bằng chất liệu composite chưa phát triển như bây giờ), ông bèn lập trại đóng xường mời một số thợ ở Ngã Năm có tay nghề về làm việc và huy động con cháu bà con thân thuộc học nghề, ông lại có xe đồ chạy tuyến Cần Thơ-Sóc Trăng nên phương tiện chuyên chở mua sắm ít tốn kém và thuận lợi hơn người khác. Trại xường Ba Nhị nằm ở vị trí đầu một doi đất, một nhánh sông rẽ ra lộ cái xuôi về Phụng Hiệp, một nhánh rẽ về Ngã Sáu của Châu Thành, đường thủy thuận lợi là thế, còn đường bộ cũng dễ dàng

vì cách quốc lộ chưa đầy 1km nên xuồng ghe của trại được khách thương hồ đến mua nhiều, sản phẩm làm ra được đưa đi tiêu thụ khắp nơi, nhất là vào mùa nước nổi, xuồng ghe làm tới đâu tiêu thụ hết tới đó, nên lúc cậu Ba đưa Ngàn đến học việc được chủ xuồng nhận ngay. Học việc có cái giá của học việc, chỉ được nuôi cơm ngày ba bữa, cuối tuần được phát cho chút đỉnh tiền tiêu vặt coi là cà phê hay mua ít đồ dùng cá nhân như xà bông bột giặt gì đó. Sau sáu tháng học việc, người thợ cả sẽ đánh giá tay nghề, sự chăm chỉ và thái độ làm việc của học viên, báo cáo với ông Ba Nhị định lương cho. Đối với thằng bé mới 15 tuổi, không cha không mẹ được như thế là đã mừng lắm rồi, có chỗ ăn chỗ ở lại được học nghề còn đòi gì hơn nên Ngàn ở lại đó. Trước khi ra về cậu Ba giúi vào tay Ngàn ít tiền buồn rầu nói:

- Mẹ con mất đi nhà ta không còn ai thân thiết, hoàn cảnh cậu con cũng thấy rồi đó, nghèo không thể cưu mang cho con ăn học đến nơi đến chốn như người ta được, cậu đành có lỗi với mẹ con vậy. Thôi! từ nay con cố gắng chăm chỉ học nghề, sau này no ấm tấm thân, được vậy là cậu mừng rồi.

Ngàn không nói gì chỉ nhìn cậu với ánh mắt buồn buồn đưa cậu xuống ghe, nhìn theo bóng dáng liêu xiêu của người cậu trên chiếc tam bản

mỏng manh mỗi lúc một xa dần khuất sau bụi
trâm bầu mà lòng trống vắng quạnh hiu. Thế mà
thoáng chốc cũng qua năm năm kể từ ngày ấy,
từ một cậu học việc không biết gì, cầm cây cưa,
cây đục, cái bào còn lóng ngóng không biết sử
dụng thế nào cho đúng, Ngàn đã trở thành một
người thợ đóng ghe xuồng thành thạo nhất nhì
của trại xuồng Ba Nhi, có lẽ một phần nhờ sự
siêng năng cần mẫn của Ngàn, một phần nhờ sự
hướng dẫn tận tình của chú Được – người thợ cả
của trại xuồng, chú nhận thấy thằng bé sáng dạ
lạ thường, chỉ cần chỉ dẫn thao tác một hai lần là
thằng nhỏ nắm bắt ngay được bí quyết của nghề.
Nghề đóng ghe xuồng cũng giống như bao nghề
thủ công khác, muốn hàng bán chạy có uy tín với
khách đòi hỏi người thợ phải có tay nghề cao,
khéo tay, lại có kỹ thuật riêng, không phải nhìn
người ta làm gì bắt chước làm theo mà được, chiếc
xuồng khi hoàn thiện phải vừa chắc vừa đẹp vừa
phải cân bằng tuyệt đối khi di chuyển trên sông
nước. Để hoàn thành một chiếc xuồng đạt yêu
cầu, phải qua nhiều công đoạn khác nhau, vất
và từ việc cưa ván, bỏ mục, rọc dọn, vô vỏ, ráp
cong, dẫn... trong các khâu đó khâu ráp cong là
khâu quan trọng nhất quyết định đến chất lượng
của sản phẩm. Vì sao vậy? Cũng dễ hiểu thôi -

chú Được người thợ cả giải thích cho Ngàn: Dàn cong quyết định hình dáng của chiếc xuồng, nếu lọng dàn cong đẹp thì chiếc xuồng sẽ đẹp bằng không thì coi như hỏng. Tất cả mọi công đoạn như thế Ngàn chỉ thao tác trong vòng ba tháng là đã thuần thục, có thể tự mình làm được một chiếc xuồng hoàn chỉnh, nên ngay tháng thứ tư chú đã đề nghị ông Ba Nhị trả lương cho Ngàn. Ngàn cũng quý chú vì ở nơi xa lạ này, chú chỉ bảo Ngàn tận tâm, hơn nữa ở lại trại ban đêm chỉ có hai chú cháu, còn cánh thợ nhà cũng gần đầu đó nên tan việc mạnh ai nấy về nhà mình. Ngàn nghe bạn thợ kể lại, quê chú miệt Sông Đốc Cà Mau gì đó, chú là con của một chủ trại xuồng có tiếng, phải lòng cô thôn nữ xuôi ngược thương hồ, cha mẹ không chấp nhận, cả hai dắt díu nhau đi tha phương, không ngờ cô thôn nữ lại mãi phần sớm, ông Ba Nhị thương tình cho miếng đất chôn cất ở phía sau vườn, chú buồn không muốn về quê nữa, sẵn có tay nghề chú ở lại làm cho trại xuồng ông Ba Nhị và ở luôn đến bây giờ cũng hơn mười năm rồi, cuộc đời của chú buồn vậy nên Ngàn rất thương chú.

Một đêm hai chú cháu ngồi chờ nước rong cất vó tìm con tôm con cá đặt ở cuối trại ghe, nhìn con nước lững lờ trôi từ sông cái vào, mấy cụm

lục bình bập bênh theo con nước vô định, Ngàn chọt buột miệng:

- Con nhớ sông quá chú ơi.

Tiếng của chú Được như trôi theo dòng nước:

- Mà nói lạ, sông đang ở trước mặt mà nhớ cái nôi gì?

Ngàn gãi đầu:

- Chú không biết đâu, con nhớ thiệt mà. Nhớ từng dòng sông bến nước hồi nhỏ đã đi qua, nhớ từng buổi họp chợ đông đúc, tiếng rao hàng mua bán trên sông, tiếng cười ồn ã chất phát, nhớ những bữa cơm chiều đơn sơ nhưng thật ấm áp bên cạnh người thân, nhớ ba mẹ, dì Tư, cái Trâm...

- Mà nói làm chú cũng nhớ nhà quá, không biết bây giờ ông bà già tao có còn sống không nữa.

- Sao chú không về thăm.

- Về làm gì. Hôm tao quyết đưa thím mà đi tìm hạnh phúc, ông già còn nói dối theo:

- Mà mà đi thì tao coi như đứt luôn không có đưa con như mà.

Ngàn an ủi chú:

- Chắc ba chú giận mà nói vậy thôi mà.

- Tao cũng nghĩ vậy nhưng thím mà mất rồi, tao không muốn về nữa, phải chi lúc đó ông già tía tao không làm căng có lẽ thím mà không phải chịu nhiều vất vả phong sương mà chết sớm.

Câu nói của chú làm Ngàn nghĩ đến má mình. Người đàn bà hiền hậu từng được xem là người đẹp nhất nhì của đất Cái Trâm ngọt phù sa sông Hậu, phải lòng một anh thương hồ rày đây mai đó trên sông nước, vấp phải sự ngăn cản của bà ngoại. Không phải ngoại không ưng vì cha nghèo khó ,vì sợ mẹ không kham nổi sự vất vả của kiếp sống thương hồ nên má đành ra đi theo tiếng gọi của con tim và Ngàn đã ra đời ngay trên nhánh sông mà tía má xuôi ngược hằng ngày mưu sinh. Nhưng những ngày tháng hạnh phúc êm đềm ấy chỉ được năm bảy năm ngắn ngủi thì tía mất. Má không lên bờ mà nổi nghiệp tía rày đây mai đó. Ngoại xót lòng gọi má về nhưng má sợ người ta nói ra nói vào buồn lòng ngoại nên từ chối. Từ ngày ấy, đằng sau những buổi chợ đông vui, tấp nập, phía sau những lời chào hỏi mua bán nói cười rôm rả là những nỗi nhọc nhằn khổ đau của người phụ nữ góa bụa thiếu hơi ấm tiếng cười và bờ vai của người đàn ông mạnh mẽ. Ngày đó Ngàn còn nhỏ quá làm sao hiểu hết nỗi cô đơn nhọc nhằn của má.

Rồi ngoại cũng mất, má về chịu tang rồi về lại với sông, có lẽ chỉ sống với sông má mới cảm thấy hạnh phúc, má cho ghe hàng bông xuôi theo những nơi ngày xưa hai vợ chồng đã đi qua để giữ mãi hình ảnh thân thương của người chồng

đã mất. Rồi má lại theo tía bỏ lại Ngàn trong một đêm mưa gió. Người ta đưa Ngàn về cho cậu Ba em má, nhưng làm sao Ngàn ở được với người đàn bà không có chút tình cảm, mở lòng đón nhận đứa cháu cô út của cậu, may mà có dì Tư, mẹ của Trâm nghe tin xin cậu đón nhận Ngàn, dì Tư cũng là bạn hàng bông của mẹ, gặp nhau trên sông nước, những lúc tụ thuyền nghỉ đêm ở một bến sông nhận làm chị em với nhau. Lúc đó Ngàn mới mười bốn tuổi, sáng chiều Ngàn lại lang thang trên sông nước cùng chiếc ghe hàng bông của dì Tư, khi thì qua Cái Sâu, Mái Dầm, Phú Hữu khi thì ngược lên Vàm Xáng, Phong Điền, Cầu Nhiễm, Ba Xe, có lúc lại trẩy lên Ô Môn, Thới Lai Cờ Đỏ, nơi nào có khách thì thuyền cứ đi, nơi nào có bến thì thuyền neo đậu lại.

Có thể nói đây là khoảng thời gian Ngàn cho là đáng nhớ và vui vẻ nhất của đời mình, tuy ăn uống kham khổ nhưng trên ghe luôn ấm áp tình người và đầy ắp tiếng cười. Dì Tư xem Ngàn như con trai của mình, còn con bé Trâm mới hơn mười ba, suốt ngày lui thủi sống một mình trong ghe, làm bạn với mấy món đồ chơi cũ kỹ mà má lượm lặt hay người ta cho ở đâu đó trên những nhánh sông chiếc ghe thương hồ đi qua, bây giờ có thêm bạn, nó vui hẳn lên và luôn tíu tít với

Ngàn, ngược lại Ngàn cũng quý nó không kém nên luôn tìm cách làm cho nó vui, Ngàn tuy nhỏ cũng giúp cho dì Tư nhiều việc, từ việc mua bán, lên bờ xách hàng hay bổ thêm hàng cho dì, những lúc ghé lại đầu đó Ngàn tranh thủ lên bờ mua cho Trâm tấm bánh hay cái kẹo mà Trâm thích, thậm chí Ngàn còn mua cả cái gương, tấm lược, nơ cài tóc cho Trâm, con bé ngắm nghía trước gương mãi, còn đi khoe với dì Tư: Má ơi, anh Ngàn mua cho con cái nơ cài đầu nè, mẹ xem con cài có đẹp không. Dì Tư nhìn Ngàn cười hiền hậu làm Ngàn thấy đỏ cả vành tai.

Hai năm sau, cậu Ba nhắn tin cùng dì xin đón Ngàn về học nghề lo cho tương lai. Dì Tư nghĩ cũng phải nên để Ngàn đi, hôm chia tay tự tay con bé ngắt một rễ bông điên điển bên triền sông rồi làm nồi canh chua thật ngon, cùng ơ cá rô kho tộ, món ăn mà Ngàn thích để tiễn Ngàn lên bờ, con bé cứ thút thít mãi, dì Tư dỗ dành miết cũng không chịu nín, Ngàn cũng buồn lắm, hứa với nó có dịp sẽ về thăm, thế mà cũng đã năm năm rồi còn gì, không biết giờ má con dì Tư, người đã cưu mang nó trong thời gian khốn khó đang xuôi ngược ở những ngã sông nào cũng không biết hay họ đã bỏ sông lên bờ cũng không chừng.

*

Buổi trưa hôm ấy nhóm thợ trại xuống dùng tay giải lao khi Út Thom, cô con gái út của ông chủ trại xuống bung một rổ khoai luộc rở to còn bốc khói cho thợ ăn giữa buổi cùng với thùng trà đá mang theo, Út Thom lựa một củ khoai to đưa cho Ngàn:

- Anh Ngàn ăn khoai nè, củ khoai này lớn nhất đó nghe.

Đám thợ cười vang, Út Thom lừ mắt:

- Cười cái gì, ai cũng có phần mà, mấy anh siêng năng như anh Ngàn tui cũng quý chứ bộ.

Nói là nói vậy, ai mà không biết Út Thom có cảm tình với Ngàn, mà thằng Ngàn cũng tốt số thiệt, nghe được con ông chủ để ý tới là nhứt rồi còn gì. Ngàn giả đờ như không biết, lột vỏ củ khoai mà Út Thom đưa cho ăn một cách ngon lành.

Bỗng ngoài kia sông có tiếng rao hàng, một chiếc ghe hàng bông đang trôi tới, Út Thom lên tiếng gọi, bước xuống bến nước để mua hàng. Đám thợ nhìn theo xem ghe hàng bông bán cái gì, quen hay lạ. Ghe tấp bến, cô gái cầm dây cột vào cái cọc ở bến nước, Út Thom chọn mấy thứ cần thiết, một vài nhà kế bên thấy vậy cũng chạy ra tấp vào để mua. Một anh thợ trẻ chợt nói với Ngàn:

- Này Ngàn, con bé hàng bông trông xinh không thua Út Thom đấy nhỉ?

Ngàn đưa mắt nhìn anh bạn thợ, người ta xinh thì mắc mó gì đến mình chứ. Tuy vậy Ngàn cũng ngược nhìn ra bến sông, khi cô gái ngẩng đầu lên trao hàng cho khách, Ngàn chột giật nảy mình, ai giống cái Trâm quá nhỉ? Mà chắc không phải đâu, ghe hàng bông của Dì Tư có bao giờ đi qua ngõ sông này đâu, năm năm rồi, chắc cái Trâm giờ đã là một cô thiếu nữ rồi còn gì. Tự dưng Ngàn thấy nôn nao trong bụng, chờ lúc thừa khách, ghe sắp buông dây Ngàn gọi lớn:

- Chờ tôi một chút.

Ngàn đi ra bến nước nhờ cô hàng lấy cho mình gói thuốc lá, người thiếu nữ quay vào ghe lấy hàng, Ngàn nhìn kĩ cô gái lòng không khỏi kích động. Đúng là Trâm rồi, má lúm đồng tiền, đôi mắt to, gương mặt quen thuộc làm sao Ngàn quên được, chỉ khác là cái mái tóc mượt dài. Ngàn trao tiền cho cô gái, hỏi nhỏ giọng hồi hộp:

- Em có phải là Trâm, con dì Tư không?

Cô gái sững sờ nhìn Ngàn run run:

- Anh là ai mà biết vậy...

Ngàn mừng trong bụng giọng lấp bắp:

- Anh là Ngàn đây mà. Trâm không nhận ra anh sao?

- Anh Ngàn? Ôi! đúng là anh Ngàn rồi.

Ngàn ngó vào khoang ghe:

- Dì Tư đâu sao anh không thấy?

Trâm buồn bã:

- Má em mất đã hai năm rồi anh Ngàn ơi. Em đem hỏa táng rồi gói hài cốt má vào một ngôi chùa ở Cầu Nhiễm, trên đường em thường cho ghe dừng lại ghé thăm má. Trước khi mất má cứ nhắc anh mãi. Năm năm qua anh đi những đâu, sao không tìm thăm má con em.

- Cậu đưa anh về đây học nghề đóng xuồng. Anh nhớ dì Tư và Trâm lắm nhưng không biết đi đâu để gặp, đòi sông nước tắm cá biệt mù biết đâu mà tìm hả em?

Trâm rên rấn nước mắt:

- Gặp được anh ở đây em mừng quá.

Ngàn cũng ngậm ngùi:

- Anh cũng vậy, em đừng khóc Trâm ơi, làm anh buồn thêm. Vậy em đi hàng bông với ai, chồng con thế nào rồi?

- Chồng con gì đâu anh, em vẫn sống một mình.

- Trời đất! Vậy em lên đênh sông nước khắp nơi chỉ có một mình sao, nguy hiểm lắm em biết không? Thân gái một mình em không sợ sao mấy tên cướp cạn, mấy thằng quý sứ làm hỗn sao?

Giọng Trâm không vui:

- Em cũng quen rồi anh Ngàn, em cũng biết

giữ mình, anh đừng lo. Má không còn, anh cũng ở xa em còn biết nương tựa vào ai bây giờ hở anh.

Lòng Ngàn cảm thấy thương cho cô bạn nhỏ một thời của mình:

- Tối nay ghe em đậu ở đâu?

- Em dự định ghé chợ xã bên kia cầu, bổ thêm một số hàng bông cần thiết, đợi con nước xuôi về Tân Bình Rạch Gòi rồi đi tiếp.

- Em chờ anh đến được không? Gặp anh rồi hãy đi, nhất định phải gặp. Dì Tư mất rồi anh không thể để Trâm một mình thân gái dặm trường như vậy.

Trâm nói lí nhí, ánh mắt reo vui:

- Vâng! Em sẽ chờ.

Trâm tháo dây cột dùng sào đẩy ghe ra giữa sông cho mũi quay về phía trước, nổ máy đi. Ngàn nhìn theo lòng chua xót, lưng thững bước về trại xuống, chú Được thấy hơi lạ bèn hỏi:

- Mua có gói thuốc mà lâu quá vậy Ngàn. Người quen à?

- Thừa chú, người quen.

- Phải con bé mà mày thường nhắc không?

Ngàn nhìn chú gật đầu không nói.

*

Sáng hôm sau không ai thấy Ngàn đâu, nháo nhác hỏi thăm, chú Được thủng thủng nói:

- Thăng Ngàn xin phép về thăm cậu nó rồi, nghe nói bệnh nặng gì đó, gấp quá nên nó không kịp chào từ biệt ai hết, chỉ nhờ tao chuyển lời lại, chắc vài bữa nó lên, mà không có nó công việc của trại vẫn sưng sè phải không? Thôi làm việc đi.

Nói vậy nhưng trong thâm tâm chú biết lần này Ngàn đi là đi luôn, nó nghe theo tiếng gọi của dòng sông, của kiếp thương hồ gắn bó từ trong máu thịt từ hồi còn đỏ hỏn lặn mà, đi để trả nợ ân tình cho dòng sông và cho những người đã cưu mang cuộc đời nó, từ đây trên những nhánh sông đâu đó của miền Tây sẽ có thêm đôi vợ chồng trẻ vui kiếp sống thương hồ. Chú buồn nhưng ủng hộ quyết định của Ngàn, giống như chú ngày xưa quyết định đi theo tiếng gọi của tình yêu vậy mà.

Còn có một người cũng buồn như chú, Út Thom con chủ trại xuống Ba Nhị, nhưng biết làm sao được. Đời người ta cũng lạ, khi trôi nổi trên sông nước lại muốn bỏ sông lên bờ, nhưng cũng có người trên bờ lại muốn bỏ bờ về lại với sông. Cuộc đời là thế, chỉ có sông muôn đời vẫn vậy, vẫn chảy miên man không ngại ngại, mang theo bao niềm vui và bấy nhiêu nỗi buồn, những hạnh phúc và những thống khổ của một kiếp người in dấu trên bao nhánh sông mình đã đi qua nhưng biết làm sao được. Sông mà.

Chuyện của hai người

Huy đi công tác ở một tỉnh miền Tây vừa mới về tới nhà, việc thi công công trình mới hoàn thành nền móng thì có công việc cần thiết công ty gọi điện trở lại Sài Gòn để giải quyết, anh chưa kịp nghỉ ngơi sau một chuyến đi khá dài thì chuông điện thoại đổ vang, anh bật máy xem thử ai gọi tới. Số của Hương. Lại thật sao lại là Hương gọi cho mình. Từ lâu cô không còn liên lạc với mình nữa kể từ ngày ấy. Mấy lần anh cũng định xóa số lưu của Hương trong máy nhưng rồi lại thôi. Sự tổn thương tình cảm mà Hương để lại trong lòng anh quá lớn, chắc gì thời gian có thể bù đắp được. Hai người quen nhau từ thời còn học ở phổ thông, lên đại học Hương theo khoa kinh tế còn Huy theo đuổi ngành xây dựng. Tuy cả hai học khác trường và thời khóa biểu của họ cũng khác nhau, thậm chí đôi khi còn tréo ngoe nhưng họ vẫn chọn được những khoảng thời gian thích

hợp để gặp nhau, đi chơi ăn uống trong những ngày nghỉ, tình yêu cứ thế mà lớn dần lên. Cả hai cũng dự định ra trường có công ăn việc làm ổn định sẽ tính tới hôn nhân. Cả hai gia đình đều biết và đồng ý cả rồi. Thế mà chuyện không thể xảy ra cũng xảy ra.

Hương ra trường, nhờ tính tình lanh lẹ bật thiệp, vóc dáng vẻ bề ngoài dễ nhìn, Hương được nhận vào làm việc ở một công ty lớn, còn Huy lại rong ruổi theo những công trình xây dựng, thời gian không dành cho nhau được nhiều như trước. Giám đốc của Hương là một gã đàn ông trung niên giàu có đầy bản lĩnh trong tình trường. Đứng trước quyền lực, sự cám dỗ của giàu sang, người con gái mới vào đời như Hương làm sao không gục ngã cho được. Cô đề nghị nói lời chia tay với Huy, cô nói: Nếu Huy thật sự yêu cô nên để cho cô tự do tìm hạnh phúc của riêng mình, không nên trói buộc nhau khi giữa hai người bây giờ là hai thế giới khác nhau. Huy rất đau khổ về điều đó nhưng cuối cùng anh đã đồng ý bỏ cuộc, dành hết những tiếng xấu về mình khi hai gia đình hỏi nguyên nhân tại sao hai đứa lại phải chia tay.

Tuy ngạc nhiên nhưng anh vẫn bấm máy để nghe Hương nói:

- Anh Huy có rảnh không? Em muốn gặp anh một chút được không anh?

- Có việc gì thế Hương? Lâu quá không nhận được tin của Hương. Nếu không có gì cần thiết, Hương nói luôn trong điện thoại cũng được mà.

Giọng Hương có vẻ khẩn khoản:

- Không được đâu anh. Chuyện khá dài nên em cần gặp anh mới nói được.

Huy không biết có chuyện gì, nhưng cũng không nỡ làm Hương buồn dù hai người bây giờ không là gì của nhau, anh nói:

- Thôi được, mình gặp nhau ở đâu?

- Ở cà phê Suối Đá, nơi ngày xưa mình thường hẹn nhau chắc anh còn nhớ.

Quán Suối Đá thì anh không thể nào quên. Đó là điểm hẹn phù hợp nhất cho hai đứa thời còn sinh viên vì nó nằm gần khoảng giữa trường kinh tế và trường xây dựng của cả hai, hẹn như thế để cả hai đỡ mất thời gian đi lại, hơn nữa không gian sân vườn của quán được trang trí khá bắt mắt thanh lịch. Đó cũng là nơi Hương hẹn gặp anh để nói lời chia tay khi có được tình yêu mới, bây giờ hẹn anh đến đó để làm gì đây, nhưng thôi cũng không sao vì không còn tình yêu cũng còn tình bạn mà, lòng Huy cũng không còn vương bận lắm về điều đó.

Huy vào quán thấy Hương đã ngồi đợi ở đó từ bao giờ. Huy nhẹ nhàng kéo ghế ngồi đối diện với Hương, đây cũng là cái bàn hai người thường chọn để gặp nhau những ngày còn đi học, nó gần cái thác nước nhân tạo, dòng nước từ trên cao đổ xuống chảy theo những vách đá vào cái hồ luôn chứa đầy nước có đàn cá Koi đang tung tăng bơi lội, không khí bao giờ cũng dịu mát dù ngoài trời cái nắng luôn oi nồng, ngày ấy bây giờ hình như xa lắm rồi thì phải.

Hương vẫn còn đẹp, nhưng không phải cái đẹp tự nhiên của cô sinh viên ngày nào mà là cái đẹp sắc sảo được trang điểm bởi lớp phấn son của kẻ lắm tiền nhiều của. Tuy trang điểm khéo léo nhưng cô cũng không giấu được vẻ bồn chồn lo lắng trên gương mặt, Huy mở lời trước:

- Lúc này Hương thế nào rồi? Công việc vẫn thuận lợi chứ?

Huy tránh nhắc đến chuyện tình cảm của cô vì dù sao chuyện ấy cũng không còn liên quan đến anh nữa.

Hương chột nắc lên thốt thức:

- Anh Huy ơi em khổ lắm, em phải làm thế nào đây anh?

Huy khẽ thở dài kín đáo, tính Hương vẫn vậy, không thay đổi một chút nào, lúc còn đi học những lúc gặp khó khăn về chuyện học hành thi cử, hay buồn giận vu vơ với các bạn trong ký túc xá, Hương thường chạy đi tìm Huy khóc, trút hết mọi phiền muộn vào anh và Huy cũng đã bao phen dỗ dành năn nỉ xoa dịu người bạn gái nhỏ bé của mình, anh thấy Hương tâm hồn vẫn không khá lớn lên một chút nào. Bây giờ Huy không còn là gì của Hương, cũng không phải là chỗ dựa của Hương nữa, cô đã có một bờ vai mạnh mẽ, cứng rắn đầy quyền lực hơn để cô dựa đỡ đâu cần đến anh nữa, đáng lý ra người cô thổn thức tâm sự phải là người cô tin tưởng lựa chọn kia chứ đâu phải anh. Tuy nghĩ như vậy, Huy cũng không tiện nói ra, trong lúc này anh thấy cô tội nghiệp đáng thương quá.

- Chuyện gì xảy ra với Hương thế?

- Em... Em đã có thai với anh ấy hơn hai tháng rồi.

Nói xong Hương lại khóc nức lên, những giọt nước mắt lãnh dài trên má cô làm nhòe nhoẹt đi lớp phấn cô trang điểm, Huy lặng lẽ đưa chiếc khăn tay cho cô lau nước mắt, anh nghĩ chuyện không đến nỗi nghiêm trọng như anh tưởng. Hai người yêu nhau thì có thai trước khi đi tới hôn

nhân cũng là điều bình thường trong xã hội hiện đại, chỉ cần gia đình hai bên chấp nhận là được, Huy an ủi cô:

- Hương báo cho anh ấy và gia đình biết rồi tiến hành hôn nhân, không chừng đó là tin mừng nữa là.

- Nhưng anh ấy nói không muốn có con vào lúc này. Công việc đang làm ăn thuận lợi nên anh ấy không muốn mất nhiều thời gian vào việc gia đình, việc chăm sóc con.

Huy hơi ngỡ ngàng:

- Anh ấy muốn...

Hương nhìn anh, khẽ gật đầu:

- Anh ấy muốn em phá bỏ cái thai đó đi, nếu không sẽ chia tay với em... em... phải làm thế nào đây anh Huy ơi.

- Sao anh ta có thể nói như vậy được.

- Em không thể bỏ cái thai này được, nó là kết tinh tình yêu của em với anh ấy. Nó là con em, em không thể hủy hoại mầm sống đang sinh sôi nảy nở trong người em... Biết đâu khi đưa con ra đời anh ấy sẽ đổi ý định, hồi tâm chuyển ý thì sao phải không anh?

Huy nhìn Hương, anh cảm thấy buồn, hình như Hương chỉ nhìn cuộc sống toàn màu hồng, theo lăng kính riêng của mình và nhất định cho

rằng đó là đúng. Hương đâu biết rằng khi thằng đàn ông từ chối trách nhiệm làm cha làm chồng là thằng đàn ông tồi, không còn đáng tin cậy nữa, hẳn trở thành thằng hèn mạt trốn tránh trách nhiệm và hẳn có thể làm bất cứ điều gì để chối bỏ nó.

Huy chỉ biết an ủi cô:

- Thì Hương cứ làm theo ý mình đi, sinh con và nuôi nó. Bây giờ xã hội thiếu gì người mẹ đơn thân, họ vẫn sống tốt thôi mà.

Hương nhìn Huy giọng khẩn khoản cầu xin:

- Nhưng em không thể sinh con trong hoàn cảnh như thế này được, ba mẹ em biết sẽ giết chết em mất anh Huy ơi. Ông bà thế nào cũng bắt em bỏ đứa bé hay kiếm anh ấy để tính chuyện phải quấy, đằng nào em cũng phải chết. Hơn nữa con em sinh ra mang tiếng là đứa con hoang không có bố, em không muốn con em chịu thiệt thòi, em không đành lòng anh ơi.

Huy thầm kêu lên: Lúc này là lúc nào mà Hương còn nghĩ xa thế, nếu không đến với nhau bằng sự cảm thông, bằng tình yêu chân chính thì nên từ bỏ hay tìm giải pháp thích hợp nhẹ nhàng cho cả hai bên có hơn không. Huy nhẹ nhàng hỏi:

- Thế giờ Hương tính thế nào?

Hương chợt cầm lấy tay anh, cô nói bằng giọng tha thiết cầu khẩn:

- Anh Huy ơi, mình cưới nhau đi anh, chẳng phải anh đã từng muốn cưới em đó sao? Nhưng anh yên tâm, chỉ là đám cưới trên danh nghĩa thôi mà, em không phải bắt anh chịu bất cứ trách nhiệm nào hết, cưới xong em sẽ về quê để sinh con, con em em nuôi. Anh coi như vì tình yêu của chúng ta mà giúp em lần này được không? Khi nào ba đưa bé hồi tâm chuyển ý đón mẹ con em thì chúng ta sẽ ly hôn. Anh là đàn ông, chuyện ly hôn rồi kiếm một người phụ nữ mình yêu để kết hôn là điều dễ dàng mà. Em van anh, giúp em lần này là lần cuối được không anh?

Huy nhẹ nhàng rút tay về, lòng buồn rười. Hương ngày xưa của anh đâu mất rồi, bây giờ trước mặt anh chỉ là cô Hương chỉ biết tính toán cái lợi riêng của mình, bất chấp thủ đoạn, không cần biết có mang lại khổ đau cho người khác không, chỉ cần đạt được mục đích của mình là được. Anh lắc đầu nói:

- Anh sẵn sàng giúp em nếu việc đó trong tầm tay của anh, nhưng việc này lớn quá không thể tự quyết định được, nó không còn là chuyện của anh và Hương như ngày nào mà nó còn ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cả hai gia đình.

Một lần anh đã giúp em để em có được hạnh phúc như ý em muốn, nhưng Hương thấy đấy, cái hạnh phúc mà Hương theo đuổi nó đã đem lại cho Hương được điều gì kia chứ, hay chỉ là sự đổ vỡ và đau khổ mà thôi. Hương đừng dấn sâu vào con đường sai lầm nữa được không?

Hương vẫn thút thít khóc:

- Em biết chứ, chuyện này rất khó cho anh vì thế em mới van xin anh giúp em. Anh đã từng yêu em, đối xử tốt với em biết dường nào. Anh vẫn còn thương em phải không, lẽ nào anh để em rơi vào hoàn cảnh khốn khổ không lối thoát thế này.

Huy nói:

- Phải! anh đã từng yêu Hương, thương yêu lo lắng cho Hương mọi điều, nhưng anh chỉ chuốc lấy đau khổ lại mang tiếng là người bội bạc để Hương đi tìm hạnh phúc của riêng mình. Hương có cảm thấy đề nghị của mình quá ích kỷ hay không, chỉ mang lại tổn thương cho cả hai bên mà thôi.

Huy ngừng một lát rồi nói tiếp:

- Chuyện gì rồi cũng có cách giải quyết Hương à. Có thể lúc này tâm trí Hương không ổn định, để bình tâm lại mình từ từ tìm cách giải quyết êm đẹp đó Hương. Anh hứa sẵn lòng giúp Hương nếu anh có thể làm được. Có gì Hương điện lại cho anh nhé.

Hương không nói gì chỉ cúi xuống mặt bàn khóc, Huy đứng lên ra về mà lòng buồn khôn tả. Sự hy sinh của anh lúc trước lại mang đến kết thúc bi thảm thế này sao?

*

Huy đặt bó hồng trắng trước mộ của Hương và thắp trên đầu mộ mấy nén nhang thơm. Làn hương bay thoang thoang trong buổi chiều của khu nghĩa trang nằm phía sau khuôn viên chùa Linh Bửu lúc này thật yên tĩnh vô cùng. Anh lấy lá thư trong túi và bật lửa đốt nó đi. Đó là bức thư của Hương viết gởi cho Huy mà một người bạn thân của hai đứa trao lại cho anh khi Hương uống thuốc ngủ tự sát hơn một tháng trước.

Trong thư có mấy đoạn ý chính như sau:

Anh Huy

Xin cho em được một lần nói với anh câu: Anh Yêu Quý. Chỉ một lần thôi vì em biết em không xứng đáng để gọi anh như vậy, em biết điều đó nhưng tất cả đã quá muộn rồi. Em như con tàu luôn lặn bánh về phía trước nhưng không hề nghĩ đến điểm dừng, anh ngày đó là một sân ga bình yên cho những giấc mơ tươi đẹp của em đổ lại, nhưng em không biết trân trọng nó thì giờ đây những lời nói sau cùng này có quá giả dối và mỉa mai không anh?

.....

Em nhớ những ngày tháng tươi đẹp chúng ta sống gần bên nhau, thời sinh viên mặc dù nghèo khó mà sao tình yêu của chúng ta lại trong sáng dễ thương đến vậy. Chúng ta từng chia nhau từng ổ bánh mì, uống chung với nhau từng chai nước với ước mơ một ngày nào đó mình ra trường làm được nhiều tiền xây dựng hạnh phúc bên nhau, có đàn con ngoan hiền. Hạnh phúc nhỏ nhoi ấy vì sao tan vỡ? Có phải em là nguyên nhân tạo nên sự đổ vỡ ấy phải không anh? Lòng tham lam muốn đạt được danh vọng, nắm lấy địa vị cao sang trong xã hội chỉ lấy vật chất làm bước tiến thân đã làm em xa anh, phụ tấm chân tình của anh dành cho em.

.....

Trong cuộc đời tạm bợ của em ở cõi trần này, người mà em yêu thương và làm tổn thương nhiều nhất có lẽ là anh, nhưng với tuổi trẻ bồng bột, lòng tham lam ích kỷ, cái tham vọng chạy theo nắm bắt một thiên đường, trên đường đi em đã bỏ lại, đánh mất những điều mà em cho rằng vô bổ không cần thiết, như người ta vứt bỏ một mảnh giấy, một chiếc túi ni lông vào thùng rác khi nó không còn có tác dụng nữa, vì trên đường em đi sẽ có những tờ giấy mới, những túi ni lông sạch tuơm chứa đựng những món đồ mới mà người khác tự nguyện hiến dâng cho mình.

Đến phút cuối mà em cũng chỉ nghĩ đến lợi ích riêng của mình, ích kỷ muốn chiếm đoạt hạnh phúc riêng của anh một lần nữa cho bằng được với một đê nghị vô cùng khiếm nhã đáng xấu hổ, về nhà sau khi bình tâm lại, em thấy mình không xứng đáng nhìn mặt anh, nhìn mặt cha mẹ của mình nữa. Em chỉ còn cách phải ra đi, chỉ có đi xa như thế em mới xóa được vết bẩn trong tâm hồn.

Em mong anh tìm được hạnh phúc của đời mình anh nhé.

Huy nói như nói với chính mình:

- Hương hãy ngủ yên trong thế giới đầy ước mơ an lành của mình đi nhé.

*

Tôi nghe câu chuyện này từ một người bạn thơ kể khi tôi cùng anh tham gia một chuyến đi thực tế ở Đồng Nai. Đêm ngủ trong rừng Cát Tiên, nghe tiếng mưa rừng rả rích, tiếng côn trùng rì rả suốt đêm nghe buồn đến não nuột không ngủ được, tôi và anh bạn thơ ngồi dậy đun nước pha trà tán gẫu qua đêm. Biết tôi đang bí đề tài viết văn, anh bèn kể cho tôi nghe câu chuyện trên vì một trong hai nhân vật chính là người thân của anh ta.

Ban đầu tôi định đặt tên truyện là “Thiên đường ảo vọng” nhưng coi bộ không ổn, chuyện

viết ý nghĩa có chút xiu mà đề tài thì to tát quá, suy đi nghĩ lại tôi thấy lấy tên “Chuyện của hai người” là phù hợp nhất. Đúng không, chuyện chỉ xảy ra trong phạm vi hẹp giữa hai người thôi mà, nhân vật chính hay phụ đâu quan trọng, đâu thành vấn đề. Phần còn lại là của bạn đọc, bạn có suy nghĩ gì về cách sống của thế hệ trẻ hiện nay qua “Chuyện của hai người” là tùy bạn, mỗi người phải tìm cho mình một lời giải đáp, một hướng đi trong dòng chảy xô bồ của thời đại 4.0, nếu không khéo bạn sẽ bị nhấn chìm trong sự hỗn độn của thế giới luôn xô lệch mà bản ngã con người lại yếu đuối dễ đổi thay.

Bên dòng Potomac

- Ông thầy, nhớ ngày mai đến dự buổi họp mặt người Việt mình nhé.

- Tao nhớ, mà có chuyện gì chú mày nhắc đi nhắc lại mãi thế?

- Tui biết lúc này ông thầy không vui, chẳng muốn có mặt mấy chỗ đông người, xô bồ xô bộn nên muốn kéo ông thầy ra khỏi sự muộn phiền một chút vậy mà.

- Vợ chồng mày đi cũng được rồi, kéo theo tao làm gì, lúc này tao muốn yên tĩnh một chút.

- Đi đi ông thầy, tui cam đoan với ông có một điều bất ngờ dành cho ông thầy đấy.

- Có điều gì bất ngờ đến với một lão già gần đất xa trời như tao, mày chỉ lèo mép mà thôi.

- Thật mà không tin lượm đạn nổ banh xác tui đó ông thầy.

Diên bật cười vì câu thề thốt đầy chết chóc của thằng Cung, thằng đệ tử cật ruột của anh trong những ngày còn chiến tranh ở Việt Nam. Đó là

câu thề độc trên cửa miệng của mỗi thằng lính khi có một điều gì đó nó muốn đồng đội hay cấp trên tin điều nó thấy hoặc nói ra. Cung là thằng lính ôm máy truyền tin đi theo Diên trong những cuộc hành quân, vào sinh ra tử với nhau không biết bao nhiêu trận. Di tản khỏi Việt Nam, tán lạc rồi gặp lại nhau trên đất Mỹ, nó vẫn trịnh trọng gọi Diên một cũng ông thầy hai cũng ông thầy, làm anh vô cùng cảm động, chứng tỏ tình cảm của nó đối với anh dù trong hoàn cảnh sa cơ lỡ vận vẫn không thay đổi. Diên quý trọng sự chân tình của Cung nên cũng ừ ào cho nó vui lòng:

- Ủ! Tao sẽ có mặt nhưng cấm mày không được gọi điện nhắc lại lần nữa đó.

Trong máy nghe vẳng tiếng nói lớn của thằng Cung:

- Tuân lệnh! Ông thầy.

Diên mừng rỡ thấy cảnh thằng Cung gập hai chân lại, một tay đưa cao lên chào trong tư thế tác phong của người lính mà mỉm cười, trong lòng như dịu lại.

*

Từ ngày ly hôn với Ái, Diên cảm thấy mình thanh thản và nhẹ lòng hơn. Ái là người vợ mà anh kết hôn sau ngày di tản qua Mỹ từ nhiều năm trước. Cô ấy là em gái của một người bạn cùng

làm trong một công ty của anh, trong một lần anh đến dự buổi sinh nhật con gái anh bạn thì gặp cô ở đó. Không đẹp lắm nhưng lại hoạt bát dễ gần, tạo cho người mới gặp cảm giác thân thiện. Anh bạn biết hoàn cảnh đơn chiếc của anh nên cũng vun vén thêm, thế mà thành đôi. Những ngày tháng sống hạnh phúc bên nhau không được bao lâu, anh mới thực sự khám phá ra mình và Ái có nhiều điểm không hợp nhau, nhất là tình cảm đối với gia đình mỗi bên. Ái rất hay mua sắm, ăn diện làm đẹp cho bản thân mình, đôi khi thật sự không cần thiết, điều này anh bỏ qua vì tiền làm ra là để tiêu xài chứ không phải ki bo gìn giữ, điều đáng nói là cách đối xử với gia đình hai bên thiên lệch đến mức cố chấp làm anh thật sự không hài lòng. Khi những người thân trong gia đình Ái cần trợ giúp điều gì cô ấy luôn tìm cách thỏa mãn còn bên gia đình anh có nhờ giúp đỡ cái gì đó thì cô luôn xỉa xói bới móc, nào là có tay có chân sao không biết làm, bộ nhà này là ngân hàng sao mà moi móc mãi thế, cô còn nói nhiều câu thật khó nghe nhưng anh cố nhẫn nhịn. Cha mẹ anh mất đã lâu, chỉ còn có anh em ở quê nhà. Đứa cháu con thằng em cần chút tiền đóng học phí đại học, đứa cháu gái kết hôn về nhà chồng chẳng lẽ không có chút tiền gọi về mừng cháu

trong ngày vui của nó? Toàn là những việc cần phải làm cả. Lúc đầu anh chỉ im lặng, nhẹ nhàng giải thích nhưng về sau càng lúc càng xung đột, rồi những lời lẽ khó nghe được tuôn ra, gặp mặt nhau mỗi ngày mà không khí sao nặng nề quá, thôi thì ly hôn cũng là một phương sách vẹn toàn để cả hai tránh tổn thương nhau thêm nữa, hơn nữa giữa anh và Ái cũng không có con nên việc phân chia tài sản cũng thật dễ dàng. Như vậy cũng xong.

Diên chuyển nhà qua bang Virginia ở vì nó sát bên Washington DC, chỉ cách dòng sông Potomac, nối liền giữa hai tiểu bang là chiếc cầu Key. Cầu Key kiến trúc không có gì đặc biệt nhưng nó có những mái vòm uốn cong in hình trên dòng nước nên cũng khá thơ mộng và việc đi lại cũng thuận tiện không có gì trở ngại. Thay đổi chỗ ở, một là để thay đổi không khí tránh gặp mặt với người vợ cũ, hai là anh còn có một vài quan hệ, những mối làm ăn nên không thể chuyển đi xa được. Diên mua một căn hộ nhỏ khá khang trang và sạch sẽ, nơi ở mới cũng gần với công việc mới của anh đang làm.

Diên chọn Virginia để sống còn vì anh thích không gian gần gũi với thiên nhiên và nhất là nơi đây gắn liền với câu chuyện đầy nhân văn

trong cuộc chiến tranh Nam Bắc Mỹ. Anh không phải là người đam mê lịch sử, nhất là lịch sử Mỹ nhưng anh thấy cuộc chiến tranh Nam Bắc Mỹ có cái gì đó mà mọi người cần phải học hỏi và ghi nhớ. Nếu những ai quan tâm đến những gì xảy ra của xứ Cờ Hoa thì đây là cuộc chiến đẫm máu nhất của lịch sử nước Mỹ, trong cuộc nội chiến Nam Bắc Mỹ bắt đầu từ ngày 12/4/1861 và kết thúc vào ngày 9/5/1865 với hơn 970.000 người chết. Chiến tranh đã để lại những cảm xúc khác nhau trong lòng người dân Mỹ cũng như những lý giải, tranh cãi của các nhà sử học về nguyên nhân và những khía cạnh khác nhau của cuộc chiến tranh tàn khốc và bi thảm này.

Diên không quan tâm đến những điều đó lắm bởi anh không phải là nhà sử học cũng không phải là người Mỹ, điều mà anh quan tâm đó là thái độ, cách hành xử của bên thắng cuộc với bên thua cuộc kia.

Khi phòng tuyến cuối cùng bị phá vỡ, tướng lãnh đạo liên bang miền Nam Robert Edward Lee tuyên bố đầu hàng tướng Grant chỉ huy quân đội liên hiệp miền Bắc. Trong buổi gặp gỡ, Tướng Grant đã trao cho tướng Lee một tờ giấy ghi những điều khoản trong đó có những nội dung nói về binh lính miền Nam:

- Không bị coi là phản quốc và không phải ở tù.
- Chính phủ coi binh lính miền Nam là những công dân bình thường nếu họ chấp hành tốt luật lệ.

- Được mang ngựa và lừa về nhà để giúp gia đình cày cấy vào mùa xuân.

Sau khi xem qua những điều tướng Grant vừa viết, tướng Lee nói:

- Những điều này sẽ có tác động tốt đến quân sĩ của tôi. Chúng sẽ góp phần quan trọng trong việc hòa giải dân tộc chúng ta.

Tướng Lee cho biết ông sẽ trao trả những tù binh miền Bắc vì ông không có đủ lương thực cho họ. Tướng Grant đáp lại rằng ông sẽ gửi ngay cho binh lính miền Nam 25.000 phần lương thực khô. Ông cũng ra lệnh cho in 28.231 giấy phóng thích cho binh lính miền Nam.

Tướng Lee và tướng Grant đã đi vào lịch sử nước Mỹ như một huyền thoại. Người ta nói rằng sau cuộc gặp gỡ ở làng Appomattox giữa hai vị tướng có bàn tay đạo diễn của Tổng thống Abraham Lincoln. Ông thường nói rằng ông mong muốn cuộc chiến kết thúc trong sự khoan dung. Tổng thống Lincoln và tướng Grant đã có cuộc gặp nhau hai tuần trước đó trên chiến hạm River Queen ở sông James. Họ đã thảo luận rất

lâu về cách thức kết thúc chiến tranh và những xáo trộn có thể xảy ra trong thời kỳ hậu chiến. Tổng thống Lincoln đã nói với tướng Grant: *“Hãy để họ buông súng một cách thoải mái”*.

Tướng Robert E. Lee đã đầu hàng quân đội Liên hiệp miền Bắc tại Appomattox, bang Virginia. Nhưng điều đáng trân trọng, chính là thái độ, cách hành xử của phe thắng trận dành cho vị tướng bại trận miền Nam này là sự kính trọng, chân thành và không chút hận thù.

Diên miên man nghĩ đến sự kết thúc chiến tranh Việt Nam sau cuộc nội chiến Hoa Kỳ gần một thế kỷ, nếu kết thúc theo chiều hướng tích cực hơn có lẽ anh và My không cách biệt nhau, tìm nhau chờ đợi nhau mỗi mòn đến thế.

Mỗi lúc có thời gian, Diên thường chạy xe dọc theo sông Potomac tìm chỗ dừng chân thư giãn, khác với Washington DC, Virginia có nhiều cao ốc nhưng dọc theo sông khung cảnh gần gũi với thiên nhiên rất nhiều, chạy dài theo bờ sông là những rừng cây thấp và những bãi cỏ xanh ròn khoáng đãng, những ngày cuối tuần cư dân thường ra đây tổ chức picnic vui chơi hay câu cá. Anh thường chọn một băng ghế trống, hướng nhìn ra bờ sông. Ngồi ở đây anh có thể thấy được những tiếng reo hò thích thú khi có một bạn trẻ

câu được con cá to. Sông Potomac có rất nhiều cá, có lẽ do môi trường trong lành và người ta coi việc câu cá là thú vui tiêu khiển hơn là tìm nguồn thực phẩm cải thiện bữa ăn. Ở đây anh có thể nhìn thấy tiếng ồn ào của mấy cánh chim sất bay lên và đáp xuống ở phi trường John Foster Duller, ở đây anh có thể nhìn thấy chiếc du thuyền Odessey khởi hành từ bến tàu Georgetown đưa du khách xuôi ngược dòng Potomac ngắm cảnh mỗi ngày... Tất cả những điều đó làm lòng anh cảm thấy nhẹ nhàng bình thản như đang thấy cảnh sinh hoạt trên dòng sông Tiên quê nhà, lâu lắm rồi thì phải, anh chưa về tắm mình trên dòng sông ấu thơ ngày ấy. Năm tháng đã đi qua, anh không còn tìm thấy nét thanh xuân, những ước mơ thời tuổi trẻ mà anh cùng đồng đội năm xưa những khi hành quân trong rừng sâu núi thẳm mong có một ngày hòa bình sẽ thực hiện, tất cả chỉ còn là khói sương trước mắt.

*

Diễn đến nơi họp mặt gần tới giờ khai mạc. Nơi diễn ra buổi họp mặt là hội trường rộng lớn của một tờ báo Việt lâu đời ở Virginia. Anh gửi xe vào bãi rồi thông thả đi tới cổng, Cung đứng trước hội trường từ bao giờ, mắt ngó dáo dác, thấy anh bước tới thì mừng ra mặt. Cung nắm

tay anh bước nhanh vào trong, hội trường đầy những người là người.

- Tôi sợ ông thầy không tới, tôi không biết nói sao với người này nữa. Họ tha thiết muốn gặp ông thầy một lần.

Diên hò hững:

- Muốn gặp tao hả? Tao có quen với họ à?

- Sao lại không quen. Thân thiết nữa là khác.

- Ai vậy?

- Gặp nhau ông thầy sẽ biết mà.

Lại là cách nói chuyện õm ò đáng ghét nhưng thôi trách cứ nó lúc này làm gì, không phải lúc. Len lỏi qua những hàng ghế đã đủ người, tới một dãy ghế phía bên phải tôi thấy vợ Cung đang ngồi với một người phụ nữ, vợ Cung quay mặt lại thấy tôi mặt lộ vẻ vui mừng, cô khẽ chào tôi rồi đứng lên nói:

- Anh Diên đến thật đúng lúc. Em giao chị ấy lại cho anh nhé.

Rồi cô nhanh nhẹn bước ra đi theo Cung đến một chỗ khác. Diên ngạc nhiên chưa biết điều gì đang xảy ra. Người phụ nữ quay mặt lại, nhìn Diên tươi tắn nói:

- Ngồi xuống đi anh Diên.

Diên nhìn người phụ nữ trước mặt mình, anh sững sốt nhìn cô không chớp mắt. Một luồng

điện như vừa chạm vào người anh làm anh đứng như trời trồng, làm sao quên được gương mặt ấy đã in sâu vào tâm trí anh mấy mươi năm về trước, anh tưởng mình sẽ không bao giờ còn gặp lại, anh nói như đang sống trong giấc mơ nào đó:

- My, phải My đó không?

- Em đây, My của anh đây Diên ạ.

Diên ngồi xuống ghế trống của vợ Cung bỏ lại, nói trong vẻ xúc động mạnh:

- Anh không ngờ còn được gặp My ở chốn này. Sao vợ chồng Cung không nói trước với anh tiếng nào cả. Cái thằng bậy quá.

My thanh minh giùm cho Cung:

- Chính em đã nói với vợ chồng cậu ấy đừng nói để tạo cho anh sự bất ngờ đó mà.

Diên mừng quá, cầm nhẹ bàn tay My. Bàn tay vẫn nhỏ nhắn mềm mại như ngày nào. Diên không thể quên được lúc anh nằm mê man sốt cao ở quân y viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ trong một trận đánh lớn ở Hòa Lựu Chương Thiện, anh bị thương khá nặng, chính người nữ y tá này đã chăm sóc anh hết sức chu đáo tận tình. Khi anh tỉnh dậy, anh thấy bàn tay mình đang nằm trong lòng bàn tay của My, cô gằn như thức suốt đêm để chăm sóc anh, một sĩ quan thương binh mà cô không hề quen biết. Chính tấm lòng nhân ái đó

mà trong những ngày nằm ở quân y viện, tình cảm của anh dành cho My tăng lên một cách chân thành. Trước khi rời quân y viện trở lại đơn vị, anh đã thổ lộ tình yêu của mình với My, lúc đó cô chỉ biết im lặng rồi ngả đầu vào người anh không nói. Cuộc chiến sau đó đã lôi cuốn anh đi trên khắp chiến trường, càng lúc càng khốc liệt, đôi ba cánh thư viết vội trong mấy cuộc hành quân, những cánh thư hồi âm nhận được muộn màng, xa cách chỉ làm cho sự nhớ thương càng tăng lên...

- Làm sao em biết tin của anh? Đã biết sao em không liên lạc với anh ngay chứ. Anh nghĩ kiếp này chắc chúng ta không còn có dịp gặp nhau nữa. Em nói cho anh biết đi.

My nhìn anh với đôi mắt hiền dịu:

- Là một dịp thật tình cờ thôi anh à. Liên - vợ Cung - là chị em bạn dì của em. Cũng mới đây thôi trong một lần qua Cali thăm mẹ em, em có cho Liên xem album ảnh mà em còn lưu giữ khi vượt biển mang theo. Anh có nhớ lúc anh chia tay em ở quân y viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ để trở về đơn vị không, em có nhớ một anh bác sĩ quen cùng khoa chụp giùm hai đứa mình một tấm hình không?

Diên à lên một tiếng. Anh nhớ rồi, nhưng lúc đó anh đã trở về đơn vị nên không thấy được nó.

My tiếp tục nói:

- Khi nhìn thấy tấm hình này, Liên ngờ ngợ như gặp được anh ở đâu nên hỏi em người lính chụp chung với em là ai. Em nói đó là anh Diên người yêu của em hồi đó. Liên hỏi kĩ càng nguyên nhân hai người gặp nhau, rồi vì sao hai người không đến được với nhau. Liên còn hỏi em có còn nghĩ đến anh không? Đương nhiên là em nói có rồi. Sau đó Liên mới nói thật với em nếu em không còn nghĩ đến anh nữa thì thôi không hé lộ tung tích của anh làm gì, vì như thế sẽ có lợi cho cả hai. Khi biết em còn yêu anh, Liên mới thổ lộ anh vẫn còn sống và là anh kết nghĩa với vợ chồng Liên, em đã mừng biết là bao nhiêu anh biết không, nhưng cố nén lòng mình lại. Chính vợ chồng Cung đã tạo điều kiện cho hai đứa mình gặp lại nhau đó anh.

- Hèn chi nó cứ điện nằng nặc kêu anh đến buổi họp mặt cho bằng được mà không nói rõ lý do làm anh bực mình và thất vọng mãi.

My chợt hỏi:

- Ngày đó anh đang ở đâu sao không đi tìm em?

Diên nói với My sáng 30 tháng 4, ngày đó trung đội anh còn đang đánh nhau ở Long Khánh. Khi nghe tin Sài Gòn thất thủ, trung đội anh chạy ra Vũng Tàu tìm được một chiếc tàu nhỏ vượt biển

may mắn gặp hạm đội 7 của Mỹ đưa vào trại tị nạn Philippine, sau đó được bốc qua đảo Guam rồi từ đó lần lượt đi định cư ở Mỹ. Anh cũng kể cho My biết anh từng tìm kiếm thông tin của My nhưng chỉ là bóng chim tăm cá, rồi anh cũng có một lần kết hôn nhưng gia đình không hạnh phúc, đã ly hôn hơn năm năm rồi.

Diên hỏi hoàn cảnh của cô. My cũng cho anh biết sau ngày đó họ vào tiếp quản quân y viện, đuổi hết các thương bệnh binh ra khỏi quân y viện. Cô cũng rời bỏ nhiệm sở từ đó, về quê ở Gò Công rồi cả nhà theo tàu đánh cá của người anh vượt biên. Qua đây cô đi học lại rồi tiếp lo cho mấy em đi học, hơn nữa hình ảnh của Diên còn trong trái tim của cô nên cô không nghĩ đến việc lập gia đình.

Diên cảm động không nói nên lời, cầm tay My rung rung nước mắt:

- Anh cảm ơn My luôn nhớ đến anh, suốt cuộc đời này anh không biết làm thế nào bù đắp hết tình yêu của My dành cho anh.

My chớp chớp mắt:

- Mình còn được gặp lại nhau âu cũng là duyên phận anh ạ.

Cả hai cứ thế nói với nhau hết chuyện này qua chuyện khác mà không biết buổi họp mặt đã kết thúc bằng một lời cảm từ ngắn của ban

tổ chức và những tiếng vỗ tay của những người có mặt trong hội trường, ban tổ chức mời mọi người ra nhà hàng gần đó để nhập tiệc, tất cả đã sẵn sàng những lời nói thăm hỏi chúc tụng nhau trong những cái cụng ly vui vẻ. Diên lặng lẽ nắm tay My rời khỏi hội trường ra xe. My hỏi đi đâu vậy anh, Diên chỉ nói nhỏ vừa đủ cho My nghe, ra ngoài này có lẽ thú vị hơn em à, chẳng phải chúng ta cần nhiều thời gian để nói chuyện với nhau hơn là ở trong cái không khí ồn ào náo nhiệt này phải không? My gật đầu không nói gì, ngoan ngoãn bước theo anh rời khỏi đám đông.

Diên đánh xe ra khỏi khuôn viên tòa báo, chạy một đoạn ngắn rẽ trái ra đường lớn chạy dọc theo bờ sông Potomac về phía thượng nguồn một đoạn khá xa, dừng lại một khoảng đất trống đầy cỏ và những tán cây thấp, chọn một chiếc băng gỗ trống không người ngồi, kéo My ngồi xuống rồi anh cũng ngồi bên cạnh My một cách lặng lẽ. Bây giờ trời đã vào thu, những chiếc lá vàng và đỏ lẫn trong sắc xanh của rừng cây thấp đan xen vào nhau tạo nên khung cảnh thiên nhiên đầy màu sắc. Mỗi khi có một làn gió mạnh thổi qua, những chiếc lá lìa cành cuộn lấy nhau tạo thành một trận mưa lá vất ngay bầu trời trong vắt và mùi hương từ những loài hoa

dại, thảo mộc ven đường làm người ta như chìm đắm vào một khu rừng cổ tích nào đó. Bên bờ bắc thuộc Washington DC cũng thế, một màu vàng óng ả xen lẫn màu tím đỏ của rừng cây ven sông trong buổi chiều tà, tạo nên một khung cảnh thật ngoạn mục.

My như ngợp thở trước một không gian đầy lãng mạn, hít vội vào lồng ngực mình cái không khí dịu ngọt đậm đà đến một cách đột ngột, nó sao ngọt ngào say đắm đến thế. Diên lặng im nhìn My một cách dịu dàng xen lẫn thích thú, anh hiểu được tâm trạng của My lúc này. Cả hai cùng im lặng ngắm nhìn cảnh hoàng hôn đang xuống dần trên dòng Potomac.

My chợt hỏi anh:

- Hình như đây là nơi anh thường đến?

Diên chậm rãi trả lời:

- Phải! anh thường đến nơi này tìm một sự tĩnh lặng khi có thể.

- Vì sao?

- Em có thấy trước mắt mình là dòng sông không?

- Em biết.

- Đó là sông Potomac bốn mùa trong xanh hiền hòa, nó là một trong những con sông dài nhất nước Mỹ, Potomac khởi nguồn từ tiểu bang West Virginia và lần lượt chảy qua các tiểu bang

Maryland, Virginia và Washington DC. Đoạn sông chảy qua Virginia là dài nhất, bởi khi vào tới tiểu bang Virginia, dòng sông uốn khúc nhiều lần khi nối với các phụ lưu nhỏ và mỗi lần tiếp nhận thêm một phụ lưu, dòng sông lớn hơn cho tới khi chạm mặt với thủ đô Washington DC thì dòng Potomac đã trở nên mênh mông khi xuôi về phía Nam đổ vào vịnh Chesapeake rồi hòa vào Đại Tây Dương. Hơn một thế kỷ trước, con sông này từng là chứng nhân cho cuộc chiến tranh Nam Bắc Mỹ với hàng triệu người chết, nhưng kết thúc lại đây nhân văn đến nay như một huyền thoại, mấy mươi năm sau nó cũng lại là chứng nhân trong một việc khác: nó chứng kiến ngọn lửa bùng lên từ tấm thân của người đàn ông tên Norman Morrison, anh tự hủy diệt mình trước Bộ Quốc phòng Mỹ để phản đối chiến tranh Việt Nam, và ngày nay, hằng ngày soi mình trên dòng sông Potomac là tượng đài tưởng niệm cựu chiến binh Mỹ đã hy sinh ở Việt Nam. Tượng đài là một bức tường đá bằng cẩm thạch đen cắm sâu vào lòng đất tạo thành hình chữ V, trên bức tường khắc ghi tên những quân nhân Mỹ đã tử trận trong cuộc chiến ở Việt Nam. Hầu như bất cứ lúc nào người ta cũng thấy có nhiều người đến viếng thăm, họ đứng trầm tư rất

lâu và đặt hoa dưới chân tượng đài. Lấy tay dò tìm tên của người thân hoặc bạn bè của mình đã hy sinh ở một xứ sở lạ lùng bên kia bờ Thái Bình Dương. Anh cũng thường đến đây những dịp có thể, nghiệm ra rằng tất cả các cuộc chiến tranh đều vô nghĩa, nó cướp đi biết bao sinh mạng của con người vì một điều gì chứ?

My im lặng không nói gì, cô tôn trọng những suy nghĩ của anh, Diên tiếp tục dòng cảm xúc của mình:

- Mỗi lần ra đây ngồi nhìn dòng Potomac hiền hoà chảy xuôi về biển là anh lại nhớ đến dòng sông Tiền quê mình, nơi dòng sông bắt đầu đi vào đất Việt, Hồng Ngự nơi anh chào đời, nó cũng hiền hoà trong xanh như thế, nó chảy qua bao thành phố miền quê nước Việt thân yêu chảy đến vùng đất cuối cùng Gò Công quê em trước khi hòa vào biển Đông. Tại sao người ta lại biến nó thành dòng sông đầy chết chóc và tang thương, những con người sống trên hai bờ sông này có tội tình gì phải hứng lấy nỗi khổ đau mất mát chia lìa, những thù hận dai dẳng đến thế. Ngồi mà nhớ đến My, người con gái Gò Công mà anh luôn tưởng nhớ không biết còn hay mất, lưu lạc đến chân trời góc biển nào mà lòng không nguôi thương nhớ.

My chớp mắt cảm động:

- Anh nhớ thương em đến vậy sao?

- Khi người ta đánh mất thứ gì quý giá nhất, người ta mới thấy rõ nó quan trọng với mình đến nhường nào em biết không?

Bông Diên như chợt nhớ ra điều gì, anh lần vào trong chiếc áo vest lấy ra một cuốn sổ tay mà mỗi lần anh đi đâu thường đem theo nó để tiện ghi chép những gì mà anh cảm nhận được, nhiều khi ghi thế không biết để làm gì, nhưng đã trở thành thói quen không thể bỏ được, lựa trang giấy trắng rồi hí hoáy viết lên đó. My im lặng không nói, chỉ nhìn ra bờ sông. nắng chiều đã dịu xuống từ lâu, một làn gió mát thổi qua làm lao xao cành lá. Có tiếng chim hót đâu đây trên một tàng cây gần đó, không gian êm đềm quá. Một lúc lâu, My quay sang nhìn Diên tò mò hỏi:

- Anh viết gì lâu thế?

Diên không ngược lên, trả lời nhẹ nhàng:

- À! Anh đang viết bài thơ ấy mà.

- Để làm gì?

- Tặng em đọc cho vui nhân ngày chúng ta gặp lại nhau trên xứ người.

My cười hỏi:

- Thơ của anh à?

- Ô! Không phải thơ anh, thơ của một nhà thơ Việt Nam đang sống ở Virginia, viết về sông Potomac, anh đọc đã lâu, thấy hình như ông ta đang viết về mình. Xong rồi em đọc thử xem.

My tò mò không biết bài thơ viết gì, cầm lấy tờ giấy Diên vừa rút khỏi cuốn sổ tay đưa cho cô, cô đọc khẽ:

*Khi dừng lại bên dòng Potomac
Em bên tôi vẫn rất dịu dàng
Gió lồng lộng cả một trời đông bắc
Tóc em bay trong nắng thu vàng.*

*Và như thế mình đi và đã đến
Mình đã tìm và gặp được dòng sông
Tôi ngồi xuống để nghe sông hát
Và đứng lên ôm lấy mặt trời hồng.*

*Và như thế mình đi và đã đến
Đã bên nhau thủy tận sơn cùng
Tôi nằm xuống để nghe đất thở
Tạ ơn đời độ lượng bao dung.*

*Khi dừng lại bên dòng Potomac
Tôi và em nhìn lại quê nhà
Buồn hiu hắt thương về chốn cũ
Phía chân trời đã mịt mù xa*.*

- Ủ! Bài thơ buồn mang tâm trạng của người xa xứ, sao giống tâm trạng của mình đến thế anh nhỉ. Nhìn dòng sông nước vẫn trôi mãi miết em cũng tự hỏi không biết nơi đâu là chốn quê nhà?

- Nhưng mình cũng đã đi và đã đến, cuối dòng sông mình đã gặp được nhau rồi không phải sao em?

Ông Diên quay sang My, tay nhẹ nhàng quấn lại chiếc foulard trên cổ My cho kín hơn, mùa này về chiều gió nhiều có thể làm My cảm lạnh. My cảm nhận sự chăm sóc của người bạn bên cạnh ngả đầu vào vai anh nói nhẹ:

- Sớm mai em sẽ bay về Cali.

- Anh biết. Bao giờ mình gặp lại nhau?

- Chắc cũng sớm thôi. “Về thu xếp lại” mà. Anh còn nhớ câu này trong một bài hát của Trịnh Công Sơn không?

- Anh nhớ chứ. Cái gì cuối cùng rồi cũng phải thu xếp lại, nhưng đằng sau việc thu xếp đó là gì em nhỉ? Sự an yên của cuộc đời đầy đông bão, niềm hoan lạc được tìm thấy hay nỗi muộn phiền khôn nguôi của một kiếp người?

- Tất cả đều có sự sắp xếp của tạo hóa anh ạ.

Trên sông Potomac, chiếc du thuyền Odessey đang trở về bến đỗ của nó sau một chuyến đưa

khách du ngoạn trên sông. Chiếc du thuyền nhẹ nhàng trôi trên sông dưới ánh nắng chiều vàng thẫm làm My mừng tưởng đến một cánh chim đang bay về tìm tổ ấm của mình sau một ngày vất vả cực nhọc kiếm ăn.

My muốn thời gian như dừng lại trong lúc này để cô cảm nhận được hạnh phúc đến gần với cô hơn bao giờ hết và hình như cô cũng cảm nhận được tâm trạng của Diên cũng giống như thế.

Ngoài kia, sông Potomac vẫn lặng lẽ trôi một cách êm đềm.

*Bài thơ “Khi dừng lại bên dòng Potomac” của Phạm Cao Hoàng

Tám thẻ bài

Miên đến bàn, ngồi xuống ghế và bật máy để
nghe bài hát *Somewhere, my love*, tiếng hát
của nữ ca sĩ Connie Francis lại cất lên:

*Somewhere, my love,
There will be songs to sing
Although the snow
Covers the hope of spring.*

*Somewhere a hill
Blossoms in green and gold
And there are dreams
All that your heart can hold.*

*Someday we'll meet again, my love.
Someday whenever the spring breaks through.
You'll come to me
Out of the long ago,
Warm as the wind,
Soft as the kiss of snow.*

*Till then, my sweet,
Think of me now and then.
God, speed my love
Til you are mine again.*

Mỗi lần gặp một điều gì đó làm anh xúc động mạnh, cảm thấy bứt rứt khó chịu, anh thường bật máy nghe lại bài *Somewhere, my love*. Bài hát này anh đã nghe đi nghe lại biết bao lần, mỗi lần nghe lại có một cảm xúc khác nhau mà anh không thể lý giải nổi do ca sĩ Connie Francis hát trong bộ phim *Bác sĩ Zhivago*. Nó như một dòng suối mát chảy qua cánh đồng khô hạn, làm tươi mát một vùng đất chịu nhiều tai ương, hay ít ra nó như cơn mưa rào bất chợt làm dịu đi cái nắng hanh hao của một mùa hè oi nồng rát bỏng. Tâm hồn anh hình như được làm dịu đi những lúc con sóng ngầm vừa âm ào vừa giận dữ nổi lên trong lòng anh.

Anh vẫn còn nhớ như in cái ngày anh được về phép, anh rủ Hà – người yêu của anh - cùng đi xem hát sau một buổi chiều bát phố rong chơi đây đó. Ngày ấy Hà đang học năm thứ hai Đại học Sư phạm, còn anh đang là một người lính của miền Nam. Chiến tranh đang đến hồi khốc liệt trên khắp các vùng chiến thuật. Hôm đó rạp

chiếu bộ phim “Bác sĩ Zhivago”, một tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Nga Boris Pasternak được đạo diễn David Lean chuyển thể thành bộ phim nhựa có nhiều tình tiết đầy cảm động. Bộ phim “Bác sĩ Zhivago” kể về cuộc đời nhiều thăng trầm của một trí thức Nga trong thời kỳ đầy xáo động của Cách mạng Nga năm 1905 và cuộc nội chiến dai dẳng tranh giành quyền lực giữa Hồng quân và phe Bạch vệ (1917-1922) sau đó. Chàng Yurii Zhivago theo học ngành y và theo lời trăng trối của mẹ, anh kết hôn với nàng Tonia, nhưng khi ra chiến trường làm bác sĩ, chàng đã gặp và yêu Lara, một nữ y tá đã có chồng là một thầy giáo. Mối tình của Zhivago và Lara đã kéo dài qua những năm khốn khó của nước Nga khi bão táp cách mạng và cuộc nội chiến khốc liệt đã làm tan hoang tất cả mọi thứ trong cuộc sống của con người. Cuối cùng Zhivago chết trong một cơn đột quỵ trên một chuyến tàu đang di chuyển, Lara chỉ tìm được anh khi anh đã mất. Lúc ấy Hà đã nói: Phim buồn quá anh ạ. Miên nhớ mình đã nắm tay Hà như muốn truyền hơi ấm và sức mạnh niềm tin sang cô, anh nói: Buồn nhưng cảm động. Họ đã có những gì họ muốn, họ được sống gần nhau trong những giây phút gian khổ nhất của kiếp người, dù thế gian có chia

cắt họ nhưng tâm hồn họ luôn hướng về nhau, em không thấy sao?

Ngoài trời, tuyết vẫn rơi. Anh nhìn qua khung cửa sổ. Hơi lạnh đã làm cho mấy tấm kính mờ đục không còn trông thấy rõ nữa, nó như phủ một lớp sương mỏng mờ ảo, hình ảnh bên ngoài cũng nhạt nhòa đi không rõ nét, nhưng anh vẫn cảm nhận được mấy cái cây trồng trước nhà mình phủ đầy tuyết uốn theo thế, những nhánh cây tạo nên nhiều hình thế lạ lẫm mà chắc bình thường anh cũng không thể nào hình dung tưởng tượng được nhưng trông nó đẹp lạ lùng làm sao. Con đường phía trước ngập đầy tuyết đang được nhiều công nhân dùng máy cào tuyết để mặt đường thông thoáng hơn, cho xe cộ có thể di chuyển được. Mấy thằng bé nhà hàng xóm hôm nay không thấy ra đường đùa nghịch nữa, chúng cũng không còn dùng tuyết nắn những hình tượng mà chúng yêu thích như ông già Noel, bà chúa tuyết hay cô bé quàng khăn đỏ hay gì gì đó mà chúng được đọc trong các chuyện cổ tích hay được người lớn kể cho nghe, có lẽ trời lạnh quá hay chúng đã nhàm chán mấy trò chơi vô bổ này rồi cũng nên. Không thấy bọn trẻ, Miên có cảm giác hơi buồn, cảm giác khung cảnh mùa đông trước nhà sao trở trọi buồn tẻ quá. Trời còn

sớm nhưng tuyết rơi nhiều nên không gian thật âm đạm lạnh lẽo, vắng vẻ, cũng may hôm nay anh xong công việc sớm nên xin phép về trước, nên cũng không đến nỗi tắc đường vì tuyết.

Thời tiết năm nay hình như có vẻ bất thường, cái lạnh, tuyết rơi đến sớm hơn mọi năm và cũng dày hơn. Mấy tiểu bang vùng đông bắc Hoa Kỳ nơi anh đang ở, mùa đông tuyết rơi dày là chuyện bình thường mà. Miên chợt cầm tấm thẻ bài lên ngắm nghía mà tâm trạng để tạt đâu đâu, không vui cũng không buồn, có lẽ cảm xúc anh đã dần chai đi khi cuộc đời mình đã trải qua nhiều nỗi cùng cực quá sức chịu đựng chẳng, chính bản thân anh cũng không biết nữa. Chiều nay khi đi làm về, người chủ nhà đưa cho anh một gói quà, bảo bưu điện vừa gửi đến và hỏi một câu xã giao: Chiều nay ông về sớm? Anh trả lời nhẹ nhàng: Vâng! Công việc không nhiều. Cảm ơn bác về gói quà mà bác đã nhận giùm. Tên người nhận đúng là anh rồi, còn tên người gửi - Một cái tên Mỹ lạ hoắc. Của ai thế? Tuy có hơi thắc mắc nhưng anh vẫn làm ra vẻ vui đón lấy, trong lòng không gợn lên chút cảm xúc khái niệm nào. Từ lâu rồi hình như không ai gửi thơ hay một cái gì đó cho anh, ngoài những món đồ vật vĩnh anh đặt từ các cửa hàng, siêu thị cần thiết trong sinh hoạt hằng

ngày, anh hình như không còn tiếp xúc với thế giới xung quanh ngoài công việc hằng ngày để nuôi sống bản thân mình và cho cuộc tìm kiếm đầy vô vọng. Anh lấy chiếc kéo nhỏ cắt dây xung quanh ràng buộc món đồ. Khi mở chiếc hộp gỗ ra, một vật kim loại rơi xoảng xuống đất, nhìn hình dáng giống như một tấm thẻ bài, anh cúi xuống nhặt lên, mặt có vẻ ngạc nhiên xúc động.

Đúng là tấm thẻ bài. Ngón tay cái của anh mân mê, rà theo từng mẫu tự, con số được dập nổi trên bề mặt tấm thẻ, miệng lầm bầm đọc lên từng con số, từng con chữ trên đó. Thật ra anh có thể nhắm mắt đọc không sót một từ một số nào trên tấm thẻ bài mà không cần dùng ngón tay để rà lên đó làm gì, vì tấm thẻ bài này một thời từng là máu thịt của anh, gắn bó với anh trong suốt cuộc chiến tranh xảy ra ở Việt Nam, cái tên, năm nhập ngũ, số quân, nhóm máu mà bất cứ người lính nào trong hàng ngũ của anh cũng phải thuộc nằm lòng, nó là vật bất ly thân trừ khi người lính ấy ngã xuống. Từ lâu anh đã quên nó, hình như nó không còn tồn tại trong cuộc đời đầy khốn khổ cay đắng của anh từ khi tàn cuộc chiến, những người lính như anh chấp nhận tan hàng rã ngũ trong trạng thái đốn đau nhức nhối. Anh cũng như bao người lính của miền Nam khi ấy, phải

ra trình diện nhà cầm quyền để học tập đường lối chính sách của bên thắng cuộc trong một vài ngày theo như lời họ nói. Vậy mà với thân phận một sĩ quan bộ phận tâm lý chiến, anh đi học tập một lèo hết sáu bảy năm trời, qua nhiều trại cải tạo khác nhau, từ miền Nam đến miền Bắc, từ Suối Máu, Bù Gia Mập đến dãy Hoàng Liên Sơn quanh năm sương mù bao phủ, bạn bè anh nhiều người không chờ đợi được ngày về đã bỏ cuộc, nằm xuống. Hà không thể chờ đợi anh lâu như thế, đã theo gia đình vượt sóng trong một ngày mưa gió bão bùng như anh nghe lời một người bà con của nàng sau này kể lại. Anh về trong một tâm trạng mệt mỏi, rã rời tuyệt vọng, bệnh tật, cố gắng làm đủ mọi nghề để tồn tại, chờ đợi. Rồi chương trình HO do Mỹ đề xướng cũng đến, anh hy vọng sẽ đi nhưng rồi hồ sơ bị gác lại. Anh vẫn còn nhớ rất rõ gương mặt người nhân viên Mỹ phụ trách phỏng vấn anh, ông ta giải thích vì giấy trả quyền công dân của anh chỉ là bản copy, không phải bản chính, anh đã cố gắng giải thích cho ông ta hiểu đã thất lạc đâu đó không tìm được và bản copy cũng là một bằng chứng kia mà, nhưng ông ta lắc đầu nói: Xin lỗi, tôi không giúp được gì cho anh vì tôi chỉ là người thừa hành, làm đúng theo chỉ thị của cấp trên mà

thôi. Anh cay đắng bỏ lại tấm thẻ bài của mình trên bàn làm việc của người Mỹ phỏng vấn anh, quày quả bước ra trong nỗi giận dữ tuyệt vọng. Anh tìm cách vượt biên, thất bại vào tù, lần thứ hai rồi lần thứ ba cuối cùng anh cũng vượt thoát.

Trong chiếc hộp còn có một bức thư, anh mở ra xem. Nội dung bức thư làm cho anh có chút ngạc nhiên, thì ra ông ấy vẫn còn nhớ đến mình?

Cali,...

Thưa ông

Trước hết tôi xin thay mặt cha tôi - ông Bill W. Clinton - Một người đã mất, được xin lỗi ông, dù có hơi muộn. Như ông biết, ngày đó cha tôi không thể giúp gì cho ông trong chương trình HO vì hồ sơ của ông còn thiếu sót, không phải cha tôi không hiểu điều ông nói nhưng là một nhân viên ngoại giao, cha tôi phải tuân thủ các nguyên tắc mà chính phủ nước tôi đã qui định. Ông bỏ lại tấm thẻ bài thể hiện sự thất vọng to lớn của ông đối với chính phủ Mỹ mà ông cho rằng chính phủ tôi đã phản bội lại đồng minh. Cha tôi đã suy nghĩ rất nhiều và cảm thấy ân hận vì đã từ chối giúp đỡ ông. Sau này khi rời khỏi chức vụ ông vẫn giữ tấm thẻ bài này như một lời nhắc nhở, cảnh tỉnh mình. Cha tôi đã cố gắng tìm kiếm mọi thông tin nhưng vô vọng để trả lại tấm thẻ bài cho ông với một lời xin lỗi. Trước khi mất ông ấy đã giao lại nhiệm vụ

này cho tôi và hy vọng tôi hoàn thành ước nguyện của ông. Tôi đã cố gắng hết sức - thưa ông - cuối cùng tôi cũng có được thông tin của ông qua nhiều nguồn tin từ nhiều nguồn khác nhau. Xin chúc mừng ông vì cuối cùng ông cũng đặt chân được đến đất nước chúng tôi. Tôi xin trao trả lại tấm thẻ bài cho ông vì chỉ có ông mới có quyền giữ tấm thẻ bài này mà thôi.

Một lần nữa thay mặt cha tôi cho tôi gửi đến ông một lời xin lỗi. Chúc ông có một cuộc sống an lành và hạnh phúc.

Kính chào ông
Con một người đã mất.

J.C

Nhiều năm đã trôi qua, anh không còn nhớ mình đã đi qua những vùng đất nào để tìm Hà, có lần anh bất chợt hình như đã nắm được vạt áo của nàng nhưng chỉ là trùng tên, ngày tháng năm sinh vậy thôi. Cuộc đời sao có nhiều nỗi trớ trêu như thế, và anh vẫn sống, vẫn đi tìm những tin tức liên quan về Hà, về gia đình Hà nhưng vẫn bật vô âm tín. Không một tin tức gì về nàng, anh tìm thông tin về những người Việt ra đi, đăng trên báo Việt tìm người, gửi thư về quê nhà và những người quen cũ đều không nhận được sự trả lời. Hà như tan vào hư vô từ ngày tiễn anh vào trại cải tạo, có lẽ nào chúng ta chỉ biết tin nhau khi

một người đã mất. Anh chiêm nghiệm rằng khi tình yêu mang đầy đau khổ, kiếm tìm, chạy đuổi thì tình yêu ấy muôn đời bền vững trong tâm hồn mình dù rất nhiều mệt mỏi tuyệt vọng.

Đài dự báo thời tiết báo sẽ có cơn bão tuyết tràn qua miền đông bắc trong vài ngày tới làm Miên miên man chột nhớ đến cơn bão tuyết trong phim “Bác sĩ Zhivago” mà anh và Hà đã từng xem: Zhivago và Lara lần đầu tiên gặp nhau, đi bên nhau trong cơn bão tuyết, những ngày chiến tranh xảy ra khốc liệt lại là những ngày họ cảm thấy hạnh phúc nhất vì được sống gần bên nhau, họ là động lực của nhau, chiến đấu và làm việc, tất cả mọi việc vì tổ quốc thân yêu của mình. Anh và Hà có được cái hạnh phúc tuyệt vời nhưng vô cùng mỏng manh ấy không? Hoàn toàn không, không có gì cả ngoài những ký ức đau buồn luôn giằng xé tâm hồn anh. Trong chiến tranh sống trong chờ đợi, mỗi mòn, luôn lo âu trước một tin dữ từ chiến trường đưa về. Khi chiến cuộc tàn, lại phân ly tan rã. Cuộc tình chúng ta sao mà đau khổ đến thế? Hà còn sống trên cõi đời này hay vĩnh viễn biến mất không để lại một chút dấu vết trên trần thế? Mơ hồ trước mắt anh hiện lên một vùng biển động dữ dội, sóng cao như núi từng đợt từng đợt ập vào chiếc tàu nhỏ bé mỏng manh,

mang trong lòng nó những con người khốn khổ rời bỏ quê hương, nhà cửa, người thân để đi tìm vùng đất tự do, anh thấy gương mặt Hà đang nhìn anh đăm đăm, không tỏ vẻ gì run sợ trước cơn giận dữ của thủy thần, nàng phả vào trong anh những lời nói của Lara: “Vĩnh biệt anh yêu dấu và lớn lao của em, vĩnh biệt niềm kiêu hãnh của em, vĩnh biệt dòng sông nhỏ chảy xiết và sâu thẳm của em, em mới yêu tiếng sóng vỗ dạt dào hàng ngày của anh, em mới thích gieo mình vào các làn sóng mát lạnh của anh xiết bao?”⁽²⁾. Thật sao? Anh là niềm kiêu hãnh, là tiếng sóng vỗ dạt dào, là làn sóng mát lạnh mà em thích gieo mình vào đó, tận hưởng niềm hoan lạc vô biên đó sao? nhưng tại sao em không cùng anh nắm lấy tay nhau đi trọn cuộc đời mình trên mảnh đất đã trải qua nhiều nỗi đau thương bất hạnh này mà tận hưởng niềm vui, niềm khoái lạc của những kẻ yêu nhau, mỗi mòn chờ đợi nhau. Tại sao người ra đi không phải là anh mà lại là em, Hà ơi!

Trong giấc mơ nào đó Miên mong Hà vẫn còn sống, sống ở một nơi nào đó trên trái đất này, có được một gia đình và đàn con hạnh phúc. Có thể Hà đã quên anh rồi hay dù có nhớ anh, có yêu anh đến mấy, có nhận được thông tin của anh tìm kiếm nhưng nàng không muốn hồi âm, có lẽ

nàng muốn Miên nghĩ nàng đã chết để khỏi đau lòng, nấn ná, đợi chờ. Dòng nước đã trôi đi hãy để nó xuôi về biển cả mênh mông, níu kéo lại làm gì để khổ cho cả hai. Chắc nàng cũng muốn anh được hạnh phúc, muốn anh có một suy nghĩ về sự ra đi của nàng như sự ra đi của Lara ở cuối tác phẩm “Bác sĩ Zhivago”: “Một hôm Lara ra phố và không trở về nhà nữa. Chắc nàng đã bị bắt giữ ở ngoài đường, và nàng đã chết hoặc mất tích không rõ ở đâu, bị quên lãng dưới một con số vô danh trong những bản danh sách sau này bị thất lạc, tại một trong vô số trại tập trung hỗn hợp hoặc dành riêng cho đàn bà phương Bắc”.⁽³⁾

Bài hát đã hết từ lâu. Miên bật lại máy, âm điệu bài hát *Somewhere, my love* lại vang lên. Lần này Miên không còn cái cảm giác buồn thảm, cô đơn nữa. Anh khe khẽ hát theo:

*Somewhere, my love,
There will be songs to sing
Although the snow
Covers the hope of spring.
Somewhere a hill
Blossoms in green and gold
And there are dreams
All that your heart can hold...*

Một vài ngày nữa, thời tiết bớt lạnh, tuyết không còn rơi, Miên sẽ ra biển, sẽ ngồi lại đó rất lâu và trước khi ra về anh sẽ thả chiếc thẻ bài khắc tên mình xuống dòng nước trong xanh đó, thả nó về nơi nó cần đến và ngủ yên, một nơi bình yên để quá khứ được khép lại, một quá khứ không lấy gì vui vẻ và đầy phiền muộn. Nếu Hà còn luẩn quẩn ở một nơi nào đó trong muôn trùng, nàng sẽ hiểu lòng anh, tấm thẻ bài như tình yêu anh luôn mãi gần gũi Hà, sưởi ấm nàng trong tiếng ào ào của sóng biển, vỗ về an ủi nàng trong cô đơn lạnh lẽo và anh sẽ thầm nói: Tôi đâu có giận gì ông đâu thưa ông Bill.

(1): Dịch: Nơi nào đó, người yêu ơi. Sẽ có những bài hát được ca vang. Dù cho tuyết trắng có phủ đầy hi vọng về mùa xuân. Nơi nào đó trên ngọn đồi. Những đóa hoa xanh non và vàng rực. Và có những giấc mơ. Mà trái tim anh có thể ấm ủ. Ngày nào đó chúng ta sẽ gặp lại nhau, người yêu ơi. Ngày nào đó, bất cứ nơi nào mà mùa xuân tràn đến. Anh sẽ đến cùng em. Từ quá khứ xa xưa. Ấm áp như ngọn gió. Êm ái như nụ hôn của tuyết trời. Cho đến lúc đó, người yêu ơi. Hãy luôn nhớ về em. Chúa ơi, hãy thúc đẩy người yêu của con. Cho đến khi anh lại là của em.

(2): Lời của Lara khi đứng trước quan tài của Zhivago.

(3): Đoạn cuối của tác phẩm “Bác sĩ Zhivago”.

Còn xanh bóng núi

Thắm nhìn ra ngoài hiên, mặt trời đã đứng bóng từ lâu và đang chuyển dần về phía Tây, xa xa có thể thấy bóng của những dãy núi vùng Thất Sơn trập trùng xanh thẫm, áng chừng cũng đã 4 giờ chiều rồi cũng nên mà vẫn không thấy bóng dáng Tư đâu, cô có vẻ sốt ruột ra mặt, lẽ nào Tư muốn tránh mặt cô. Không thể nào, vì Thắm đâu có nói hôm nay mình lên đâu. Thông thường Thắm bắt xe từ Cần Thơ lên núi Cô Tô thăm cái gia đình nhỏ bé của Tư, tuy nghèo khó nhưng đầy ắp tiếng cười của con nít, nhằm ngày thứ bảy hay chủ nhật gì đó thường là những ngày bọn trẻ được nghỉ học ở nhà, mục đích là gặp được mấy đứa nhỏ, trò chuyện đùa vui rồi chia quà, sắp xếp quần áo, tắm rửa cho chúng, được nghe tiếng chúng gọi mẹ Thắm ơi mẹ Thắm à là cô thấy vui rồi. Mấy đứa trẻ ở với cha và bà nội nên hình như khát khao có được một người mẹ lắm để được săn sóc, chiều chuộng hoặc nhờ “Mẹ

Thẩm” phân xử coi đứa nào phải đứa nào trái, rồi phân bua nũng nịu được mẹ Thẩm thương, đôi khi làm cho cô ứa nước mắt và tội nghiệp cho bọn trẻ thiếu bóng dáng người mẹ trong cuộc sống hằng ngày nhưng không biết làm thế nào cho phải. Thấy cô nhìn ra ngoài sân mãi, thím Sáu cũng cảm thấy nóng ruột. Thẩm nhìn thím Sáu chép miệng:

- Hôm nay sao anh Tư lâu về quá thím Sáu?

Thím Sáu nhìn cô như muốn trấn an:

- Chắc nó về trễ một chút thôi mà, sáng nó đưa bọn trẻ xuống núi đi học rồi ghé qua vạt rẫy của ông Hai Choi hái tiếp bắp bán cho thương lái, sau đó mới qua rẫy nhà thu hoạch. Làm không hết việc chắc cũng sắp về rồi cũng nên.

Thẩm có vẻ buồn:

- Không lẽ anh Tư muốn tránh mặt con phải không thím?

- Không phải vậy đâu, cô đừng suy nghĩ lung tung, tính thằng Tư tui biết mà.

Thẩm nhìn thím Sáu rồi hỏi:

- Chuyện của con nhờ thím nói giúp với anh Tư, chẳng biết thím có nói giùm chưa?

- Hôm kia tôi có nói với nó ý định của cô rồi.

Thẩm có vẻ hồi hộp hấp tấp hỏi:

- Rồi anh Tư trả lời sao thím?

Thím Sáu nhìn cô ái ngại:

- Thằng Tư nín thình hà, có vẻ nó suy nghĩ lung lăm nhưng không nói gì rồi bỏ ra sau nhà nằm.

Thăm nghe thím Sáu nói vậy cũng buồn, cô thầm trách Tư: được thì nói được, không được thì nói không được chứ có gì nín thình không biết, ai biết anh muốn gì mà lẩn, cô không biết tâm trạng của Tư thế nào nhưng cô thật lòng muốn chung vai góp sức cùng anh nuôi mấy đứa nhỏ mà. Chợt hai người dừng nói chuyện, từ xa nghe có bước chân lạo xạo trên nền đá sỏi càng lúc càng lớn dần, rồi tiếng lách cách va quẹt với cành cây lá cỏ hai bên đường, thím Sáu trông ra ngoài rồi quay sang cô gái, thím nói:

- Thằng Tư sắp về rồi đó nghe. Ngày nào nó cũng lên núi để chăm sóc rẫy, xem có cây trái nào thu hoạch được đem về để sáng mai đưa xuống núi bán, hôm nay lại tiếp rẫy bắp cho người ta nên về trễ một chút thôi mà. Cực nhọc là vậy nhưng nó vẫn không màng, cố gắng làm để có đồng ra đồng vô nuôi tụi nhỏ. Mấy đứa ngày một lớn, lại còn lo chuyện học hành của chúng nữa chứ, cũng đâu thể để chúng sống trên núi này mãi được, phải tìm cách dời xuống chân núi để tụi nhỏ đi học thuận tiện hơn phải không cô?

Cô gái tên Thắm nhỏ nhỏ:

- Con cũng biết thế nên con bàn với thím cho con tiếp một tay nuôi tụi nhỏ, con thấy tụi nhỏ đáng thương quá cô à.

Thím Sáu chép miệng:

- Ý cô thì tui hiểu, cô là người dưng còn biết thương mấy đứa trẻ coi cú, không biết cha mẹ ruột mình là ai, thuở đời nay tại sao có những ông bố bà mẹ nhẫn tâm bỏ rơi nóm ruột của mình không biết, không biết lương tâm họ có một lần nào áy náy ăn năn không.

Thắm cúi mặt làm thinh, chẳng biết trong đầu cô nghĩ gì mà nét mặt rười rượi buồn không vui.

Tư đã vào đến nhà, Thắm vội đứng lên đỡ nhẹ quang gánh trĩu nặng trên vai Tư, anh cúi nghiêng mình thả đòn gánh xuống đất, ở hai đầu là những đồ rẫy mà anh mới thu hoạch được gánh về, cô thấy cả một buồng chuối xiêm lớn có mấy trái vàng ươm chín bói. Rồi bắt cải, su hào, rau núi mỗi thứ một ít. Tư lấy chiếc khăn rằn đang mắc trên móc, vừa lau mồ hôi nhễ nhại vừa nói với Thắm:

- Không biết cô Thắm lên chơi, nếu biết tôi đã tranh thủ về sớm rồi. Ồ! Mà sao lần này cô lên thăm bọn trẻ sớm dữ vậy, thường là ngày thứ bảy chủ nhật mà, hôm nay mới thứ năm thôi.

Thắm là một trong những người khách thường xuyên đến thăm cha con anh. Từ lúc báo chí đăng tin có một người đàn ông độc thân trên núi Cô Tô tự nguyện tha về nuôi tám đứa con mồ côi bị bỏ rơi, lo cho chúng ăn học không một chút phàn nàn dù hoàn cảnh thiếu thốn chật vật thì có nhiều người tìm đến. Có người đến thăm vì tò mò xem báo chí viết có phóng đại không, có người xúc động trước nghĩa cử tốt đẹp của anh mà tìm đến giúp đỡ. Họ đến rồi đi, chỉ có Thắm đến một lần, rồi lần sau, thêm lần nữa, lần nữa, khi thì đồ chơi, bánh kẹo, khi thì vật dụng cần thiết trong việc học tập như quần áo, sách vở, giày dép, sự hiện diện của cô ở cái gia đình lóc nhóc trẻ con trở nên quen thuộc đến độ mấy đứa trẻ trở nên thân quen và chúng thường gọi cô là má Thắm một cách ngọt ngào như cô là má ruột của chúng vậy.

Có lần vui miệng Thắm hỏi Tư về hoàn cảnh gia đình của từng đứa trẻ anh nhận nuôi như thế nào. Đang vui tự nhiên mặt anh trầm tư lại, lời nói chất chứa nỗi buồn: Mấy đứa đang sống với tôi đều có một hoàn cảnh đặc biệt khác nhau: thằng lớn nhất là thằng Thành. Cách đây tám năm khi tôi đưa con bé gái con tôi mới 1 tuổi xuống bệnh viện Cần Thơ để chữa trị vì chúng

viêm màng não. Tội nghiệp con bé, từ ngày mẹ nó bỏ đi nó sống èo uột, tôi thì lo làm rẫy, làm thuê cho thiên hạ để có tiền mua sữa cho nó nên không gần gũi với nó nhiều, tới khi nó phát bệnh nặng đem xuống bệnh viện Long Xuyên rồi chuyển xuống bệnh viện Cần Thơ cũng không xong, nó chết, tôi và mẹ tôi buồn lắm. Lúc đó trong bệnh viện tôi gặp hoàn cảnh đáng thương của một người phụ nữ: Cô ấy “vượt cạn” khi trong mình không có đồng xu dính túi, đứa bé ra đời là kết quả của một lần cô bị bọn côn đồ cưỡng bức khi đi làm ca khuya trở về nhà trọ. Má con anh đã giúp đỡ cô trong mấy ngày sinh nở. Xấu hổ với mọi người, cô năn nỉ má con anh nuôi giúp và anh đã trở thành người cha bất đắc dĩ như thế.

Trường hợp con bé Đào cũng khá đặc biệt. Hôm đưa thằng Thành bị đau ruột ở bệnh viện ra, má tôi đang đứng ngoài cổng bệnh viện chờ tôi làm thủ tục xuất viện, thì có một phụ nữ nhờ mẹ tôi ẵm giùm đứa con mới ra viện, đi vệ sinh nhưng rồi đi mất. Chờ mãi không thấy người phụ nữ trở lại nên má con tôi đành đem đứa bé về nuôi. Còn thằng đứng kế con Đào là thằng Hà, má nó là một cô gái nghèo đi mót lúa ở Cờ Đỏ, quen với một thanh niên ở địa phương rồi

mang thai lúc nào không biết, sợ cha mẹ phát hiện nên dùng dây thun nịt bụng rồi trốn sang, ở nhà bà ngoại ở. Khi đau bụng sinh đưa đến bệnh viện thì nghe nói nó bị đứt tim thai, phải mổ bỏ con để cứu mẹ. Nhưng không ngờ nó được cứu sống. Má nó không dám mang nó về nhà, bệnh viện gọi tôi lại nhận về nuôi. Cứ thế mỗi lần bệnh viện gọi là tôi tha về một đứa, bây giờ là tám đứa hết thầy.

Ngần ngừng một chút, Thẩm hỏi:

- Có người mẹ nào trong mấy đứa trẻ anh nhận về nuôi, anh và bác không hề biết mặt không?

- Có, là con này, nó tên Hường. Anh kêu con bé tên Hường lại, nó ngồi sà vào lòng anh, cười làm dáng với Thẩm, anh nói;

- Lúc bệnh viện điện thoại báo tin có một phụ nữ mới sinh xong lại bỏ đi mất, gia đình muốn nuôi xuống làm thủ tục nhận. Chỉ biết đại khái là có một cô sinh viên đi làm thêm bị người chủ lừa gạt mang thai, xấu hổ nên bỏ đi, chỉ viết lại tờ giấy nhờ bệnh viện tìm người tốt nuôi giúp đứa bé giùm. Tám đứa trẻ là tám câu chuyện khác nhau nhưng đều giống nhau ở chỗ: mẹ chúng đều là những phụ nữ đáng thương hơn đáng trách.

- Anh có nghĩ lúc nào đó cha mẹ của tụi nhỏ đến xin nhận lại con không? Hay là sau này chúng tìm được cha mẹ ruột thì sao hả anh?

- Có gì mà lo cô ơi. Đi hay ở là tùy thuộc vào tình cảm của mấy đứa con thôi mà. Mình nuôi là vì thương bọn trẻ cô út, bị bỏ rơi không ai nuôi dưỡng, nếu cha mẹ chúng tìm đến xin nhận lại con hay là lớn lên chúng tìm được cha mẹ ruột thì còn vui nữa là, có gì buồn đâu cô.

Những lúc ấy Thẩm nhìn Tư mà rân rấn nước mắt, cô thấy thương cho anh quá.

Đó là chuyện của mấy tháng trước.

Thẩm nhìn anh vui vẻ trả lời:

- Thấy tết trung thu gần tới nơi rồi nên em đem mấy cái lồng đèn và ít bánh trái lên cho bọn trẻ vui vậy mà.

Tư nhìn sang mẹ có ý trách sao mẹ sao nhận đồ của Thẩm hoài vậy, Thẩm hiểu ý nói đỡ cho thím Sáu:

- Chỉ có mấy món đồ chơi và bánh trái cho bọn trẻ vui thôi mà anh, đó là tình cảm chân thành của em đối với bọn trẻ mà, anh đừng trách thím Sáu tội nghiệp.

Tư cười gượng:

- Cô Thẩm đến chơi với bọn trẻ là vui lắm rồi, bày vẽ quà cáp bánh trái làm gì không biết.

Thím Sáu đứng lên nói:

- Cô Thắm nói chuyện với thằng Tư đi nhé, tui ra sau lo cơm nước cho bọn trẻ để chiều đi học về chúng có mà ăn.

Ở lại còn có hai người, không khí có vẻ trầm lắng ngọt ngào, Tư mở lời trước:

- Cô Thắm ở lại ăn cơm với cha con tôi rồi mới về nghe.

Làm như không nghe lời nói của Tư, Thắm hỏi anh:

- Em hỏi thật lòng, anh Tư cũng trả lời em thật lòng nghe. Em rất yêu mấy đứa trẻ, xem chúng như con của mình, việc anh nuôi dưỡng mấy đứa nhỏ vất vả quá nên em muốn được cùng anh lo cho mấy đứa trẻ học hành đến nơi đến chốn, chẳng biết anh nghĩ thế nào.

Tư không trả lời, đưa mắt nhìn ra ngoài sân, ánh nắng còn lấp lóa trước thềm, những giọt nắng lung linh nhảy múa trước mặt làm cho anh có cảm giác khó chịu, tuy không khí không còn oi nồng vì buổi sáng có một trận mưa núi đi qua. Có tiếng gà rừng đầu đó gáy vang, mấy con chim vụt bay, vài con sóc chuyền cành nhảy từ cành cây này qua cành cây khác tìm trái chín, cảnh rừng quá quen thuộc đối với Tư nhưng tự nhiên Tư thấy có gì lạ lẫm như mình mới chứng kiến lần đầu.

Tùng là lính đi K ở biên giới Tây Nam, Tư giải ngũ về với bệnh sốt rét mãn tính, thời gian chiến đấu bên K rất ác liệt, nhiều đồng đội của Tư đã hy sinh nằm lại trên đất nước Chùa Tháp, chiến tranh kết thúc, anh trở về với thân thể lạnh lặn đã là cái mừng cho người mẹ già. Tuy căn bệnh sốt rét quái ác đôi khi hành hạ anh nhưng lúc trái gió trở trời, nhưng không đến nỗi làm anh đau đớnng bằng sự dứt áo ra đi của người vợ đầu ấp tay gối, bỏ lại đứa con còn đỏ hỏn cho anh chăm sóc. Ngày giải ngũ về, Tư lấy vợ, vợ anh là một cô thôn nữ hiền lành xóm trên, rồi đứa con gái cũng ra đời một năm sau đó. Đời sống tuy chật vật nhưng cũng không đến nỗi cãi vã nhau mỗi ngày. Thấy kinh tế gia đình khó khăn, Tư bàn với má và vợ bán nhà ở chợ Tri Tôn về mua đất núi Cô Tô để làm rẫy, thời gian rảnh rỗi làm thuê cho các chủ rẫy khác hay mua cây trái xuống vừa bán cũng đủ ăn đắp đổi qua ngày.

Và đứa con gái ra đời trong hoàn cảnh ấy, cuộc sống càng khó khăn hơn, vợ chồng Tư kiếm tiền thêm bằng cách thu gom hàng rẫy trên núi của các chủ khác, quảy gánh xuống chân núi bán cho vừa trái cây dưới chân núi để có thêm đồng ra đồng vào mua sữa cho con. Hai vợ chồng thay phiên gánh hàng bông xuống núi. Vợ Tư có dịp

tiếp xúc với cánh tài xế chở hàng bông, thế rồi việc gì tới sẽ tới dù anh không muốn.

Tư còn nhớ hôm đó trời đã xế chiều, ánh mặt trời dần khuất sau những hàng cây cao sau nhà, bầu trời đã bắt đầu chuyển sang màu lam tím vẫn chưa thấy vợ về, vợ anh chưa bao giờ về trễ đến thế, anh giao con cho má giữ rồi quày quả xuống núi. Hỏi thăm chị Bảy nhà gần vừa thu mua trái cây, chị nói thấy vợ anh lên ngồi trước cabin của thằng tài xế lái xe tải chở hàng bông của bà con chạy về hướng Long Xuyên rồi, chị tưởng con nhỏ quá giang xuống chợ mua đồ gì đó. Tư bản thân, mấy hôm nay thấy vợ có vài cử chỉ thái độ hơi lạ nhưng anh không tiện hỏi, biết vợ đã bỏ đi theo người ta rồi, lâu nay cô ấy hay than phiền đời sống ở cái vùng núi này sao buồn tẻ quá, cuộc sống nghèo túng đã làm cho tâm tính người đàn bà thay đổi. Tư biết mình sức khỏe không bằng người khác, lại không nhanh nhẹn hay ma mãnh làm ăn, không thể vực dậy đời sống bản chất để đem lại cuộc sống no đủ cho vợ con, đôi lúc cũng cảm thấy buồn, vợ hay cằn nhằn cứ như anh cũng cằn rắng chịu đựng, một phần sợ má buồn, một phần muốn gia đình trong ấm ngoài êm, hơn nữa còn đưa con gái mới một năm tuổi, nó có tội tình gì chớ. Chú Bảy xe ôm ở

bến biết chuyện xúi Tư đi tìm: Tao biết thằng tài xế đó ở đâu, tao chở mày đi tìm lôi cổ con vợ mày về, thứ đồ mất nết hư thân. Còn thằng tài xế tao sẽ đánh cho nó một trận cho nó chừa cái tội giết vợ người khác. Tư chỉ cười buồn: Thôi chú đừng la cô ấy nữa, vợ con nghe được nó buồn. Cô ấy sống với con cực khổ quá nên cho cô ấy đi tìm hạnh phúc của riêng mình, nín kéo làm gì chú. Người ta chê mình nghèo bỏ đi, khi họ không còn yêu thương chồng con nữa thì bắt về cũng có ích gì đâu. Ở với mình trong xóm núi heo hút này mà tâm hồn luôn hướng về ánh đèn thành phố thì sống với nhau làm chi cho khổ nhau. Tư nhất quyết không đi tìm, lo làm rẫy nuôi con, thế mà con bé cũng bỏ anh ra đi.

Lòng anh đã nguội lạnh từ lâu về cái hạnh phúc riêng tư của đời mình, bây giờ chỉ cố gắng lên rừng xuống rẫy tìm cái ăn cái mặc cho lũ trẻ cũng đã bỏ hơi tai rồi, còn tính chi tới chuyện lâu dài gì nữa chớ. Cô Bảy bán cà phê nơi bến xe ôm có lần định giới thiệu người cháu gái ở Tri Tôn cho anh nhưng anh khéo léo từ chối: Thôi cô Bảy ơi. Đời mình đã lỡ làng rồi, kéo theo con gái người ta làm gì cho thêm nợ. Còn mấy đứa nhỏ nữa, cô ấy có kham nổi không, sau này mọi chuyện dở dang có phải làm khổ con người ta

không. Cô Bảy cố thuyết phục anh: Con bé hiền hậu, biết yêu thương trẻ con, cùng hoàn cảnh nghèo khổ như nhau nên cũng dễ gần gũi thông cảm với nhau thôi, nhưng Tư vẫn nhất quyết từ chối. Má anh cũng thế, thím cũng không vui khi thấy anh thui thủi một mình cực nhọc không màng đến chuyện lấy vợ lần nữa, mỗi lần thím nhắc đến việc đó là anh tảng lờ nói qua việc khác, có lẽ bà không hiểu hết nỗi đau của Tư khi cuộc hôn nhân đầu thất bại, Tư bây giờ không còn tin vào đàn bà nữa, tình yêu của anh bây giờ là những đứa trẻ đáng thương bị bỏ rơi không ai thừa nhận.

Có nhiều phụ nữ khi biết được hoàn cảnh của anh và lòng yêu thương của anh đối với bọn trẻ côi cút đã viết thư đến thăm hỏi gửi quà, thậm chí có một cô ở Cà Mau lặn lội lên núi Cô Tô với ý định muốn chung vai gánh vác cùng anh trách nhiệm nuôi mấy đứa nhỏ nên người, hoàn cảnh của cô ấy cũng rất đáng thương: lấy chồng được hơn năm năm nhưng chị không có khả năng sinh nở, gia đình bên chồng lời ra tiếng vào miết khiến chị phải ly hôn để chồng tìm người đàn bà khác. Hơn ba mươi tuổi, chị khao khát được nghe tiếng trẻ con gọi mẹ, được lo lắng, chăm sóc chúng như những đứa con ruột của mình, nhưng anh lại

lặng lẽ từ chối vì anh sợ khi khao khát được làm mẹ người ta nói vậy, nhưng khi va chạm thực tế sống trong hoàn cảnh khổ cực, đây những khó khăn liệu người ta có giữ được tấm lòng như lúc ban đầu không hay lại làm tổn thương nhau lần nữa, đối với anh không là gì nhưng đối với bọn trẻ thì không thể chấp nhận được. Nay Thẩm lại đề nghị anh điều đó làm anh thật vô cùng khó xử vì anh cũng quý Thẩm, hiểu được tình cảm của Thẩm đối với anh và bọn trẻ. Bây giờ với tám đứa con nuôi, mỗi đứa một hoàn cảnh đáng thương nên tất cả tình thương yêu anh đều dồn hết cho chúng, ngoài ra anh không còn nghĩ đến chuyện lập gia đình nữa.

Anh ngẫm nghĩ hồi lâu, nhìn Thẩm thẳng thắn nói:

- Tôi rất cảm ơn tấm lòng của cô Thẩm đối với mấy đứa con tội nghiệp của tôi, nhưng chúng tôi sống như thế quen rồi cô ạ. Nơi núi non hiu quạnh này hổ ở lâu còn buồn huống chi con người. Tôi chỉ sợ cô chịu đựng không nổi rồi cũng xuống núi bỏ cha con tui tôi về phố thôi.

Thẩm nói một cách quả quyết:

- Em đã nghĩ kỹ trước khi nói ra điều đó rồi. Tất cả sự khổ sở em đều chịu đựng được, anh đừng lo.

Nhưng Tư cũng quyết đoán không kém:

- Thôi! Chúng ta không bàn đến chuyện đó nữa. Nếu cô Thẩm quý mến tụi nhỏ thì lâu lâu đến chơi với bọn trẻ, tôi rất cảm ơn, còn chuyện ở lại gắn bó với bọn nó, với nơi đầu hiu hút gió này là điều không nên.

Ngừng giây lát anh nói tiếp:

- Có lẽ cô nên về thôi, trời sắp về chiều rồi. Để tôi đưa cô xuống núi, sẵn chờ bọn trẻ tan học đón chúng về luôn thể. Mùa lũ nước ngập đường xa sẽ khó đi, cô về Long Xuyên rồi đón xe về Cần Thơ cũng tối mịt đó.

Anh dợm đứng dậy tiễn khách, bất chợt Thẩm quỳ sụp xuống chân anh:

- Xin anh cho em ở lại để được gần gũi chăm sóc bọn trẻ.

- Cô buồn tôi chịu, nhưng chuyện đó không được đâu.

Thẩm chợt òa khóc:

- Nhưng em không thể bỏ con em một lần nữa anh ơi, con Hường là con ruột của em đó anh Tư ơi.

Tư chung hửng không hiểu, Thẩm nói trong tiếng nức nở:

- Anh Tư ơi, đúng là Hường là con ruột của em đó anh. Năm đó em học năm cuối đại học, đi

làm thêm bị chủ gạt lỡ có thai. Nên khi sinh con xong em bỏ trốn, bệnh viện đã gọi cho anh nhận đưa bé về nuôi. Ôn nghĩa này em không bao giờ quên. Sau này ra trường em cũng tìm được công ăn việc làm ổn định, lòng nhớ thương con làm cho em rất đau khổ, ray rứt không yên. Em tìm đến khoa phụ sản ngày ấy hỏi thăm mới biết thím Sáu và anh đã nhận Hường về nuôi, nên em lặn lội lên đây để tìm xem đứa trẻ anh nhận nuôi sống như thế nào, em thấy anh và thím Sáu chăm lo cho nó chu đáo như con ruột của mình làm em vô cùng cảm động và biết ơn anh biết bao nhiêu. Nhiều lần em muốn nói thật để xin lại Hường về nuôi nhưng thấy tình yêu thương của thím Sáu và anh tràn đầy làm em không dám nói thật lòng mình. Em làm má nó mà không chu toàn được bốn phận người mẹ làm em vô cùng hối hận, đau khổ nên em xin anh được ở lại đây cùng anh lo cho tương lai của bọn trẻ, được gần gũi con em và chuộc lại những lỗi lầm mà em đã gây ra.

Thím Sáu tự nãy giờ đứng bên trong nghe thấy hết, thím muốn roi nước mắt. Tiếp xúc với Thắm nhiều lần, nhìn cách Thắm lo lắng ân cần chăm sóc bọn trẻ, thím thấy Thắm rất thật lòng, nhất là ánh mắt âu yếm dịu dàng khi nhìn con Hường thím đã thấy lạ và nghĩ thầm người phụ

nữ này chắc có những uẩn bất hạnh gì đó cũng nên. Giờ thì thím đã hiểu rõ mọi việc, thím liền bước ra nhưng chưa nói gì. Tư cũng bất ngờ với điều mà Thắm vừa nói, bản thân anh cũng cảm thấy bối rối cảm thương cho hoàn cảnh của Thắm, chắc mấy năm nay cô cũng khổ tâm lắm về việc bỏ rơi con trong bệnh viện. Anh đưa mắt nhìn má như cầu cứu, thím Sáu khẽ gật đầu. Anh đứng dậy nói:

- Thôi! Tôi xuống núi đón bọn trẻ về đây. Cô tiếp má, tôi lo cơm nước cho bọn trẻ nghe.

Rồi hấp tấp bước ra sân sắp sải xuống núi nhưng cũng kịp nhận ra nét mặt hân hoan vui mừng của Thắm, lòng anh cảm thấy dịu lại. Trong ánh nắng chiều, anh thấy cây cối trở nên tươi sáng rực rỡ hơn lúc nào hết. Phía trên Vô Hội hình như có tiếng chim hót. Xa xa về phía đồi Tức Dụ, cây rừng vươn lên một màu xanh thẫm như đuôi của con chim phượng đang xòe ra chuẩn bị bay. Chẳng thế mà người ta còn gọi núi Cô Tô là Phụng Hoàng Sơn, đầu là núi Tô còn đuôi của nó là đồi Tức Dụ đó sao? Muôn đời cây rừng vẫn xanh, bóng núi vẫn xanh và lòng người vẫn luôn thơm lấy một màu xanh hy vọng.

Tư dừng lại hít một hơi thở dài rồi thanh thản xuống núi.

Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà

Phạm Đạt vội vàng xuống núi, anh không thể chờ đợi thời khắc đẹp hơn để chụp cảnh hoàng hôn trên đỉnh Sơn Trà được nữa. Mây đen đã bắt đầu quần tụ kéo tới xám xịt mỗi lúc một dày thêm trên bầu trời, gió từ phía biển u u thổi càng lúc càng mạnh vào vách núi, anh nghĩ chắc có khi mình không kịp xuống triền núi về phía cây đa ngàn tuổi, nơi có con đường nhỏ đưa anh xuống núi, chỗ có cái quán nước nhỏ của người dân bản địa mà anh thường ghé gọi chiếc xe máy cà tàng mỗi khi cuốc bộ lên núi, lần theo theo bước chân của đàn voọc chà vá chân nâu hay các loài hoa, bướm đẹp để chụp ảnh. Mưa bắt đầu trút xuống, anh chạy nhanh đến một lùm cây, lấy vội bộ quần áo đi mưa trùm vào người sau khi cẩn thận dùng túi ni-lông bao túi da đựng máy ảnh tác nghiệp.

Phạm Đạt không phải là tay săn ảnh chuyên nghiệp, cũng không phải là phượt thủ nhà nghề nhưng anh lại có một tình yêu bất tận với Sơn Trà, ngọn núi được mệnh danh là “mắt thần Đông Dương”, lá phổi xanh của Đà Nẵng, yêu quý đàn voọc chà vá chân nâu, loài linh trưởng kỳ lạ có một không hai trên bán đảo này cũng như trên thế giới, người ta gọi chúng là nữ hoàng linh trưởng vì bộ lông có một không hai tuyệt đẹp của chúng khi anh tham gia dự án bảo tồn Khu dự trữ sinh quyển thế giới Hải Vân – Sơn Trà. Nếu ai đã từng đi núi gặp phải cơn mưa rừng mới thấy hết cái dữ dội hung dữ của nó. Nó đến rất nhanh không kịp trở tay, có thể ào ạt chớp nhoáng rồi nhanh chóng đi qua như người khách lạ, có lúc lại dai dẳng nhiều ngày như một kẻ thù truyền kiếp đeo bám không rời. Tiếng mưa rào rạt đập vào các thân cây cành lá nghiêng ngả, tạo nên những cơn dư chấn domino khiến người lạc trong núi phải khiếp vía. Trên độ cao hơn ngàn mét, thần gió mặc sức hoành hành, những đám mây xám từ biển cứ ò ạt kéo về, nước từ trên đỉnh núi theo các khe suối nhỏ ào ạt trôi băng băng xuống triền dốc như một cơn lũ dữ. Ngày thường đó là những cơn suối nhỏ hiền hòa, nước trong veo tận đáy,

có thể thấy cả đàn cá nhiều màu sắc lội nhón nhơ, tung tăng một cách thông dong tự tại, bây giờ nó như trở thành con sông, đục ngầu sôi róc điên cuồng cuốn theo bao đá sỏi, nhánh cây khô, lá rừng mục rữa. Phạm Đạt chật vật lắm mới leo xuống một triền núi thấp hơn. Trong thời tiết bình thường, chàng có thể xuống núi dễ dàng nhờ hướng mặt trời và tàng cây đa ngàn tuổi nhô hẳn lên nền trời xanh, nhưng trong đám mưa gió phũ phàng thì định hướng đó không giúp ích gì cho anh lúc này cả, anh phải vận dụng mọi giác quan để tìm hướng đi, anh thầm nghĩ nếu mưa dai dẳng như thế này có lẽ anh ngủ lại rừng mất thôi.

Bóng tối như đồng lõa với cơn mưa rừng khó tính hung hiểm nên Đạt rất khó khăn di chuyển, chiếc đèn pin anh mang theo lấp loáng ánh sáng chỉ ở một biên độ rất gần, Đạt chật vật bám vào một nhánh rễ cây lộ ra mặt đất lần xuống một chỗ thấp lại rơi vào một tình thế khó xử. Dòng suối nhỏ thường ngày anh băng qua rất dễ, chỉ cần anh nhón chân qua những phiến đá nhô lên giữa dòng suối là có thể qua khỏi để tìm đường xuống núi, thì giờ đây nó biến thành dòng sông rộng, nước nguồn đổ ào ạt xuống đục ngầu không làm thế nào qua được, nếu cố tìm cách

vượt qua không khéo bị dòng nước dữ cuốn phăng đi thì nguy mất, có lẽ phải tìm một hốc núi hay bụi cây rậm nào đó trú qua đêm thôi. Trong lúc tiến thoái lưỡng nan, bên tai Đạt hình như nghe có tiếng đàn khi xa khi gần hòa lẫn trong tiếng mưa gió núi rừng hoang dã, âm thanh phát ra từ hướng tay trái thì phải, anh đưa mắt hướng về nơi phát ra cái âm thanh lạ lùng đó. Trong màn mưa, Đạt thấy hình như có ánh lửa chập chờn khi ẩn khi hiện. Anh chặc lưỡi, ở lại đây cũng đói rét, thôi thì cứ phăng theo ngọn lửa, âm thanh phát ra từ tiếng đàn may ra có người sống ở đó, mình cũng có thể tạm yên đêm nay. Vừa nghĩ bước chân của anh cũng lần bước theo. Cây cối rậm rạp, đá núi chập chùng nhưng nhờ có ngọn đèn pin nên anh cũng vượt qua. Càng đến gần nơi phát ra tiếng đàn, anh nhận ra đúng là có một căn nhà gỗ nhỏ lúp xúp được dựng trên một nền đá núi khá bằng phẳng, ánh lửa cũng phát ra từ đó. Mừng quá anh đi nhanh về phía căn nhà.

Ngập ngừng giây lát, anh đưa tay gõ cửa. Tiếng đàn im bật. Có tiếng người con gái giọng ra phía sau liếp cửa:

- Ai ở ngoài đó thế? Đêm hôm khuya khoắt sao có mặt ở nơi rừng núi hoang dã thế này?

Câu trả lời của Đạt run run vì lạnh:

- Tôi là người chụp ảnh thiên nhiên trên Sơn Trà, mưa to chẳng may xuống núi không kịp, xin chủ nhân tá túc cho qua cơn mưa.

- Nhà vắng người, chắc không tiện cho khách lưu trú đâu.

Đạt nói khẩn khoản:

- Tôi chỉ là người lỡ đường, xin tạm nghỉ qua đêm, không có ý xấu đâu. Xin cô đừng ngại.

Một chút im lặng, Đạt nghe có tiếng chân người rời liếp cửa hé mở, tiếng người con gái nói:

- Ông vào đi, kéo lạnh.

Chàng trai lách người qua liếp cửa bước vào trong, ánh lửa bập bùng trên sàn bếp làm chàng cảm thấy ấm áp. Cô gái nhìn anh nói:

- Ông bỏ áo mưa ra đi, ngồi sưởi bên bếp lửa kéo lạnh.

Phạm Đạt ngoan ngoãn nghe lời cô gái như một đứa trẻ. Anh hơ hai bàn tay lên ngọn lửa hồng, chốc chốc xoa vào hai má. Cái ấm áp của ngọn lửa trong căn nhà nhỏ làm anh có cảm giác dễ chịu. Anh đưa mắt nhìn quanh, dưới ánh sáng bập bùng của ngọn lửa, ngôi nhà được bày trí thật đơn sơ, ở một góc nhà có cái gùi dùng để đi rừng, một đồng khoai củ, trên giàn treo mấy chùm bắp rẫy đã khô vỏ, trước mặt chàng là một cô gái còn

rất trẻ, khoảng độ mười tám hai mươi thì phải, có mái tóc mượt dài, khuôn mặt trái xoăn xinh xắn, đôi mắt đen lay láy đầy nét liêu trai, Đạt chợt giật mình nghĩ đến chuyện hồ ly của Bồ Tùng Linh mà anh đã từng đọc. Thấy dáng vẻ không được tự nhiên lắm của Đạt, cô gái nói:

- Hình như ông sợ?

Phạm Đạt giật mình vì cô gái đoán đúng suy nghĩ của mình. Chuyện ma quái kỳ lạ trên ngọn núi thiêng này anh đã từng được nghe qua. Nào là có người ban đêm trên đường xuống núi gặp một tốp trẻ con còn lang thang, anh ta xuống núi rồi mà không an tâm về bọn trẻ nên quay trở lên gặp một đôi thanh niên nam nữ chạy ngược chiều xuống hỏi thăm, họ bảo không thấy rồi tình nguyện cùng anh lên núi tìm bọn trẻ, anh ta chạy theo lên lưng chừng núi gần ngã ba có vực sâu, họ cũng biến mất nốt làm anh hoảng hốt quay trở lại, sau đó lập một trang miếu nhỏ hương khói nơi đó, rồi những nắm đất nho nhỏ tự nhiên mọc lên trên đường lên núi, người ta đồn đoán rằng có những cặp tình nhân vụng trộm lén lút chôn cất thai nhi, những linh hồn nhỏ bé ấy không được siêu thoát nên cứ lẫn khuất ở chốn núi non hoang lạnh này mãi làm ai cũng e ngại, không ai dám ở lại núi lâu hơn khi màn đêm buông xuống,

còn về chuyện ma nữ xuất hiện hại người thì anh chưa từng được nghe kể. Tuy có hơi ngán ngại nhưng anh làm ra vẻ cứng cỏi:

- Sao tôi lại sợ? Sợ gì kia chứ?

- Sợ ma. Sợ hồ ly. Rừng sâu núi thẳm không một người ở, ma cỏ đây rầy ông không thấy sợ sao?

- Tôi không làm điều gì ác sao phải sợ?

- Ông không làm điều ác nhưng loài người các ông làm điều ác thì sao?

- Nè cô gái, việc ai làm nấy chịu, liên quan gì nhau đâu?

Cô gái phì cười, đôi môi như đóa hoa hàm tiếu vừa nở:

- Hỏi vui chút xíu cũng giận được nữa sao?

Phạm Đạt lòng cũng dịu lại, đúng là mình giận vô cớ thật, anh chuyển qua chuyện khác:

- Thế cô ở một mình không sợ à?

Cô gái nhìn Phạm Đạt, cái nhìn tinh ranh làm anh chột dạ:

- Sợ gì?

- Sợ thú dữ, sợ ăn cướp.

- Cha con tôi ở trên núi bao nhiêu năm có thấy gì đâu?

-Ồ! Thế cô còn có ông cụ à? Sao tôi không thấy ông ấy đâu cả?

- Tôi chưa nói với ông đó thôi. Cha tôi qua bên kia núi trị bệnh cho người quen, gặp mưa chắc không về kịp.

Phạm Đạt nhìn cô gái, ánh mắt cảm thấy như gặp ở đâu, anh mạnh dạn hỏi:

- Cô có thể cho biết tên được không?

- Em tên Linh Nhi. Còn anh?

- Tên dễ thương và đẹp quá. Còn anh Phạm Đạt.

- Sao gia đình em không xuống chân núi mà ở, sống trên đây chi hiu quạnh vậy?

Cô gái nhìn vào khoảng không:

- Cha em nói con người không ai tốt cả, nên ở xa họ, càng xa càng tốt đó thôi.

Phạm Đạt phản đối ý kiến đó:

- Đâu phải người nào cũng xấu hết cả đâu em.

- Em cũng biết thế. Nhưng cha già rồi em phải theo đỡ đần cho cha chứ bỏ đi đâu được.

Linh Nhi vừa nói vừa lấy cây que cời lửa trên bếp, lôi ra mấy củ khoai còn bám tro bếp, đặt trên tấm lá chuối trước mặt anh:

- Anh Đạt chắc đói rồi, nhà chỉ có khoai thôi.

Phạm Đạt xuyết xoa:

- Được vậy thì tốt quá. Đêm mưa lạnh mà được Linh Nhi cho ăn khoai nóng thì còn gì bằng.

Phạm Đạt bẻ đôi củ khoai, hơi nóng từ củ khoai tỏa ra thơm phức, anh vừa ăn vừa nhìn

xung quanh, chột nhận ra gần đó có một khung gỗ, trên đặt những thanh đá dài ngắn khác nhau, anh đoán đó là bộ đàn đá mà cô gái vừa đánh ban nãy, anh hỏi Linh Chi:

- Âm thanh tiếng đàn anh nghe ở xa chắc phát ra từ bộ đàn này phải không?

Linh Nhi khẽ gật đầu, nàng nói:

- Ở núi buồn lắm, mỗi lần ra suối lấy nước, nghe âm thanh dòng nước dội vào bờ đá nghe vui tai nên em nhớ về gõ thử, lâu ngày thành quen.

- Anh nghe thấy hay lắm mà.

- Nếu anh thích em đánh lại cho anh nghe nhé.

Không đợi chàng trai trả lời, Linh Nhi bước tới bộ đàn đá, hai bàn tay nhẹ nhàng uyển chuyển đánh thanh gỗ lên từng phiến đá, âm thanh một lần nữa phát ra làm Phạm Đạt như chìm đắm vào âm thanh của núi rừng, có tiếng chim hót vang lên buổi sớm, tiếng lá rì rào xào xạc trong cái nắng ban mai hay khi chiều xuống, có tiếng sóng biển từ xa đưa về, tiếng côn trùng hòa tấu những lúc đêm trăng lên, tiếng gió mưa ào ạt, tiếng bão dông cuồn cuộn, tiếng thiết tha gọi tình của chim muông vào mùa sinh sản, tất cả tạo thành một bản trường ca thiên nhiên tuôn trào bất tận. Phạm Đạt khẽ bước đến gần

cô gái, nhìn đắm đuối vào gương mặt thanh tú của Linh Nhi. Linh Nhi ngừng gõ, ánh mắt cô dịu dàng nhìn anh chờ đợi. Phạm Đạt cúi xuống hôn lên tóc, má cô, rồi môi tìm môi. Phạm Đạt cảm thấy cả hương núi rừng từ trong người cô gái tỏa ra làm anh ngất ngây. Cả hai thân thể quấn quýt tìm lấy nhau nồng ấm trong đêm mưa rừng ẩm ướt lạnh lẽo. Ngọn lửa chập chòn trong đêm khuya tàn lụi dần, thời gian phút chốc như ngừng lại.

Ngoài kia mưa đã tạnh tự bao giờ, ánh trăng hạ huyền lờng lững treo trên cao đã lâu, một vài tiếng chim ăn đêm bay qua để lại một chút âm thanh xao động của núi rừng.

*

Phạm Đạt tỉnh giấc bởi tiếng gà rừng gáy vang một góc núi và tiếng chim hót trên các cành cây đón chào một ngày mới, anh đưa tay sang bên cạnh để tìm Linh Nhi nhưng tay chỉ đụng phải đám cỏ khô lạo xạo, anh mở mắt nhìn sang, không thấy cô gái đâu, đệm cỏ vẫn còn hơi ấm, chứng tỏ Linh Nhi mới rời chỗ ngủ không bao lâu. Đưa mắt nhìn xung quanh anh ngạc nhiên: Mình đang nằm trên một vạt cỏ khô chứ không phải là vạt tre nệm cỏ cao ráo, chỗ mình ngủ đêm qua không phải là gian nhà gỗ mà là một hốc núi

nhưng bếp lửa vẫn còn vương vất chút khói bảng lảng bay lên. Đang ngơ ngác, tay anh chạm phải một tờ giấy có mấy lời sau:

Anh Phạm Đạt. Khi anh thức giấc là Linh Nhi đã đi xa rồi, duyên kỳ ngộ của chúng ta chắc chỉ có một đêm thôi. Chắc anh còn nhớ vào mấy tháng trước có lần anh vào rừng săn ảnh, nghe tiếng kêu thảm thiết của một con voọc chà vá chân nâu, loài linh trưởng mà các thợ săn luôn truy bắt để mua bán làm thuốc, mắc bẫy của bọn thợ săn, anh đã cứu thoát nó khỏi bàn tay tàn bạo của họ. Con linh trưởng đó là em. Cảm cái ân tình đó của anh, em đã dùng tiếng đàn đá lưu anh lại trong đêm mưa gió trên đỉnh Sơn Trà để trả ơn. Anh đừng tìm em làm gì, em đã cùng cha và nhiều đồng loại khác tiến sâu vào đại ngàn hơn nữa để tránh sự truy bức của loài người. Họ là ai và họ có quyền gì mà sát hại bọn em như thế, phải chăng để thỏa mãn những khát vọng và lòng tham lam không đáy? Núi rừng ngày càng thu hẹp, chúng em không còn đất sống, phải bỏ chốn tai ương này càng xa càng tốt thôi. Có một ngày nào đó ngọn núi thiêng này sẽ chỉ còn tro bụi núi đá trọc nhám nhỏ. Rừng khô suốt sẽ tàn phá tất cả, con người rồi sẽ phải trả giá cho những hành động nông nổi tham lam của mình mà thôi. Anh đừng tìm em, em đã đi rất xa nơi không có dấu chân người hoặc có thể một ngày nào đó em lại sa

vào tay của một tên thợ săn khát máu khác, cuộc đời thật quá buồn.

Hãy xem buổi gặp gỡ đêm qua là một kỷ niệm đẹp trong cuộc đời của anh, anh nhé.

Linh Nhi

Phạm Đạt thần thờ một lúc lâu, anh hiểu vì sao đôi mắt của Linh Nhi anh nhìn sao thấy quen quá, đúng là cặp mắt biết ơn của cô vọc chà vá chân nâu, nữ hoàng linh trường nhìn anh rất lâu trước khi trở về với đại ngàn, khi anh giải thoát khỏi cái bẫy của người thợ săn. Đêm ân ái phải chăng là một giấc mơ thật đẹp của đời anh, nhưng biết bao giờ giấc mơ đó mới có trở lại với anh lần nữa hay không thì thật là điều khó xảy ra nữa rồi.

Phạm Đạt buồn bã xuống núi, cây rừng còn ẩm ướt mưa đêm, khi băng qua suối Đá, bên những cây sim rừng trở đầy hoa tím, một đàn bướm đủ màu sắc, anh nhận ra có nhiều loài bướm đẹp đặc trưng của Sơn Trà như bướm phượng đuôi kiếm, bướm phượng đốm vàng, bướm phượng đen đuôi vàng... bay hàng đàn theo bước chân anh như tiễn anh xuống núi giống như ngày xưa các nàng tiên nữ tiễn đưa Lưu Thần và Nguyễn Triệu về trần gian vậy.

*

- Anh nhà báo nói người dân mình không đủ chứng cứ tố cáo, phản biện bọn cậy quyền coi thường pháp luật nhằm bằm nát ngọn núi thiêng này sao? Nhà báo nên nhớ Sơn Trà ngàn đời là báu vật của thiên nhiên ban tặng cho người dân Đà Nẵng, cho đất nước này. Thần rừng thần núi hay thần nanh đỏ mỏ sẽ không dung thứ cho những kẻ nào đụng chạm đến ngọn núi thiêng, không vắn cổ bẻ họng bọn chúng thì chúng cũng chết bất đắc kỳ tử hay sa vào vòng tù tội thân bại danh liệt, con cháu đời đời không thể nào ngóc đầu lên được. Còn bằng chứng phản biện xã hội ư? Bằng chứng là 10.000 chữ ký của nhân dân cả nước phản đối việc xây dựng bằm nát Sơn Trà, rồi sự phản biện vào cuộc của nhiều nhà khoa học, hiệp hội đoàn thể báo chí. Kẻ ác cũng phải chùng tay nao núng thôi.

-Ồ! Nhà báo đừng nói thế, tôi biết anh là một trong nhiều nhà báo nhiệt tình, có cái tâm có lòng dũng cảm viết bài đấu tranh cho sự tồn vong của Sơn Trà, lá phổi xanh của thành phố chỉ sợ sự đấu tranh đó gặp sự vô cảm, thiếu hiểu biết thậm chí gian tham dùng quyền lực vô hiệu hóa đi thì sự đấu tranh chìm trong quên lãng, hay chỉ còn là một đóm lửa lẻ loi heo hút giữa đại ngàn thì thật đáng buồn biết bao.

- À! Nhà báo không tin làm gì có chuyện liêu trai giữa đời thường sao? Ban đầu tôi cũng nghĩ vậy, nhưng đó là một thực thể tôi không thể chứng minh dù cả trong giấc mơ cũng chưa chắc gặp được. Tôi thề với nhà báo là tôi có thể đánh đổi cả ngai vàng và đất nước nếu tôi là vua để đổi lấy một cuộc đời bình dị giữa núi rừng với Linh Nhi, tôi không cần biết nàng là ma nữ hay loài hồ yêu quái gì hiện thân miễn nàng yêu tôi là được. Sao cuộc đời ta cứ mãi chạy theo tiền bạc, tranh quyền đoạt lợi, cuối cùng được gì chứ, chẳng qua cũng chỉ là nắm cỏ khâu xanh rì? Chi bằng sống những ngày tháng thong dong tự tại bên cạnh người mình yêu là thỏa chí một kiếp nhân sinh rồi phải không?

- Nhà báo hỏi từ đêm gặp gỡ ấy đến nay tôi có gặp lại Linh Nhi lần nào không? Hai mươi năm trôi qua tôi mong gặp lại nàng từng ngày từng giờ, nhưng đó chỉ là bọt nước đầu gành cửa biển chiều hôm. Hạnh phúc đời người mong manh quá, mặc dù nhiều lần tôi đã trở lại đỉnh núi xưa, trong những đêm mưa gió bão bùng, căng tai căng mắt mong thấy được ngọn lửa ấm áp chập chờn như ma trời kia, mong nghe lại tiếng đàn đá năm nào, mong tìm lại dấu chân của nàng nhưng chỉ là bóng chim tăm cá. Có lẽ nàng và đồng loại nàng đã thật sự bỏ chốn cũ rời đi thật xa giữa

chốn đại ngàn bao la tìm chốn an bình hơn trước cơn lốc hủy diệt tàn bạo của loài người, môi trường sống càng thu hẹp dần hoặc có thể xảy ra điều gì xấu hơn với nàng một lần nữa, nếu thế lần này nàng không thể thoát khỏi tai kiếp của loài linh trưởng khi những bầy rập của lũ thợ săn giăng sẵn khắp nơi trong từng ngõ ngách của Sơn Trà. Trong thâm tâm tôi hy vọng nàng luôn an bình, sống tốt, lần khuất đâu đó trên những ngọn núi cao không có dấu chân người. Hơn hai mươi năm qua, hy vọng của tôi ngày một vui dần với nỗi ngóng trông vô vọng nhưng tôi vẫn chờ.

Người đàn ông trung niên tóc đã bắt đầu nhuốm bạc im lặng không nói gì, mắt hướng về ngọn núi xa xa bắt đầu tím dẫm sương chiều khi anh nhà báo từ già ra về.

*

Ngôi nhà nhỏ dưới chân núi Sơn Trà đóng kín cửa suốt tháng nay.

Khi nhà báo trở lại Sơn Trà tìm Phạm Đạt thì chủ nhân ngôi nhà đã không còn ở đó nữa, cửa đóng kín im lìm, cỏ đã bắt đầu lên xanh trước ngõ ra vào, bìm bìm leo lên trên mái nhà xanh um, hỏi thăm người lân cận họ nói Phạm Đạt đóng cửa đi khỏi từ hơn tháng trước, không biết đi đâu và không có lời nhắn gởi lại, chỉ biết đêm

đó mưa rất lớn và trên Sơn Trà hình như có tiếng đàn vắng vắng. Nhà báo có vẻ bâng khuâng vì không thể báo cho anh một tin vui: Sự đấu tranh của nhiều tầng lớp nhân dân và báo chí trong việc bảo vệ ngọn núi thiêng, bảo vệ màu xanh muôn đời của Sơn Trà đã có kết quả bước đầu thắng lợi, tất cả các dự án xẻ thịt Sơn Trà đều buộc phải dừng lại, những kẻ có chức quyền ký những văn bản trái pháp luật và những người có trách nhiệm liên quan đều phải giải trình và có thể sẽ chịu những mức án kỷ luật nặng nhẹ khác nhau. Anh nhà báo nhìn lên Sơn Trà, mây đầu núi vẫn bay, màu xanh của núi rừng muôn đời vẫn huyền ảo và trên dãy núi thiêng đại ngàn đó có một người đang tìm đường về thiên thai. Anh nhà báo hiểu Phạm Đạt chỉ có thể tìm lại được tiếng đàn đá năm xưa khi Sơn Trà không còn nổi sóng hay muôn đời chỉ là một hoài niệm khôn nguôi của một kiếp người như mấy câu thơ trong bài Tống Biệt của Tản Đà ngày trước:

Cửa động,

Đâu non,

Đường lối cũ

Ngàn năm thơ thần bóng trăng chơi.

Nguyễn An Bình và Tiếng đàn trên đỉnh Sơn Trà

* Trương Văn Dân

Trong khoảng thời gian chừng 5, 7 năm trở lại đây, người có thơ được phổ nhạc nhiều nhất ở Việt Nam có lẽ là nhà thơ Nguyễn An Bình. Điều này khẳng định thơ của anh tạo được cảm xúc trong lòng các nhạc sĩ và được nhiều nhạc sĩ yêu quý: Nguyễn An Bình đã có hơn 700 bài thơ phổ nhạc, một con số kỷ lục!

Lý giải về điều đó, nhà văn Nguyễn Cần cho rằng *“Thơ An Bình giàu nhạc tính, những bài thơ của anh, vần điệu du dương, dễ gợi ý hay nhạc hính trong lòng các nhạc sĩ, từ thơ bốn chữ, năm chữ, sáu chữ...*

*Em tươi non như ngàn lá,
Môi hồng thơm cánh lưu ly.
Về ngang nhà thờ ngày nọ,
Chuông mơ còn dấu tình si.*

(Mùa thu xuống phố)

Chúng ta đọc tiếp
Về đâu sông ơi,
Sao đi mãi miết
Đưa người xa người
Tháng năm biên biệt.

(Về đâu sông ơi)

...đến thơ tám chữ

Nghe ai hát bản tình ca say đắm
Khúc boléro chiều mượn chút men cay
Tôi và em tình một thời lặn dạn
Lan huệ thương hoài một sợi tóc mai”.

(Khúc tình sầu Boléro)

Nhà văn Nguyễn Căn còn gọi Nguyễn An Bình là nhà thơ của tình yêu vì “Tình yêu luôn tồn tại trong mọi bài thơ, luôn trẻ trung, luôn thao thức dù ở tuổi nào... Ta ngỡ như tác giả vẫn nuôi dưỡng tình yêu trong tâm hồn mình... Những cảm xúc không trôi đi mà đọng lại, thời gian và không gian đặc quánh tình yêu từ khi yêu 16 đến hơn 60 không có tuổi, mà chỉ có những rung động bao giờ cũng bồi hồi.”

Như thế thì tâm hồn Nguyễn An Bình là của chất thơ và vần điệu nên khi nhận được tập truyện **Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà...** tôi vừa ngạc nhiên vừa thú vị. Tất nhiên nhiều nhà thơ chuyển sang viết văn xuôi gần đây không ít, những lúc ấy tôi chợt nhớ đến một giai thoại mà Nguyễn Tuân

đã kể: “*Khi viết văn bí chữ, nhà văn Nguyễn Hồng lấy xe đạp phóng đi một chập và vừa đạp ông vừa làm thơ vì “viết truyện đâu để bóc khói, thỉnh thoảng làm ít câu thơ cho người nó đi” và thế là “khi xây dựng nhân vật, lúc cao hứng, ông đọc truyện qua một bên và sáng sảng ngâm thơ của mình.”*

Tôi chợt liên tưởng vậy thôi chứ trường hợp của Nguyễn An Bình thì ngược lại, là nhà thơ viết văn và với tính cách điềm đạm, anh không có máu lãng tử như nhà văn Nguyễn Hồng và cũng không mấy khi anh đưa thơ vào văn xuôi như nhà văn Kiệt Tấn.

Trong những năm gần đây, Nguyễn An Bình in khá nhiều sách, cả thơ lẫn văn, thì hiểu là anh hết mực yêu văn chương, vì cái nghề văn không hề nhàn hạ thanh thoi mà phải lao động cật lực, đêm ngày cày trên cánh đồng chữ, cẩn trọng trong từng dấu phẩy, chưa kể sự miệt mài quan sát, tìm tòi và suy nghĩ mới có thể kết hợp nhiều yếu tố trong nghệ thuật. Vì làm gì có con đường tắt nào cho văn chương!

Nhìn chung thì tập truyện **Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà** của Nguyễn An Bình có 15 truyện ngắn, có vài truyện khá dài (như Xóm Trọ hơn 7000 chữ, Bên dòng Potomac 5000 chữ, Còn xanh bóng núi 4300 chữ...) nhưng phần lớn các truyện

đều hiền lành và dung dị như chính con người anh. Cách viết của Nguyễn An Bình là pha trộn giữa truyện ngắn với bút ký, mỗi nét trong bức tranh đời người được anh kể lại bằng chất thơ của câu chữ nên ta thấy cuộc sống vùng sông nước phần êm dịu và nhẹ nhàng. Các chất liệu sống đều được anh sử dụng với một văn phong trong sáng, dễ hiểu, đọc lúc nào cũng thấy được tâm tình của tác giả.

Trong **Chuyện tình trên phá Tam Giang** (4920 chữ) kể về tình yêu cổ điển và có hậu của hai ngư dân nghèo. Mối tình của họ tuy chưa hẳn là trắc trở nhưng vẫn còn những toan tính thiệt hơn của người cha cô gái, rồi chỉ sau khi ông bị tai nạn từ cuộc trộm cá bất thành... mà tình duyên của họ được vuông tròn.

Chuột và người (4800 chữ) là một câu chuyện rất đời thường: Do tình cờ mà lão thợ hồ thất nghiệp trở thành kẻ bắt chuột lành nghề và kể từ đó thì vợ lão không cần nhằn mà trở thành người cộng sự đắc lực, giúp chồng mọi việc. Nhưng đưa con trai thấy công việc này vừa hôi hám vừa thất đức, can không được, bỏ nhà ra đi.

Một buổi chiều lão Thìn đang khề khà bên ly rượu để với các món thịt chuột thì bụng đau ọan oại, mắt trợn trừng, miệng ọc máu, vợ nghe kêu chạy vào thì lão đã ra đi. Trong đám tang, mặt

hàng xóm đều có vẻ buồn nhưng bụng mừng thầm vì thoát được cái mùi hôi thối từ ngôi nhà lão. Chỉ có ông y tá già mới biết được nguyên nhân cái chết: Mấy tháng trước ông đã thấy triệu chứng bất thường, da và tròng mắt lão Thìn ngả màu vàng nghệ, bụng trương lên...

Nguồn cội (3200 chữ) Kể về chuyện một thanh niên bị đưa qua Mỹ, trong chiến dịch babylift, muốn tìm lại cội nguồn. Do tình cờ anh biết được tên người sĩ quan trước đây đã cứu giúp mình. Anh hỏi xin địa chỉ, về Việt Nam tìm, và được ông cho biết là trên đường chạy loạn thấy bé bị thương và thất lạc người thân nên ông phải gửi vào viện mồ côi. Chuyện cảm động nhưng các tình tiết hơi bị gượng ép.

Bến sông quê (2300 chữ) Chuyện nói về tiếng đàn buồn và xót xa của người đàn ông bị vợ bỏ: Bị mù từ năm 7 tuổi, anh mê nhạc, học và đàn vọng cổ rất hay. Do tình cờ cứu 2 mẹ con bị ghe lật nên được bà mẹ gả con. Sau 8 năm chung sống, người vợ không chịu nổi kham khổ với người chồng tật nguyền, đã bỏ đi.

Tình tiết đơn giản nhưng truyện có nhiều đoạn tả cảnh hay và một đoạn kết có hậu: *“Năm Căn ngược mặt nhìn ra bến sông. Anh biết con nước giờ này đã đứng lớn và sắp chuẩn bị cho đợt nước ròng. Một tiếng*

chim vịt kêu nhưng lân này anh không còn cảm thấy buồn tẻ lẻ loi nữa, hình như nó đã tìm được bạn tình”.

Tấm thẻ bài. (3200 chữ) Là câu chuyện về một tình yêu bị chia cắt vì chiến tranh: Một người lính bên thua trận phải ra trình diện để học tập chính sách trong vài ngày, nhưng bị giữ gần 6 năm! Khi ra trại, thì người yêu đã vượt biên cùng gia đình. Anh xin đi Mỹ theo diện HO, nhưng hồ sơ bị thiếu. Thất vọng và giận dữ, anh bỏ lại thẻ bài ở phòng phỏng vấn. Rồi sau 2, 3 lần vượt biên, anh cũng qua được Mỹ. Đến nơi anh quyết tìm người yêu nhưng vô vọng. Một hôm anh nhận được thẻ bài, do người con của người phỏng vấn ngày xưa gửi đến: Ông ân hận, vì bị vướng nguyên tắc, không giúp được anh, nên nhờ con trai tìm anh để trả lại thẻ bài. Câu chuyện tình người, cảm động.

Nhưng có thẻ bài mà người yêu còn sống hay đã chết? Anh ném thẻ bài xuống biển.

Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà (3900 chữ)

Phạm Đạt rất yêu quý đàn voọc chà vá chân nâu sống trên đỉnh Sơn Trà. Trong một chiều lên núi để chụp cảnh hoàng hôn thì bất chợt mưa gió đầy trời. “*Mây đen đã bắt đầu quần tụ kéo tới xám xịt mỗi lúc một dày thêm trên bầu trời, gió từ phía biển u u thổi càng lúc càng mạnh vào vách núi, anh nghĩ chắc có khi mình không kịp xuống triền núi về phía cây đa ngàn tuổi...”*

Trong lúc tiến thoái lưỡng nan, Đạt nghe có tiếng đàn và trong màn mưa anh còn thấy có ánh lửa chập chờn, anh lần đến ngôi nhà nhỏ và gặp một người con gái. Khi gõ cửa và bước vào trong, ánh lửa bập bùng làm anh ấm áp. Sau một lát chuyện trò, cô gái đánh đàn, âm thanh của núi rừng từ chiếc đàn đá tạo thành một bản trường ca bất tận. Anh xúc động cúi xuống hôn lên tóc, lên môi và 2 người có 1 đêm ân ái, nhưng khi thức giấc, anh không nhìn thấy nàng đâu.

Nhờ bức thư anh mới hiểu cô gái chính là 1 con voọc chà vá bị sụp bẫy mà anh đã giải cứu nhiều năm trước. Hoang đường như chuyện Liêu trai!

Nhiều lần quay lại *“Hai mươi năm trôi qua tôi mong gặp lại nàng nhưng nàng và đồng loại nàng đã thật sự bỏ chốn cũ rời đi tìm chốn an bình trước cơn lốc hủy diệt tàn bạo của loài người”*

Tương như chuyện thần tiên, nhưng đoạn kết là lời tố cáo bọn người đang âm mưu chiếm Sơn Trà làm của riêng, bằm nát thiên nhiên.

Khác với các truyện ngắn trước, truyện có ý thức bảo vệ môi trường và gìn giữ thiên nhiên. Đoạn kết làm người đọc ấm lòng: *“Việc bảo vệ ngọn núi thiêng, bảo vệ màu xanh muôn đời của Sơn Trà đã có kết quả bước đầu thắng lợi, tất cả các dự án xẻ thịt Sơn Trà đều buộc phải dừng lại.”*

Qua thơ hay văn người đọc dễ nhận ra là Nguyễn An Bình một nhà thơ có tâm hồn nhạy cảm, cảm giác như anh vừa sống vừa lắng nghe, ghi nhận những gì xảy ra xung quanh bên ngoài và cảm xúc bên trong lòng mình để suy nghĩ và sáng tác. Là người điềm đạm, Nguyễn An Bình không dùng chữ to tát, cường điệu, anh viết truyện bình dị như tính cách của mình. Cái tên An Bình như vện vào những chuyện kể nhẹ nhàng, hiền hoà của anh. Ít khi thấy truyện ngắn có những xung đột dữ dội hay nhiều kịch tính.

Là nhà thơ viết truyện nên trong văn xuôi của Nguyễn An Bình không thể thiếu những hình ảnh, âm thanh và nhạc điệu. Xin được trích ra đây những đoạn văn tả cảnh rất có hồn:

- “ Con nước bắt đầu lớn, nước từ sông cái chảy vào kênh Cái Sâu lờ lờ bình lặng, từng vạt lục bình trôi dạt vào kênh điểm xuyên mấy chùm bông tím tím làm cảnh vật bớt buồn tẻ, đơn điệu. Lâu lâu một vài trái bầu già rụng xuống dòng kênh nghe lôm bôm, trong không gian trầm lắng đó người ta lại nghe tiếng đồn vọng cổ cất lên từ trước nhà Năm Can, tiếng đồn như ai oán, nhớ thương chất chứa bao niềm tâm sự.”

(tn **Bến sông quê**)

- “Nếu ai đã từng đi núi gặp phải cơn mưa rừng mới thấy hết cái dữ dội hung dữ của nó. Nó đến rất

nhanh không kịp trở tay, có thể ào ạt chớp nhoáng rồi nhanh chóng đi qua như người khách lạ, có lúc lại dai dẳng nhiều ngày như một kẻ thù truyền kiếp đeo bám không rời. Tiếng mưa rào rạt đập vào các thân cây cành lá nghiêng ngả tạo nên những cơn dư chấn domino khiến người lạc trong núi phải khiếp vía. Trên độ cao hơn ngàn mét thân gió mặc sức hoành hành, những đám mây xám từ biển cứ ò ạt kéo về, nước từ trên đỉnh núi theo các khe suối nhỏ ào ạt trôi băng băng xuống triền dốc như một cơn lũ dữ.”(tn Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà)

Trong truyện ngắn hiện đại, ít thấy ai tả cảnh. Mà tả cảnh hay thì càng hiếm. Con người đang gục đầu trên máy tính, ngập trong hàng đống giấy tờ, số liệu... mấy ai còn có thời gian nhìn ngắm thiên nhiên!

Bài viết này không có tham vọng phê bình mà chỉ là những cảm nhận cá nhân khi đọc tập truyện ngắn **Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà** để chia sẻ cùng tác giả Nguyễn An Bình nên chắc sẽ có bạn đọc nhìn qua một tâm cảm hay một góc nhìn khác. Để dẫn chứng tôi trích ra vài đoạn, phần còn lại xin dành cho độc giả đọc và khám phá.

Trương Văn Dân

Milano 20/8/2020

MỤC LỤC

Như những khúc tình ca gam thứ dịu dàng..... 5

Nhà văn Hoài Hương

1. Chuyện tình trên phá Tam Giang..... 17

2. Chuột và Người 36

3. Nguồn cội 55

4. Bến sông quê..... 68

5. Xóm trọ 78

6. Tình yêu màu hoa anh đào..... 106

7. Sông Ba mùa lũ..... 123

8. Trên đôi sừng..... 137

9. Mùa chim đồng dộc..... 154

10. Sông ngoài kia vẫn chảy 169

11. Chuyện của hai người..... 182

12. Bên dòng Potomac..... 195

13. Tám thẻ bài..... 216

14. Còn xanh bóng núi..... 229

15. Tiếng đàn đá trên đỉnh Sơn Trà..... 246

Nguyễn An Bình và Tiếng đàn trên đỉnh Sơn Trà... 262

Trương Văn Dân

Tiếng
đàn đá
trên đỉnh
Sơn Trà

tập truyện ngắn
Nguyễn An Bình

In 200 cuốn; khổ 13.5x20.5cm
tại Công ty CP Văn hóa in Lạc Việt,
Khu nhà máy Pin Văn Điển
Thanh Trì, Hà Nội
Số xác nhận ĐKXB: số 3228 -
2020/CXBIPH/13 – 80/TN
Số quyết định xuất bản: số 1383/
QĐ-NXBTN; ký ngày 26/8/2020
In xong và nộp lưu chiểu năm 2020
Mã ISBN: 978-604-303-579-7

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu - Hà Nội
Tel: 024 626 317 06
Fax: 024 394 360 24
Website: nxbthanhnien.vn

Chi nhánh miền Nam

145 Pasteur, P6, Q3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: 028 391 069 62

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc – Tổng biên tập
LÊ THANH HÀ

Biên tập: NGUYỄN THỊ HẢO
Vẽ bìa: Tranh HOAN CA ĐẤT TRỜI
của họa sĩ TRƯƠNG ĐÌNH UYÊN
Trình bày: SƠN HÀ
Sửa bản in: NGUYỄN AN BÌNH